

GIOAN LA SAN

NHỮNG NĂM ĐÈN SÁCH



John Baptist de La Salle as a young canon

Tác giả: Br. Luke SALM, FSC

TỦ SÁCH LA SAN
2026

John Baptist de La Salle
The Formative Years



Luke Salm, FSC

Bìa 1: Kinh sĩ Gioan La San
Bìa 3: Nhà nguyện của Sorbonne.

Mục lục

Chữ viết tắt

Lời nói đầu

Dẫn nhập

1. Collège des Bons-Enfants

2. Tiểu Chúng Sinh

3. Sinh Viên Thân Học

4. Chúng Sinh

5. Linh Mục

6. Vị Tân Linh Mục

Chữ viết tắt

- CL *Cahiers lasalliens*. Một loạt ấn phẩm liên tục về các nghiên cứu, bản văn và tài liệu liên quan đến Gioan La San, cuộc đời, tác phẩm và ý tưởng tôn giáo và sự phạm của ngài. Những ấn phẩm này cũng tập trung vào những thập niên đầu của Dòng Anh Em Trường Kitô Giáo, Hội Dòng mà Gioan La San thành lập năm 1680.
- CL 4 *Conduite admirable de la divine Providence en la personne du vénérable serviteur de Dieu, Jean-Baptiste de La Salle*. Huynh Bernard, FSC
- CL 6 *La Vie de M. Jean-Baptiste de La Salle*. F. E. Maillefer
- CL 7 & 8 *La Vie de Monsieur Jean-Baptiste de La Salle, Instituteur des Frères des Ecoles chrétiennes*. Tập 1 & 2. Jean-Baptiste Blain
- CL 38 *Nicolas Roland, Jean-Baptiste de La Salle et les Soeurs de l'Enfant-Jésus de Reims*. Huynh Léon de Marie Aroz, FSC
- CL 41.2 *Jean-Baptiste de La Salle: Documents bibliographiques. Les Années d'imprégnation (1661-1683)*. Tập II. Huynh Léon de Marie Aroz, FSC
- OL 1 *Le XVII^e Siècle et les Origines lasalliennes*. Tập I, Rennes, 1970. Huynh Yves Pouter, FSC

Lời nói đầu

Tập sách này là sự ra mắt của một loạt sách mới trong toàn bộ dự án được gọi là Lasallian Publications. Được tài trợ bởi Regional Conference of the Christian Brothers của Hoa Kỳ và Toronto, Lasallian Publications có mục đích chính là cung cấp bản dịch tiếng Anh mới của tất cả các tác phẩm của Thánh Gioan La San, Đấng Lập Dòng Anh Em Trường Kitô Giáo. Ngoài ra, dự án sẽ xuất bản các bản dịch mới của các tiểu sử ban đầu của Đấng Lập Dòng do những người đương thời của ngài viết vào đầu thế kỷ thứ XVIII.

Để cung cấp bối cảnh lịch sử và diễn giải phù hợp cho những tác phẩm ban đầu này, Lasallian Publications sẽ bao gồm các nghiên cứu theo chủ đề, trong đó tập sách này là cuốn đầu tiên, dựa trên các nguồn tài liệu có liên quan cùng thời với việc thành lập Dòng. Nhiều tài liệu trong số này chỉ mới được phát hiện gần đây và rất ít trong số chúng được đưa vào các nghiên cứu được xuất bản bằng tiếng Anh. Cuối cùng, dự án xuất bản sẽ bao gồm các phiên bản đã biên tập và dịch của các chuyên khảo Lasan gần đây cũng như các bài luận mới và nguyên bản về các vấn đề quan trọng liên quan đến Gioan La San và thời đại của ngài.

Nghiên cứu hiện tại tập trung vào những năm đèn sách của Gioan La San, tức là về quá trình học tập và đào tạo của ngài trong thời thơ ấu, tuổi thiếu niên và đầu tuổi trưởng thành, bao gồm cả những năm đầu tiên trong thiên chức linh mục (xem tóm tắt ở dưới). Các nghiên cứu theo chủ đề tiếp theo trong loạt sách này sẽ

đề cập đến gia đình và các mối quan hệ của ngài, những Sư huynh tiên khởi mà ngài đã kết giao, và cũng có một nghiên cứu về kinh nghiệm khá thành thạo của ngài với tư cách là một người quản lý.

Với cảm nghiệm học vấn của Gioan La San là trọng tâm, nghiên cứu đầu tiên trong loạt nghiên cứu theo chủ đề này sẽ kết thúc với việc ngài được thụ phong linh mục vào năm 1678, mục tiêu đào tạo tôn giáo của ngài và việc trao bằng Tiến sĩ Thần học vào năm 1680, học kỳ cuối cùng của chương trình học thuật của ngài. Từ đó trở đi, câu chuyện cuộc đời của Gioan La San đã rẽ sang một hướng khác, một hướng mà những năm đào tạo không giúp ích gì cho ngài.

Nguồn chính cho nghiên cứu này là Tập II của số 41 của bộ *Cahiers lasalliens*. Được biên soạn và biên tập bởi Huynh Léon Aroz, FSC, và xuất bản tại Rôma vào năm 1979, tác phẩm học thuật mẫu mực này có tựa đề *Les Années d'imprégnation (1661-1683)*. Trong tập này, tác giả phân tích 34 tài liệu ban đầu từ giai đoạn đó trong cuộc đời của Gioan La San. Phần giới thiệu mở rộng bao gồm khoảng 100 trang. Tiếp theo là bản sao chụp ảnh của mỗi tài liệu trong số 34 tài liệu với bình luận đầy đủ về tính cách và sự kiện liên quan đến từng tài liệu.

Có thể hiểu được một số ý tưởng về nghiên cứu liên quan đến việc biên soạn tập *Cahiers* này bằng cách lật qua 40 trang liệt kê các nguồn bản thảo mà Huynh Léon đã tham khảo trong 20 bộ sưu tập lưu trữ khác nhau. Phần tài liệu tham khảo của các tác phẩm đã xuất bản chiếm thêm 15 trang.

Mặc dù tài liệu trong bài thuyết trình bằng tiếng Anh này phụ thuộc rất nhiều vào bản văn của Aroz và ở một số phần sao chép lại khá sát, nhưng nó có ý định không chỉ là bản dịch. Bản chuyên thể này chắc chắn là có chọn lọc, loại trừ một lượng lớn các chi tiết có thể không có nhiều ý nghĩa đối với độc giả nói tiếng Anh. Hầu hết các công cụ học thuật và tất cả các chú thích trong tập *Cahiers* này đều đã bị bỏ qua hoặc được đưa vào bản văn tiếng Anh. Bất kỳ ai quan tâm đến việc theo đuổi các tài liệu nguồn sâu hơn đều có thể dễ dàng tìm thấy các tài liệu tham khảo trong tác phẩm của Aroz.

Ngoài ra, tác giả của nghiên cứu hiện tại này đã không ngần ngại đưa thêm tài liệu nền từ các nguồn khác khi thấy cần thiết hoặc mong muốn. Đặc biệt hữu ích về mặt này là tập đầu tiên của quyển *Le XVII^e Siècle et les Origines lasalliennes* của Huynh Yves Poutet, được xuất bản ở Rennes, Pháp, vào năm 1970.

Trong khi Aroz sắp xếp tài liệu của mình dưới dạng bình luận để làm sáng tỏ các tài liệu, thì Poutet xử lý theo cách có hệ thống hơn những ảnh hưởng đến Gioan La San trong những năm đèn sách của ngài. Do đó, hai nghiên cứu nguồn này bổ sung cho nhau. Tuy nhiên, về một số vấn đề diễn giải, Aroz và Poutet không phải lúc nào cũng đồng ý. Điều đó đã được chỉ ra trong bản văn hiện tại khi nó có vẻ quan trọng.

Một đặc điểm khác của nghiên cứu hiện tại là việc đưa vào các lựa chọn phù hợp từ những người viết tiểu sử ban đầu của Gioan La San. Cả Aroz và Poutet đều cho rằng người đọc đã quen thuộc với các bản văn này, một tình huống mà nói chung vẫn chưa phổ biến trong

số các Sư huynh nói tiếng Anh. Vì lý do đó, ở đây, chúng tôi sẽ nói ngắn gọn về từng người viết tiểu sử ban đầu này. Họ sẽ thường xuyên được trích dẫn trong các trang tiếp theo.

Người đầu tiên cố gắng viết tiểu sử về Gioan La San là một thành viên của Dòng Anh Em Trường Kitô Giáo. Người đó được biết đến là Huynh Bernard và, ngay sau khi Đấng Lập Dòng qua đời vào năm 1719, được các bề trên giao nhiệm vụ viết câu chuyện về cuộc đời của ngài. Bernard đã chứng minh rằng Huynh không đủ khả năng hoàn thành nhiệm vụ và tác phẩm của Huynh không được coi là xứng đáng để xuất bản vào thời điểm đó. Chỉ một phần của nó còn tồn tại dưới dạng bản thảo. Nó đã được xuất bản lần đầu tiên dưới dạng Tập 4 trong bộ *Cahiers lasalliens*. Bản dịch tiếng Anh của Huynh William Quinn, FSC, đang được chuẩn bị cho Lasallian Publications.

Tiểu sử đầy đủ đầu tiên của Gioan La San được xuất bản trong hai phiên bản bản thảo (năm 1723 và 1740). Đây là tác phẩm của Dom Elie Maillefer, OSB, tên khai sinh là François-Elie Maillefer và là cháu trai của Đấng Lập Dòng. Các bản văn gốc của cả hai phiên bản được xuất bản cạnh nhau trong Tập 6 của bộ *Cahiers*. Bản dịch tiếng Anh của Huynh William Quinn cho phiên bản năm 1740 chỉ có từ năm 1963. Phiên bản này được tái bản vào năm 1980 nhân dịp kỷ niệm ba trăm năm thành lập Dòng.

Tiểu sử gốc dài nhất và đầu tiên xuất hiện dưới dạng in là tác phẩm của Kinh sĩ Jean-Baptiste Blain. Ông bề trên tôn giáo của các Sư huynh ở Rouen vào thời điểm Đấng Lập Dòng qua đời tại Saint Yon.

Tiểu sử của Blain lần đầu tiên xuất hiện vào năm 1733 trong hai tập gồm bốn cuốn: ba tập dành riêng cho câu chuyện cuộc đời của Gioan La San; tập thứ tư, dành cho “tinh thần và đức tính” của ngài. Khi chuẩn bị bản văn của mình, rõ ràng là nhằm thúc đẩy sự nghiệp phong thánh cho Đấng Lập Dòng, Blain đã có trong tay tất cả các hồi ký bằng bản văn của các Sư huynh, cũng như một số hồi ức do chính Gioan La San viết. Do thực tế là hầu hết những điều này đã bị thất lạc, nên công trình đôi khi tẻ nhạt của Blain vẫn là nguồn chính không thể thiếu.

Tập 7 và 8 của bộ *Cahiers lasalliens* bao gồm bản sao chụp chính xác của toàn bộ bản văn trong ấn bản đầu tiên của Blain, được xuất bản vào năm 1733. Tiểu sử của Đấng Lập Dòng có trong ba quyển sách đầu tiên của Blain chỉ mới được dịch sang tiếng Anh lần đầu tiên gần đây. Bản dịch này là tác phẩm của Huynh Richard Arnandez, FSC. Bản dịch tiếng Anh mới của Huynh Edwin Bannon, FSC, về quyển sách thứ tư của Blain, có tựa đề *Spirit and Virtues*, dự kiến sẽ được xuất bản trong tương lai gần.

Bản dịch của Arnandez và Quinn về những người viết tiểu sử ban đầu đã được sử dụng, với một số sửa đổi nhỏ, trong toàn bộ bản văn hiện tại. Tuy nhiên, vì các phiên bản mới của những bản dịch này cuối cùng sẽ xuất hiện như một phần của Lasallian Publications, nên việc trích dẫn những tác giả này theo bản văn tiếng Pháp trong bộ *Cahiers* được cho là nên làm.

Việc đưa vào những trích dẫn này từ Bernard, Maillefer và Blain không nên che giấu sự thật rằng phần lớn tài liệu nguồn có sẵn ngày nay hoặc là không

được các nhà viết tiểu sử ban đầu biết đến hoặc bị gạt sang một bên vì không có nhiều hiệu quả. Giai đoạn huấn luyện trong cuộc đời của Đấng Lập Dòng dường như không được những người cùng thời của ngài quan tâm nhiều. Bernard chỉ dành tám trong số 86 trang của mình cho giai đoạn này; những năm đèn sách chỉ chiếm 13 trong số 340 trang bản thảo năm 1740 của Maillefer và chỉ sáu trong số 55 chương của Blain.

Các tác giả hiện đại đã thể hiện nhiều sự quan tâm hơn đến giai đoạn này trong cuộc đời của Đấng Lập Dòng. Huynh Clair Battersby, FSC, dành trọn ba chương cho giai đoạn này trong cuốn tiểu sử năm 1957 của mình, đây là cuốn tiểu sử duy nhất được phát triển đầy đủ về cuộc đời của Đấng Lập Dòng được xuất bản bằng tiếng Anh. Tuy nhiên, lưu ý rằng tài liệu nguồn sau đó được xuất bản trong bộ *Cahiers* không phải là sự phản ánh về đóng góp của Battersby. Do đó, một số phần trong tài liệu của Huynh, đặc biệt là liên quan đến gia đình de La Salle, cần được hiệu chỉnh theo hướng nghiên cứu sau này.

Cuốn tiểu sử đầy đủ gần đây nhất của Đấng Lập Dòng vừa được xuất bản (năm 1986) bằng tiếng Tây Ban Nha. Tác giả là Huynh Saturnino Gallego, FSC, người có bằng tiến sĩ thần học từ Viện Giáo hoàng ở Salamanca. Với tựa đề *Juan Bautista de La Salle*, đây là cuốn tiểu sử đầu tiên tận dụng tối đa học thuật Lasan được thực hiện từ năm 1956. Nhiều sự chú ý được dành cho những năm đèn sách trong 146 trang được ghi chép đầy đủ của quyển sách dày 600 trang. Huynh Saturnino lần đầu tiên trình bày bằng tiếng Tây Ban Nha nhiều tài

liệu tương tự sẽ được trình bày lần đầu tiên ở đây bằng tiếng Anh.

Trong quá trình biên soạn công trình nghiên cứu bằng tiếng Anh này, tác giả đã phải đưa ra một số quyết định về phương thức tiếp cận chủ đề. Bản chất của tư liệu, vốn bao gồm những phân bình giải sâu rộng về các nguồn tài liệu gốc, dường như đã loại trừ việc sử dụng một văn phong nhẹ nhàng, giàu trí tưởng tượng theo kiểu tái hiện lịch sử.

Cũng có vẻ nên tránh mọi nỗ lực liên kết câu chuyện Gioan La San với các phong trào chính trị và văn hóa lớn trong thời đại của ngài. Mặc dù tuổi thọ của Đấng Lập Dòng (1651-1719) gần như trùng với triều đại huyền thoại của vua Louis XIV (1654-1715), nhưng mức độ ảnh hưởng trực tiếp của các sự kiện chính trị và thành tựu văn hóa trong thời kỳ đó đối với vị kinh sĩ trẻ từ Reims, hoặc mức độ ngài quan tâm đến chúng, vẫn còn khá nhiều vấn đề.

Một cách tiếp cận hấp dẫn hơn cũng phải chống lại là cách tiếp cận của Huynh Yves Poutet. Trong suốt quá trình phân tích giai đoạn này, Huynh đã đưa ra những điểm tương đồng sâu rộng giữa các tác phẩm của các thầy giáo và cố vấn của Gioan La San và những đoạn tương tự trong các tác phẩm sau này của Đấng Lập Dòng. Loại nghiên cứu này dường như đủ làm chất liệu cho một công trình chuyên khảo hoàn chỉnh và chuyên sâu và trên thực tế, là mối quan tâm chính của nghiên cứu Lasan vào thời điểm hiện tại. Tuy nhiên, trong nghiên cứu này, thỉnh thoảng cần nêu bật một số sự kiện hoặc ảnh hưởng nhất định có ý nghĩa đặc biệt đối với sứ mạng tương lai của Đấng Lập Dòng.

Vì nhiều lý do, cách tiếp cận sau đây sẽ phần lớn là thực tế. Một số độc giả, những người có thể đã kiên trì hoặc được hưởng lợi từ nền giáo dục cổ điển và triết học truyền thống, có thể thấy rằng nhiều điều trong trải nghiệm giáo dục của Gioan La San giống với trải nghiệm của họ. Những người khác có thể vừa kinh hoàng vừa thích thú khi khám phá chi tiết những gì ngài phải chịu đựng để trở thành một người có học thức của thời đại mình.

Trong cả hai trường hợp, tác giả hy vọng rằng những trang này sẽ thúc đẩy phong trào đang diễn ra trên toàn thế giới để hiểu rõ hơn về thực tế đầy đủ về con người và sự nghiệp của Thánh Gioan La San. Một cách để hiểu rõ hơn về Đấng Lập Dòng là tập trung vào một yếu tố trong cuộc đời của ngài tại một thời điểm, trong bản văn này sẽ là những năm đèn sách. Vì mục đích này, một nỗ lực đã được thực hiện nhằm tập hợp các tư liệu, và sau đó để cho chính những sự kiện ấy tự lên tiếng. Nếu những tư liệu được trình bày tại đây thực sự chạm đến độc giả và tạo được sự đồng cảm sâu sắc, thì nỗ lực này quả thực đã trở nên vô cùng xứng đáng.

Luke Salm, FSC
Manhattan College
30 tháng 4 năm 1987

Tóm tắt

Thứ Hai 10/10/1661: Collège des Bons Enfants (CBE) tại Reims khai giảng. Gioan La San (GLS) 10 tuổi, vào học lớp Sáu.

Thứ Bảy 11/03/1662: *GLS (11 tuổi) tham dự nghi thức cạo một nhúm tóc trên đỉnh đầu (tonsure) tại nhà nguyện của tòa tổng giám mục Reims.*

Thứ Ba 10/10/1662: CBE tại Reims khai giảng. GLS (11 tuổi) vào học lớp Năm.

Thứ Tư 10/10/1663: CBE tại Reims khai giảng. GLS (12 tuổi) vào học lớp Tư.

Thứ Sáu 10/10/1664: CBE tại Reims khai giảng. GLS (13 tuổi) vào học lớp Ba.

Thứ Bảy 10/10/1665: CBE tại Reims khai giảng. GLS (14 tuổi) vào học lớp Nhì.

Chúa Nhật 10/10/1666: CBE tại Reims khai giảng. GLS (15 tuổi) vào học lớp Nhất.

Thứ Sáu 07/01/1667: *GLS (16 tuổi) nhận chức Kinh sĩ (canon) nhà thờ chính tòa Reims.*

Thứ Hai 10/10/1667: CBE tại Reims khai giảng. GLS (17 tuổi) vào học năm thứ nhất Triết học.

Thứ Bảy 17/03/1668: GLS (17 tuổi) nhận 4 chức nhỏ (minor orders) tại nhà nguyện của tòa tổng giám mục Reims.

Thứ Tư 10/10/1668: CBE tại Reims khai giảng. GLS (17 tuổi) vào học năm thứ hai Triết học.

Thứ Tư 10/07/1669: Kết thúc 8 năm học tại CBS Reims. GLS (18 tuổi) nhận bằng tốt nghiệp MA (Master of Arts).

Tháng 10/1669: GLS (18 tuổi) vào học năm thứ nhất Thần học tại Đại học Reims.

Thứ Bảy 18/10/1670: GLS (19 tuổi) chuyển đến Paris ở tại Chung viện Saint Sulpice vào ngày hôm trước 17/10 và bắt đầu học năm thứ hai Thần học (năm thứ nhất tại Đại học Sorbonne).

Thứ Hai 19/10/1671: GLS (20 tuổi) bắt đầu học năm thứ ba Thần học (năm thứ hai tại Đại học Sorbonne, Paris).

Từ Tháng 04/1672: GLS (21 tuổi) tạm ngưng năm thứ ba Thần học chuyển về lại Reims để chăm sóc cho các em và quản lý tài sản của gia đình. Lý do là vì cha mẹ ngài qua đời trước đó: mẹ ngài qua đời ngày 19/07/1671 và cha ngài qua đời ngày 09/04/1672.

Từ Tháng 05/1672: Song song với việc chăm sóc cho các em và quản lý tài sản của gia đình, GLS tranh thủ ghi danh học các khóa Thần học buổi chiều. Tháng 08/1672, ngài hoàn tất chương trình 3 năm Thần học.

Thứ Bảy 11/06/1672: *GLS (21 tuổi) nhận chức Phó tế (Thầy Năm – subdeacon) tại Cambrai.*

Năm học 1672-1673: Gián đoạn việc học.

Thứ Ba 10/10/1673: GLS (22 tuổi) bắt đầu học năm thứ nhất chương trình Triết học nâng cao tại Đại học Reims.

Thứ Tư 10/10/1674: GLS (23 tuổi) bắt đầu học năm thứ hai chương trình Triết học nâng cao tại Đại học Reims.

Tháng 08/1675: Sau khi hoàn tất chương trình 3 năm Thần học và 2 năm Triết học nâng cao, GLS (24 tuổi) nhận bằng Cử nhân Thần học STB (Bachelor of Sacred Theology) tại Đại học Reims.

Thứ Tư 01/01/1676: GLS (25 tuổi) bắt đầu học năm thứ nhất chương trình lấy bằng Cử nhân Thần học STL (Licentiate in Sacred Theology) tại Đại học Reims.

Thứ Bảy 21/03/1676: *GLS (25 tuổi) nhận chức Phó tế (Thầy Sáu – deacon) tại tòa tổng giám mục Paris.*

Thứ Sáu 01/01/1677: GLS (26 tuổi) bắt đầu học năm thứ hai chương trình lấy bằng Cử nhân Thần học STL (Licentiate in Sacred Theology) tại Đại học Reims.

Thứ Tư 26/01/1678: GLS (27 tuổi) nhận bằng Cử nhân Thần học STL (Licentiate in Sacred Theology) tại Đại học Reims.

Thứ Bảy Tuần Thánh 09/04/1678: *GLS (27 tuổi) nhận chức Linh mục tại nhà nguyện của tòa tổng giám mục Reims.*

Năm 1680?: GLS (29 tuổi) nhận bằng Tiến sĩ Thần học Thần học STD (Doctor of Sacred Theology) tại Đại học Reims.

Dẫn nhập

Gioan La San, Đấng Sáng lập Dòng Anh Em Trường Kitô Giáo, sinh tại Reims, thủ phủ của tỉnh Champagne ở đông bắc nước Pháp, vào ngày (Chúa Nhật) 30 tháng 4 năm 1651. Cha của ngài, ông Louis de La Salle, hậu duệ của một gia đình buôn vải, là một thẩm phán giàu có của tòa án địa phương của Reims. Mẹ của ngài, bà Nicole Moët, là con gái của một nhà quý tộc, Jean Moët de Brouillet, nhưng bà đã mất mọi quyền sở hữu danh hiệu quý tộc bởi cuộc hôn nhân của bà với một người tư sản.

Trong số mười một người con sinh ra từ cuộc hôn nhân của ông Louis de La Salle và bà Nicolle Moët, chỉ có bảy người sống sót. Gioan La San là anh cả. Bốn người em trai của ngài là Jacques-Joseph, Jean-Louis, Pierre và Jean-Rémy; hai người em gái của ngài là Marie và Rose-Marie.

Lúc đầu, gia đình sống trong ngôi nhà hoặc biệt thự được gọi là La Cloche (Cái Chuông), ngay gần đường de l'Arbalète. Theo thời gian, ngôi nhà tỏ ra quá nhỏ đối với gia đình de La Salle đang ngày càng lớn mạnh. Năm 1664, khi Gioan La San được 13 tuổi, gia đình chuyển đến nơi ở rộng rãi hơn, nằm chéo nhà thờ chính tòa Reims trên đường Sainte-Marguerite. Biệt thự La Cloche vẫn còn tồn tại cho đến ngày nay. Sau quá trình trùng tu và cải tạo rộng rãi do thiệt hại trong hai cuộc chiến tranh thế giới, nơi đây hiện là nhà giám tỉnh dành cho các Sư huynh tại Reims.

Cha mẹ của Gioan La San không chỉ là những người Công giáo ngoan đạo và gương mẫu mà còn là những thành viên được kính trọng của tầng lớp trung thượng lưu. Nhiều người họ hàng gần và xa của họ là những nhân vật quan trọng trong đời sống văn hóa và xã hội của Reims. Thói quen của gia đình de La Salle được chi phối bởi các quy tắc ứng xử xã hội đúng đắn và thông thường. Âm nhạc và nghệ thuật được coi trọng. Có một thư viện được trang bị đầy đủ sách và những quyển sách được đọc, thường là đọc thành tiếng, như một hình thức thư giãn sau bữa ăn tối của gia đình.

Khi còn nhỏ, Gioan La San dường như đã chán những buổi dạ hội văn hóa thường được tổ chức tại biệt thự de La Salle. Người ta kể rằng có lần cậu chạy đến bà ngoại để nhờ bà đọc cho mình nghe những câu chuyện về cuộc đời của các vị thánh như một trò tiêu khiển thay thế. Đặc biệt, các buổi biểu diễn âm nhạc, một hình thức giải trí yêu thích mà cha cậu sắp xếp cho khách của mình, cũng không được cậu con trai nhỏ của ông ưa thích. Blain cho rằng điều này là do sự thúc đẩy trước đó của ân sủng thiêng liêng; Battersby, một tác giả hiện đại, kết nối điều này với sự ghê tởm tự nhiên của một cậu bé đối với một cách không thú vị như vậy để trải qua một buổi tối.

Huynh Bernard, người viết tiểu sử sớm nhất về ngài, kể lại rằng trong một dịp nọ, Gioan La San đã bị phê bình vì tội “quá chú trọng đến y phục sang trọng”. Rõ ràng là Gioan La San đã đón nhận lời phê bình này một cách rất nghiêm túc. Huynh Bernard cho biết cậu đã “tiếp thu lời phê bình ấy hữu hiệu đến mức bắt đầu xao nhãng về bề ngoài của mình, tuy nhiên lại không đi đến

chỗ thái quá” (CL 4, tr. 19). Mặc dù sự việc này diễn ra vào giai đoạn tương đối muộn trong cuộc đời ngài, nhưng nó vẫn cung cấp một manh mối hé lộ về tính chất đặc quyền trong quá trình giáo dục cũng như lối sống của Gioan La San.

Nền giáo dục chính quy được cung cấp cho Gioan La San phù hợp với mô hình này. Như các trang tiếp theo sẽ cho thấy, nó được thiết kế để cung cấp cho chàng trai trẻ tất cả những gì cần thiết để thăng tiến trong bất kỳ sự nghiệp nào mà sự giàu có và địa vị xã hội của ngài sẽ mở ra cho ngài: có lẽ là luật sư, theo bước chân của cha ngài; hoặc là giáo sĩ, do ảnh hưởng của mẹ ngài chắc chắn đã khiến ngài hướng đến; hoặc những cơ hội tương tự trong y học, tài chính, giáo dục hoặc chính trị.

Trong trường hợp của Gioan La San, lựa chọn theo đuổi sự nghiệp giáo sĩ được đưa ra từ rất sớm. Theo thời gian, sức hấp dẫn của ngài đối với những điều liên quan đến đạo giáo đã phát triển thành một on gọi thực sự đối với chức linh mục, một sự đáp trả cá nhân và tận tụy đối với những gì được nhận thức rõ ràng là tiếng gọi từ Thiên Chúa. Theo đó, nền giáo dục của ngài bao gồm hai yếu tố: thành phần học thuật, sẽ đạt đến đỉnh cao là bằng tiến sĩ thần học; và giáo sĩ, cuối cùng dẫn đến việc thụ phong linh mục.

Một bước ngoặt trong sự nghiệp học vấn của Gioan La San đã đến khi cha mẹ ngài qua đời trong vòng một năm, từ 1671 đến 1672. Khi đó ngài mới 21 tuổi và mới bắt đầu học phần chính của chương trình thần học. Từ đó, việc theo đuổi thần học hàn lâm và đào tạo giáo sĩ của ngài phải được kết hợp với trách nhiệm của ngài

là người đứng đầu gia đình và chăm sóc các em trai, em gái của mình. Việc ngài đối mặt với những thách thức đa dạng và nhiều mặt này cũng góp phần lớn cho sự phán đoán nghiêm túc, ý thức tổ chức và động lực tôn giáo của ngài.

Bản thân lịch sử của gia đình de La Salle không phải là mối quan tâm trực tiếp của tác phẩm hiện tại này. Đó là vấn đề xứng đáng được xử lý chính thức và sâu rộng. Tuy nhiên, có lẽ không lạc lõng khi phác thảo ngắn gọn về những gì đã xảy ra với các em của Gioan La San sau khi chúng được ngài chăm sóc.

Ngay sau cái chết của cha mẹ, cô con gái lớn nhất, Marie, đã rời khỏi biệt thự của gia đình để đến sống với bà ngoại Perrette Lespagnol Moët. Marie dẫn theo cậu em út Jean-Rémy, khi đó chưa đầy hai tuổi. Năm 1679, chỉ khoảng một năm sau khi Gioan La San được thụ phong linh mục, Marie kết hôn với Jean Maillefer, và Jean-Rémy thì có lẽ đã trở về sống với Gioan La San ngay sau đó. Gia đình Maillefer có mười người con, một trong số đó, Dom Elie Maillefer, OSB, một ngày nào đó sẽ viết tiểu sử về người cậu của mình.

Ngay cả trước khi cha cô mất, có lẽ là vào tháng 2 năm 1672, cô gái trẻ hơn, Rose-Marie, khi đó mới 16 tuổi, đã vào đan viện kín của các nữ tu dòng Thánh Augustinô tại Reims. Gioan La San luôn thể hiện tình cảm đặc biệt với cô. Cô qua đời đột ngột vào năm 1681 ở tuổi 25.

Điều đó khiến ba cậu bé tuổi teen vẫn sống ở nhà với Gioan La San. Năm 1677, người lớn tuổi nhất trong ba người, Jacques-Joseph, vào tập viện của các Kinh sĩ dòng Thánh Augustinô tại Paris. Sau khi thụ phong

linh mục, ông đã lấy bằng tiến sĩ thần học, và dạy triết học và thần học tại Blois. Sau đó, ông trở thành bề trên và viện phụ của nhà thờ đan viện Saint Martin ở Chauny, nơi ông qua đời vào năm 1723.

Vào cuối tháng 6 hoặc đầu tháng 7 năm 1681, khi Gioan La San ngày càng tham gia nhiều hơn với các thầy giáo, thì Pierre, khi đó gần 15 tuổi, và Jean-Rémy, khi đó chưa đầy 11 tuổi, đã đến sống với Marie và chồng bà. Jean-Louis vẫn ở nhà với anh trai cho đến năm sau khi ông rời đi Paris để tu học làm linh mục.

Sau đó, Jean-Louis đã lấy bằng tiến sĩ thần học tại Sorbonne và được bổ nhiệm làm kinh sĩ của nhà thờ chính tòa Reims. Pierre cuối cùng đã kết hôn và có sự nghiệp luật sư xuất sắc. Cả Jean-Louis và Pierre đều đóng góp chuyên môn và ảnh hưởng của mình để hỗ trợ Dòng Anh Em còn non trẻ, đặc biệt là sau khi Đấng Lập Dòng qua đời. Jean-Louis qua đời vào năm 1724. Pierre sống đến năm 75 tuổi; ông qua đời vào năm 1741.

Người con út trong gia đình, Jean-Rémy, thì không thành công bằng. Sau một thời gian trong quân đội, nơi ông thăng tiến lên cấp bậc trung úy, ông trở về cuộc sống dân sự và trở thành thẩm phán tại tòa án tài chính tại Reims. Ông kết hôn với một người “cao hơn địa vị của ông” vào năm 1711, có bốn đứa con với một người vợ kém ông 20 tuổi, bị suy nhược thần kinh vào năm 1715 và qua đời tại một bệnh viện tâm thần tại Paris vào năm 1732.

Câu chuyện sau đây sẽ tập trung gần như hoàn toàn vào người lớn tuổi nhất trong gia đình de La Salle, đó chính là Gioan La San. Câu chuyện về nền giáo dục

chính thức của ngài bắt đầu từ khi ngài vào Collège des Bons-Enfants năm 1661; và kết thúc bằng việc nhận bằng Tiến sĩ Thần học năm 1680. Khi đề cập đến những năm “đèn sách” của Gioan La San, thì chuyên luận ngắn này có thể được đặt tên là “Gioan La San trước cuộc Đổi đời”.

Vào năm 1680, Gioan La San vẫn đang tận hưởng sự thoải mái tương đối của thế giới mà ngài được nuôi dưỡng. Đây là một thế giới mà, như một tác giả gần đây đã mô tả, “việc sở hữu tiền bạc, ảnh hưởng của quyền lực, nguồn lực văn hóa, mạng lưới các mối quan hệ và các vòng tròn ảnh hưởng đều mang lại sự ổn định và an toàn”. Sự huấn luyện về trí tuệ, tôn giáo và giáo sĩ của Gioan La San được thiết kế để giúp ngài có thể hòa nhập thoải mái vào thế giới đó.

Tuy nhiên, vào chính năm 1680 đó, Gioan La San đã có sự tiếp xúc ban đầu với một thế giới rất khác, thế giới của một nhóm nhỏ các thầy giáo được tuyển dụng để dạy tại các trường từ thiện tại Reims. Những người này thuộc về một tầng lớp xã hội bị coi là vô giá trị và đáng khinh bỉ, điều này không phải là không có lý do. Như Gioan La San đã nói về họ sau này: “Tôi coi những người mà tôi buộc phải tuyển dụng vào các trường học có địa vị thấp hơn người hầu của mình là điều tự nhiên nhất trên đời. Chỉ nghĩ đến việc tôi có thể phải sống chung với họ thôi cũng đã là điều không thể chịu đựng được” (CL 7, tr. 169).

Vào lễ Phục sinh năm 1680, Gioan La San quyết định mời năm hoặc sáu thầy giáo trong số này đến nhà mình để cùng ăn chung bàn ăn gia đình. Về sau, ngày này được chọn để đánh dấu ngày thành lập Dòng Anh Em

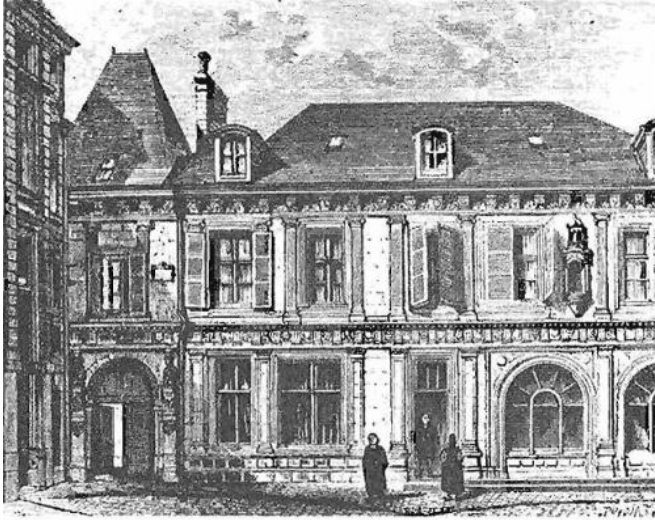
Trường Kitô Giáo. Trong một bài phát biểu gần đây và vẫn chưa được công bố, Huynh Michel Sauvage, FSC, đã nhấn mạnh tầm quan trọng của sự kiện này:

Chính vì sự kiện này, ngài đã khơi dậy một cuộc đối đầu tàn khốc, một cú sốc văn hóa giữa hai thế giới mà về mặt thực tế không hề biết gì về nhau. Cú sốc này đã được cảm nhận trong toàn bộ gia đình và môi trường xã hội nơi ngài sống. Nó sẽ có tiếng vang trong phần sâu thẳm nhất của chính bản thân ngài.

Lễ Phục sinh năm 1680. Ngày này đánh dấu sự khởi đầu, một điểm tham chiếu, cho sự đảo lộn toàn bộ vũ trụ của Gioan La San. Nó chỉ ra một điểm khởi đầu cho sự đổi đời của ngài để sống cuộc sống của Phúc âm. Nó đánh dấu sự nắm bắt rõ ràng một quá trình giải phóng nội tâm và xã hội sẽ đưa ngài đến điểm mà ngài không có ý định, mong muốn cũng như lòng can đảm để tự mình dẫn thân.

Sự khởi đầu của việc thành lập Dòng sẽ được tìm thấy trong phôi thai của một cộng đoàn. Nhưng cũng vậy, và quan trọng hơn, đó là khoảnh khắc khi một Đấng Lập Dòng được sinh ra trong ơn gọi sống Phúc Âm, một sự công nhận từ phía ngài rằng Chúa Thánh Thần đã bắt đầu hoạt động trong ngài theo một cách không lường trước và vô hình.

Việc theo đuổi phần đó của câu chuyện nằm ngoài phạm vi của tập sách hiện tại này. Chỉ cần lưu ý, trong tập sách có tựa đề *Những Năm Đèn Sách* này, rằng quá trình huấn luyện cuối cùng có ý nghĩa, qua đó Gioan La San sẽ nổi lên như Đấng Sáng lập Dòng tu của mình, chỉ bắt đầu sau khi “những năm đèn sách” kết thúc.



The Hôtel de la Cloche, where John Baptist lived from 1651 to 1655

**Biệt thự de la Cloche,
nơi Gioan La San sống từ năm 1651 đến năm 1655**

1

Collège des Bons-Enfants

Cả ba người đầu tiên viết tiểu sử Gioan La San đều mô tả rất chi tiết về sở thích của ngài đối với những điều liên quan đến đạo giáo ngay từ những năm đầu đời. Tuy nhiên, khi nói đến nền giáo dục chính quy của ngài, thì họ dường như không mấy quan tâm đến cách đưa trẻ ngoan đạo này được dạy về những phương pháp để học đọc, học viết và số học.

Maillefer nhận xét rằng cha ngài, ông Louis de La Salle, thẩm phán của thành phố, “đã lo cho cậu có một nền giáo dục phù hợp với phẩm giá của gia đình. ... Ông đã tự mình chăm sóc cậu con trai cho đến khi cậu bé đến tuổi bắt đầu đi học” (CL 6, tr. 19). Blain thì chính xác hơn một chút: “Khi đến lúc bắt đầu việc học chính quy, cậu được giao cho những gia sư có khả năng giáo huấn cậu về việc học nhân bản. Sau đó, cậu được gửi đến một trường học trực thuộc Đại học Reims, nơi cậu đã trải qua những năm học tập đầu tiên” (CL 7, tr. 120). Trường học này được gọi là Collège des Bons-Enfants.

Lịch sử của Collège des Bons-Enfants

Việc Thành lập và Phát triển của Trường Nhà thờ Chính tòa

Vào thời điểm Gioan La San bắt đầu đi học tại Collège des Bons-Enfants vào ngày 10 tháng 10 năm 1661, trường đã trở thành một phần không thể thiếu của Đại học Reims trong một thời gian dài. Nguồn gốc của trường có từ thế kỷ thứ IX dưới thời Tổng Giám mục Hincmar (mất năm 882), người đã thúc đẩy việc giáo dục trong giáo phận của mình bằng cách thành lập một trường dạy thần học cho các kinh sĩ của nhà thờ chính tòa. Ông đã hợp nhất trường này với một trường khác cho việc đào tạo giáo dục tổng quát cho những người ngoại quốc. Các trường nằm gần nhà thờ chính tòa trên đường des Tapissiers. Chương trình giảng dạy cơ bản được tổ chức theo bảy môn học truyền thống: trivium, hay cấp tiểu học, bao gồm ngữ pháp, hùng biện và luận lý học; quadrivium, hay cấp trung học, bao gồm số học, âm nhạc, hình học và thiên văn học.

Một số lượng nhất định học sinh nghèo được gọi là *bons-enfants de la miséricorde* (“những đứa trẻ ngoan cần được giúp đỡ”) được trợ cấp từ doanh thu từ tài sản của đan viện Saint Pierre-le-Vieil. Thu nhập được quản lý bởi Viện Dưỡng lão Reims, nằm trên địa điểm mà đan viện từng tọa lạc. Mặc dù có nhiều thay đổi về tính chất và vị trí trong nhiều thế kỷ, trường vẫn luôn giữ nguyên tên và truyền thống của *bons-enfants*.

Lịch sử phát triển của trường đại học Reims giữa thế kỷ thứ X và thế kỷ thứ XVII, theo một nghĩa nào đó, tóm tắt lịch sử giáo dục thời trung cổ. Giống như hầu hết mọi nơi ở châu Âu, đầu thế kỷ thứ X là thời kỳ suy thoái về trí tuệ và đạo đức. Vào cuối thế kỷ đó, khi Adalberon (mất năm 988) trở thành Tổng Giám mục

Reims, ông đã ưu tiên hàng đầu cho việc tái lập các tổ chức được thiết kế để thúc đẩy cả việc học lẫn lòng đạo đức.

Người đứng đầu các trường học tại Reims trong thế kỷ thứ XI là Gerbert danh tiếng, được mô tả là học giả nổi tiếng nhất của thế kỷ. Sau khi học tập ở Pháp và Tây Ban Nha, Gerbert đã dành một thời gian phục vụ tại triều đình của Hoàng đế Đức Otto II và sau đó đến Reims, nơi danh tiếng của ông đã thu hút những người đương thời của ông gọi là “đạo quân học sinh”. Ông dạy các khóa học về hùng biện và triết học, với các học sinh đọc Aristotle và Porphyry cũng như các tác phẩm kinh điển tiếng Latinh.

Gerbert là một nhà toán học tài ba và một nhà thiên văn học nổi tiếng, với việc phát minh ra một số thiết bị khoa học được ghi nhận. Sau đó, ông trở thành Tổng Giám mục Reims và sau đó là Ravenna. Năm 1098, ông được bầu làm Giáo hoàng và trị vì với tư cách là Đức Sylvester II cho đến khi qua đời vào năm 1109.

Thánh Bruno, một người đương thời với Gerbert, kinh sĩ nhà thờ chính tòa Reims, bản thân ông cũng là một nhà thơ, triết gia, nhà thần học và giáo sư Kinh thánh, đã giúp củng cố sự hồi sinh nền giáo dục tại Reims. Năm 1084, Bruno rời Reims để nghỉ hưu tại vùng núi Chartreuse xa xôi, nơi ông thành lập dòng Carthusian cùng một nhóm nhỏ các môn đệ bị thu hút bởi nơi ẩn dật của mình.

Môi trường giáo dục tại Reims tiếp tục được cải thiện dưới thời Alberic xứ Reims (mất năm 1139) và Garnier, người giám sát trường học của ông. Mới đến từ Paris, Garnier đã giới thiệu phương pháp học thuật

vào trường học tại Reims, nơi này nhanh chóng trở thành bản sao hoàn toàn của phương pháp tại Paris, vì các hoạt động giáo dục ở hai nơi này giống hệt nhau.

Giai đoạn thế kỷ thứ XII và XIII là thời đại của Bonaventure và Thomas, Dominic và Francis thành Assisi, Đức Giáo hoàng Innocent III và Công đồng Lateranô lần thứ tư năm 1215. Reims đã bổ nhiệm Alberon Humbert (mất năm 1218) làm Tổng Giám mục, người đã bắt đầu công trình xây dựng nhà thờ Gothic nổi tiếng Notre Dame tại Reims vào năm 1211 trong một thế kỷ. Ông được những người cùng thời mô tả là “một nhà thuyết giáo lỗi lạc của lời Chúa”, một giám mục “nổi tiếng vì lời dạy giáo lý cũng như tình yêu công lý của mình”.

Vào giữa thế kỷ thứ XIII, Collège des Bons-Enfants đã nhận được bộ quy chế đầu tiên, không gì khác hơn là một loạt các quy định bao gồm toàn bộ ngày học. Vì hầu hết học sinh đều là ứng cử viên cho chức linh mục, nên ảnh hưởng của truyền thống đan viện vẫn còn rất rõ ràng. Học sinh được yêu cầu phải đi ăn xin khi cần (một tập tục bắt nguồn từ các giáo đoàn khát thực) và bị buộc tội công khai về lỗi lầm của mình. Họ cũng được yêu cầu tự đánh mình bằng roi vào mỗi buổi tối, để chống lại các cám dỗ hoặc để chuộc lỗi vì đã để bị cám dỗ. Tất cả đều được thúc giục “học hành chăm chỉ và học thuộc lòng các bài học”. Không có gì được đề cập trong các điều lệ của trường về việc giảng dạy hoặc quá trình học tập, vì các lớp học vẫn được tổ chức tại các tòa nhà trường học nằm trong sân của nhà thờ lớn.

Mở rộng thành Trường Đại học

Một kỷ nguyên mới bắt đầu vào thế kỷ thứ XVI khi ảnh hưởng của thời kỳ Phục hưng lan rộng khắp nước Pháp. Reims, vẫn mô phỏng theo thủ đô, đã áp dụng các cải cách tương tự đang được tiến hành tại Đại học Paris. Chương trình các môn học, nền tảng của cấu trúc giáo dục của trường đại học, được đặc biệt chú ý. Có tới 25,000 học sinh theo học tại Đại học Paris vào thời điểm này. Trong số đó có giới tinh hoa trí thức từ Reims và vùng Champagne xung quanh, sự nhiệt tình chung đối với những thứ của trí tuệ rất dễ lây lan.

Để đáp ứng nhu cầu chuẩn bị đầy đủ cho những học sinh hy vọng đến Paris để học đại học, Gilles Grand-Raoul (mất năm 1522), giám sát trường học tại Reims dưới thời Tổng Giám mục Lenoncourt, đã phân bổ một khoản tiền đáng kể để tái thiết và mở rộng Collège des Bons-Enfants. Dự án này được Gilles giao cho cháu trai của mình, Paul Grand-Raoul (mất năm 1558), và hoàn thành vào năm 1546. Các tòa nhà mới bao gồm các phòng học, nhà nguyện và cơ sở lưu trú cho các nhà quản lý và học sinh nội trú. Vào thời điểm này, các trường học trên đường des Tapissiers đã được chuyển đến địa điểm mới này.

Do đó, trường Bons-Enfants không chỉ trở thành nơi cư trú mà còn là trung tâm hướng dẫn ở cấp độ tiền đại học. Phù hợp với hệ thống giáo dục tại Paris, chương trình giảng dạy tiểu học và trung cấp kéo dài mười năm, với các lớp được chỉ định theo số nhưng ngược lại. Các lớp từ năm thứ mười đến năm thứ năm dành cho các kỹ năng và khái niệm cơ bản; học sinh được

giới thiệu về văn học trong các lớp năm thứ tư, thứ ba và thứ hai; hùng biện là mối quan tâm của lớp năm thứ nhất.

Chương trình này chuẩn bị cho học sinh hai năm triết học tiếp theo và cấp bằng Tốt nghiệp MA cho những học sinh hoàn thành thành công. Ngôn ngữ giảng dạy là tiếng Latinh trong suốt chương trình.

Ngày nay, không còn nhiều tòa nhà của trường đại học vào thế kỷ thứ XVI và XVII với những mái nhà nhọn, tháp pháo thanh lịch và những bức tường đồ sộ và uy nghiêm. Các tòa nhà hiện tại nằm ở cùng một địa điểm nhưng chúng chỉ có từ thế kỷ thứ XIX. Bản khắc gốc trên đá từng tô điểm cho công chính có nội dung:

*COLLEGIUM
BONORUM PUERORUM
UNIVERSITATIS REMENSIS*

Bản khắc này đã được chuyển đến bệ cửa bên hông của tòa nhà trường hiện tại vào năm 1802, nơi vẫn có thể nhìn thấy.

Cấu trúc duy nhất còn sót lại là một mái vòm theo phong cách Phục hưng với dòng chữ khắc *Entrée des externes*. Có hai đầu thiên thần, mỗi đầu ở mỗi bên của mái vòm – thiên thần cau mày và thiên thần mỉm cười – có lẽ tượng trưng cho thái độ tương ứng của *những đứa trẻ ngoan* khi chúng vào và ra khỏi trường mỗi ngày. Mái vòm này vẫn nằm ở góc đường Vauthier-le-Noir. Không còn nghi ngờ gì nữa, Gioan La San đã đi qua đó nhiều lần trong những năm tháng còn là học sinh.

Vận mệnh của Collège des Bons-Enfants vào giữa thế kỷ thứ XVI đã được cải thiện đáng kể nhờ sự hỗ trợ của Đức Hồng y Charles xứ Lorraine đáng kính. Được bổ nhiệm làm Tổng Giám mục Reims năm 1538 và Đức Hồng y Lorraine năm 1547, ông đã cung cấp những phân mở rộng đáng kể cho các tòa nhà do Paul Grand-Raoul xây dựng. Ông đã xây dựng một đàn viện bao quanh sân trong, mở rộng mặt tiền dọc theo đường de l'Université bằng cách thêm nhiều cơ sở lưu trú hơn và mở rộng nhà nguyện.

Tất cả những điều này được thực hiện với mục đích thành lập một trường đại học tại Reims, nơi mà vị Hồng y đã nhận được sự chấp thuận của Đức Giáo hoàng Paul III trong một Sắc chỉ của Giáo hoàng đề ngày 5 tháng 1 năm 1545. Vua Henry II đã phê chuẩn việc thành lập trường đại học vào tháng 3 cùng năm. Sẽ có sự chuẩn bị cho bốn trường hoặc “khoa” truyền thống: văn chương, thần học, y học và luật. Khoa thần học được thành lập ngay lập tức nhờ lòng hảo tâm của Antoine Fournier (mất năm 1620). Các nhà thần học của Reims được định sẵn sẽ trở thành một lực lượng có ảnh hưởng trong các cuộc đấu tranh dân sự và tôn giáo diễn ra sau đó vào cuối thế kỷ.

Cấu trúc của trường đại học tại Reims phần lớn được mô phỏng theo cấu trúc của Paris. Việc giảng dạy thực tế là miễn phí, chỉ phải trả một khoản tiền nhỏ hằng tháng cho người gác cổng. Các học sinh nội trú, số lượng ít, mặc áo dài màu đen có dây thắt lưng, mũ tròn phân biệt chúng với vị tiến sĩ giáo sư, người có mũ vuông. Ngoại trừ các học sinh giáo sĩ, các học sinh ngoại trú không mặc trang phục đặc biệt.

Vào ngày 1 tháng 4 năm 1555, Đức Hồng y Charles xứ Lorraine đã ban hành “Hiến chương thành lập và tài trợ cho trường Collège tại Reims”, do đó thành lập Collège des Bons-Enfants như là khoa văn chương trong trường đại học mới. Từ các khoản thu nhập từ văn phòng của mình, ông đã cung cấp tiền để thuê giáo sư và tuyển học sinh, trả lương cho nhân viên và bảo trì các tòa nhà. Ông đã thành lập một số học bổng để cung cấp chỗ ở cho cư dân: bốn học bổng cho học sinh thể tục, hai học bổng cho học sinh giáo sĩ và bốn học bổng cho học sinh tiểu học. Theo thỏa thuận được Đức Giáo hoàng Pius IV phê chuẩn vào năm 1562, quyền kiểm soát và chỉ đạo của Bons-Enfants chính thức được chuyển từ người giám sát trường học (được gọi là *écolâtre*) sang Đức Tổng Giám mục Reims.

Dưới thời Charles xứ Lorraine, Reims đã trở thành một trung tâm học tập khoa học và văn học. Chưa bao giờ Reims được ban phước với những nhân vật văn học tài năng và học giả lỗi lạc mà vị Hồng y biết cách thu hút. Collège des Bons-Enfants cũng phát triển thịnh vượng trong một bầu không khí trí thức như vậy. Các tác giả tiếng Latinh được đánh giá rất cao và có một sự nhiệt tình gần như cuồng tín đối với việc nghiên cứu tiếng Hy Lạp. Các giáo sư được hưởng danh tiếng vượt xa ranh giới của Champagne, và nhiều người trong số họ đã giành được một vị trí cố định trong lịch sử giáo dục của Pháp.

Suy thoái: Các cuộc Chiến tranh Tôn giáo

Thật không may, tình trạng này không kéo dài được lâu. Vào cuối thế kỷ thứ XVI, một phần là do sự cuồng tín tôn giáo và sự ngoan cố của chính Đức Hồng y Charles, nước Pháp đã bị chia rẽ trong một loạt các cuộc đối đầu chính trị và quân sự giữa người Công giáo và người Tin lành. Điển hình của thời đại đó là lời khuyên của Louis xứ Orleans đối với người Công giáo: “Những kẻ dị giáo đang liên kết với nhau, vì vậy hãy liên kết với nhau để chống lại chúng; chúng đang tập hợp quân tiếp viện, các bạn cũng nên làm như vậy; chúng đang tập hợp quân đội, các bạn cũng nên làm như vậy”.

Đây là nguồn gốc của Liên đoàn Công giáo, với Hubert Meurier (mất năm 1602) và khoa thần học tại trường đại học là những người ủng hộ nhiệt thành của liên đoàn tại Reims. Lúc đầu, Collège des Bons-Enfants vẫn đứng ngoài cuộc tranh cãi, nhưng vụ ám sát Đức Hồng y Louis xứ Lorraine vào tháng 12 năm 1588 đã báo hiệu cho cuộc nổi loạn. Các học sinh đã cầm vũ khí, nhưng chúng hiếm khi tham gia vào cuộc chiến thực sự, phần lớn chúng hài lòng với các cuộc biểu tình ồn ào và hô vang khẩu hiệu hiếu chiến.

Kỷ luật học tập bị ảnh hưởng rất nhiều. Đến năm 1593, mọi thứ trở nên tồi tệ đến mức các lớp học phải tạm dừng và các tòa nhà bị biến thành doanh trại. Hòa bình đã được lập lại vào năm sau và các lớp học có thể được tiếp tục. Tuy nhiên, không thể quay trở lại thời kỳ hoàng kim của Đức Hồng y Charles xứ Lorraine.

Năm 1606, Vua Henry IV đã cho phép thành lập trường Collège Dòng Tên tại Reims và sáp nhập trường này vào trường đại học. Trường này nhanh chóng trở

thành đối thủ của Collège des Bons-Enfants và vẫn như vậy trong một thế kỷ rưỡi tiếp theo. Tệ hơn nữa, Chiến tranh Ba mươi năm tàn phá toàn bộ châu Âu trong nửa đầu thế kỷ thứ XVII đã diễn ra với sự khốc liệt đặc biệt ở vùng Champagne. Ngay cả sau hiệp ước Westphalia năm 1648, nội chiến vẫn tiếp tục hoành hành ở Pháp cho đến khi có lệnh ngừng bắn ở dãy núi Pyrénées vào năm 1659, cuối cùng đã chấm dứt tình trạng thù địch.

Sau nhiều năm bị các làn sóng thế lực thù địch liên tiếp chiếm đóng, Reims đã kỷ niệm hòa bình bằng một cuộc diễu hành chiến thắng dưới các mái vòm hoàng gia dựng trên các con phố, một bài Te Deum trang trọng trong nhà thờ lớn và màn trình diễn pháo hoa vào buổi tối. Gioan La San khi đó mới tám tuổi.

Bất chấp tình hình chính trị và tôn giáo hỗn loạn, Collège des Bons-Enfants trong giai đoạn này đã đào tạo ra một số học giả xuất sắc. Trong số đó có Guillaume Marlot, người đã viết lịch sử Reims và trường đại học của thành phố, có Pierre Cocquault (mất năm 1645), tác giả của niên giám Tổng Giáo phận Reims, và có Oudard Cocquault, người đã biên soạn một loạt hồi ký và niên giám của giai đoạn từ năm 1649 đến năm 1668. Các tác phẩm lịch sử của những tác giả này là nguồn quan trọng giúp chúng ta hiểu biết về lịch sử và tình hình của Collège des Bons-Enfants vào giữa thế kỷ thứ XVII.

Có lẽ người nổi tiếng nhất trong số những học sinh tốt nghiệp của trường trong giai đoạn này là Jean-Baptiste Colbert (mất năm 1683), được gọi là *le grand Colbert*, bộ trưởng tài chính dưới thời Vua Louis XIV, thành viên của Viện Hàn lâm Pháp và là một lực lượng quan

trọng trong việc nâng cao tiêu chuẩn tại các cơ sở giáo dục trên khắp nước Pháp.

Mặc dù một số học sinh tốt nghiệp trường Bons-Enfants trước năm 1659 rất xuất sắc, nhưng thật dễ hình dung ra mức độ kỷ luật đã bị ảnh hưởng như thế nào do hậu quả của chiến tranh, những cuộc cãi vã vô nghĩa với các tu sĩ Dòng Tên và sự chiếm đóng quân sự của thị trấn. Như Oudard Cocquault nhận xét, “Trong hơn 30 năm, trường đại học chẳng khác gì một nơi ảm náu, được bảo dưỡng kém và được đội ngũ nhân viên hành chính giám sát tồi tệ” (CL 41.2, tr. 19).

Các trình thuật đương thời phàn nàn về thực tế là các học sinh triết học không thể trò chuyện bằng tiếng Latinh, các học sinh thường xuyên lui tới các quán rượu, rượu vang thì có thể mua tại chính trường học với một khoản tiền rất nhỏ, các phòng ăn vang vọng tiếng chửi thề và hiệu trưởng trường đã không bước chân vào lớp học trong nhiều năm. Toàn bộ tình hình kêu gọi phải có một cuộc cải cách.

Cải cách: Quy chế năm 1662

Cuộc cải cách đã diễn ra không lâu sau đó. Năm 1659 (chỉ hai năm trước khi Gioan La San vào trường Bons-Enfants), Thomas Mercier được bổ nhiệm làm viện trưởng trường đại học. Quyết tâm theo đuổi cải cách với sức mạnh và sự bền bỉ, ông đã giành được sự ủng hộ của hội đồng thành phố. Trong một tài liệu đề ngày 17 tháng 10 năm 1660, trả lời cho “Thomas Mercier, Viện trưởng trường đại học, tìm kiếm sự hỗ trợ từ Tòa

án để khắc phục tình trạng hỗn loạn trong trường đại học”, hội đồng thành phố Reims tuyên bố:

Điều đã quyết định rằng thành phố sẽ hỗ trợ chương trình tuyệt vời của vị Viện trưởng nói trên nhằm khắc phục tình trạng hỗn loạn hiện đang tồn tại trong trường đại học nói trên. Vì mục đích này, hãy bổ nhiệm bốn người, cùng với vị Viện trưởng nói trên, sẽ xem xét các quy định để xem thành phố có thể làm gì, sử dụng các quy định chính liên quan đến công chúng nói chung, để hợp tác với ông trong ý định khôi phục trật tự (CL 41.2, tr. 20).

Ngay từ ngày 4 tháng 9 năm 1660, Tòa án Paris đã nêu rõ ý định ủng hộ viện trưởng trường đại học Reims. Cuối cùng, vào ngày 16 tháng 5 năm 1662, một lệnh của Tòa án đã chính thức phê duyệt và đăng ký các điều lệ của Đại học Reims. Trường đại học hiện đã có một bộ quy định để có thể hoạt động hiệu quả. Các điều lệ này vẫn được lưu giữ trong văn khố thành phố Reims.

Vì chỉ mới bảy tháng trước, vào ngày 10 tháng 10 năm 1661, Gioan La San đã vào học tại Collège des Bons-Enfants, nên ta có thể theo dõi quá trình học tập của cậu, với đầy đủ thông tin về tổ chức nội bộ của trường, các khóa học được cung cấp, lịch học và nhịp độ học tập của một ngày học như một học sinh trẻ đã từng trải qua.

Tổ chức của Collège des Bons-Enfants

Trường phổ thông hay “khoa” văn chương chính là nền tảng của cấu trúc học thuật của bất kỳ trường đại học nào. Điều này đặc biệt đúng trong hệ thống đại học châu Âu cũ, theo đó tất cả học sinh phải trải qua “khoa” văn chương trước khi được nhận vào các chương trình tiên sĩ tại các trường nâng cao. Đây là các trường, hay còn gọi là “khoa”, về thần học, y học và luật.

Tổng Giám mục Reims

Theo quy chế năm 1662, người đứng đầu trường đại học là Tổng Giám mục Reims. Ông cũng là người bảo vệ chính thức các đặc quyền của trường đại học. Ông ban hành các quy định của trường và thậm chí có thể thay đổi quy chế với sự đồng ý của Tòa án Pháp và Đại học Paris. Ông bổ nhiệm viện trưởng và các viên chức khác: hiệu trưởng, trưởng khoa, thủ quỹ, tuyên úy và những người thụ hưởng các suất học bổng thần học được tài trợ.

Viện trưởng (Rector)

Viện trưởng thực hiện thẩm quyền theo quyền hạn của mình. Là người bảo vệ giáo thuyết và đạo đức, ông giữ vị trí đầu tiên sau Tổng Giám mục và đứng đầu trong số các viên chức thành phố khác nhau. Viện trưởng

được bầu hằng năm vào tháng 1. Sau khi đảm nhiệm chức vụ của mình, viện trưởng được mong đợi sẽ sắp xếp một buổi lễ tôn giáo long trọng được tổ chức hai lần trong năm, một lần vào học kỳ mùa đông và một lần vào mùa xuân. Người ta cầu nguyện cho lợi ích của Kitô giáo, sức khỏe và sự thịnh vượng của nhà vua, phúc lợi của vương quốc Pháp và của Đại học Reims.

Vào ngày sau buổi lễ này, vị viện trưởng cùng với hai đại diện học sinh và hai kiểm duyệt viên do chính ông chỉ định, được yêu cầu thực hiện chuyến thăm chính thức đến tất cả các hội trường và lớp học của trường. Ông được vị hiệu trưởng và một phái đoàn đại diện được bầu tiếp đón. Sau đó, vị viện trưởng hỏi thăm về lối sống, phẩm chất đạo đức và sự chính thống về giáo thuyết của toàn thể nhân viên: hiệu trưởng, các học sinh nhận học bổng và toàn thể học sinh nói chung. Ông xác định mức độ nhiệt tình và siêng năng của vị hiệu trưởng và các giáo sư trong trách nhiệm giáo dục những người trẻ tuổi được giao phó cho họ chăm sóc. Vị viện trưởng cũng sẽ đến thăm các phòng ăn để tìm hiểu về chất lượng và số lượng thực phẩm, ghi chú bất kỳ điều gì cần sửa đổi.

Trong tuần sau khi được bổ nhiệm, trước sự chứng kiến của viện trưởng nghỉ hưu, vị viện trưởng mới phải xem xét tình hình chung của trường đại học, ghi chú những lĩnh vực đang hoạt động tốt và những lĩnh vực gặp khó khăn. Ông được kỳ vọng sẽ đặc biệt chú ý đến bất kỳ vấn đề nào hiện đang trong quá trình tố tụng. Viện trưởng không được đưa ra bất kỳ quyết định nhanh chóng nào mà không tham khảo ý kiến trước với

các vị trưởng khoa của bốn khoa và với các vị giám học của học sinh nội trú.

Theo quy chế, viện trưởng có trách nhiệm đảm bảo rằng các chức vụ hành chính quan trọng chỉ được giao cho ứng viên có năng lực, phù hợp về tính khí, không có tham vọng cá nhân hoặc động cơ ích kỷ và nhìn chung được coi là hữu ích cho trường đại học. Ông chỉ có thể cấp các chức danh học thuật cho những người đã học tại các khoa của đại học Reims hoặc Paris. Viện trưởng cũng chịu trách nhiệm đánh giá trình độ của những người tự ứng cử để lấy bằng cấp học thuật.

Có vẻ như chức vụ viện trưởng của trường đại học được thay đổi rất nhiều. Theo quy định, chức vụ này chỉ được giữ trong một năm hoặc nhiều nhất là hai năm và được coi là một vinh dự lớn. Hầu hết những người giữ chức vụ này đều là linh mục có bằng cử nhân hoặc tiến sĩ thần học.

Trong số những người giữ chức viện trưởng trong thời gian Gioan La San là học sinh tại trường đại học có một số người thân của cậu, bao gồm Nicolas Rogier (1664) và hai cháu trai của Rogier, Guillaume (1673) và Nicolas (1680). Trong những năm sau đó, thậm chí nhiều người họ hàng gần của Gioan La San còn giữ chức vụ này: Rémy Favart (1681), Philippe Maillefer (1682), Nicolas Frémyn (1690-1691, và một lần nữa vào năm 1735), Pierre Godinot (1693), Guillaume de La Salle (1707), Jean-François Maillefer (1718-1720), Nicolas Parchappe de Vinay (1724-1725), và Jean-François de La Salle (1753-1755).

Hiệu trưởng (Headmaster)

Mặc dù nằm dưới quyền của viện trưởng, nhưng theo quy chế, hiệu trưởng vẫn là một người quản lý quan trọng trong cơ cấu của trường đại học. Theo thuật ngữ hiện đại, ông sẽ được gọi là trưởng khoa của trường hoặc khoa thần học tại Đại học Reims, mà trung tâm của khoa là Hội trường Saint Patrick. Hiệu trưởng được kỳ vọng có bằng tiến sĩ thần học và có nền tảng tốt về các môn phổ thông. Chức năng cụ thể của ông là chủ trì các bài giảng, bảo vệ luận án tiến sĩ và các chức năng học thuật khác được mở cửa cho công chúng.

Hiệu trưởng giữ vị trí đầu tiên trong nhà nguyện và được kỳ vọng đảm bảo rằng các buổi lễ tôn giáo được tiến hành với lòng sùng kính và tôn kính. Ông có trách nhiệm thực thi việc tham dự bắt buộc vào các buổi hướng dẫn tôn giáo và các buổi lễ tại nhà nguyện. Theo điều lệ thành lập, vị hiệu trưởng được yêu cầu phải đảm bảo rằng toàn bộ nhân viên của trường đại học – các giáo sư, học giả nghiên cứu, học sinh và nhân viên – phải lãnh nhận bí tích sám hối ít nhất tám lần trong năm, vào những ngày được chỉ định trong quy chế.

Ngoài ra, vị hiệu trưởng còn phụ trách việc phân công các phòng, kỷ luật nội bộ, giám sát các học sinh nội trú, đồ đạc và vệ sinh của các lớp học, cũng như lưu trữ và bảo quản điều lệ và các tài liệu chính thức khác liên quan đến việc thành lập trường đại học.

Hiệu trưởng Collège (Principal) hoặc Giám học

Điều mà vị hiệu trưởng của Trường Thần học làm tại Hội trường Saint Patrick bên đại học thì vị hiệu trưởng Collège hoặc Giám học cũng làm tại Collège des Bons-Enfants. Ông không cần phải có bằng tiến sĩ nhưng được kỳ vọng là thành viên của khoa văn chương. Ông có trách nhiệm đảm bảo rằng các học sinh trẻ sống theo cách tốt đẹp và phù hợp và rằng họ nghiêm túc theo đuổi việc học các ngành khoa học nhân văn. Một trong những nhiệm vụ của ông với tư cách là hiệu trưởng là tuyển dụng những thầy giáo vừa có năng lực trong lĩnh vực kiến thức của mình vừa là hình mẫu cho những người trẻ tuổi vì lối sống mẫu mực của họ. Không có sự cân nhắc thiên vị nào khi quyết định việc lựa chọn các thầy giáo.

Vị hiệu trưởng này không được phép nhận bất kỳ ai theo đạo Tin lành vào làm học sinh, chứ đừng nói đến học sinh nội trú. Học sinh không được phép liên quan đến “tôn giáo mới” nếu không sẽ bị đuổi học. Để duy trì lòng sùng đạo của cả học sinh nội trú lẫn không phải học sinh nội trú và thúc đẩy chúng hoàn thành nghĩa vụ tôn giáo của mình, các giáo sư đã đảm nhiệm việc giảng dạy giáo lý vào chiều thứ Bảy sau khi kết thúc ngày học.

Sau khi tham khảo ý kiến của vị hiệu trưởng đại học, thì chính vị hiệu trưởng này là người bổ nhiệm các giáo sư triết học và ngữ pháp. Với sự cho phép của vị Tổng Giám mục hoặc vị Tổng Đại diện, ông có thể sa thải họ vì lý do chính đáng. Hằng năm, vào cuối tháng 6, ông đề nghị các giáo sư gia hạn nhiệm vụ hoặc thăng chức lên lớp cao hơn. Tuy nhiên, trước khi công bố bất kỳ thông báo công khai nào, ông phải nộp cho vị Tổng

Giám mục hoặc vị Tổng Đại diện danh sách các giáo sư và các bài tập của khóa học của họ cho năm tới.

Vị hiệu trưởng này phải đảm bảo rằng các giáo sư chỉ sử dụng các giáo trình được coi là không phản đối và đã được chấp thuận (*castos et probatos*) làm cơ sở cho các khóa học của họ. Những người không tuân thủ yêu cầu này sẽ bị sa thải nếu họ vẫn tiếp tục sau lần cảnh cáo đầu tiên.

Các học sinh khoa hùng biện và thơ ca được yêu cầu phải thuyết trình trước sự chứng kiến của vị viện trưởng và các giáo sư; tuy nhiên, không được đọc bất kỳ bài nào trước công chúng cho đến khi được vị hiệu trưởng này chấp thuận trước. Vào cuối năm học, vị hiệu trưởng này sẽ sắp xếp để trình diễn một vở bi kịch như một phần của các nghi lễ liên quan đến việc trao giải thưởng. Công chúng nói chung của thành phố Reims luôn được mời đến để cổ vũ cho buổi biểu diễn và chúc mừng những học sinh đạt giải thưởng.

Vị hiệu trưởng này chỉ cho nghỉ học một cách hạn chế: cả ngày thứ Năm vào mùa hè và chỉ nửa ngày vào mùa đông, trừ khi thứ Năm tình cờ trùng với ngày lễ. Ông ấn định ngày cho các kỳ nghỉ, xen kẽ chúng theo cách này: cuối tháng 8 cho học sinh triết học; đầu tháng 9 cho những học sinh khoa hùng biện; vào ngày 8 tháng 9 cho lớp tiểu học thứ hai và ngày 15 tháng 9 cho những học sinh nhỏ tuổi còn lại. Ngày khai giảng năm học được ấn định là ngày 10 tháng 10, một ngày sau lễ thánh Denis.

Mặc dù ông là quản trị viên của Collège des Bons-Enfants và đồng thời là giám đốc tài chính của trường, nhưng trách nhiệm đầu tiên của vị hiệu trưởng này là

giám sát chương trình học thuật của trường. Ông phải đảm bảo rằng học sinh không bắt đầu các khóa học triết học cho đến khi chúng có được kiến thức hoàn hảo về tiếng Hy Lạp và tiếng La tinh, cùng với các nguyên tắc ngữ pháp và hùng biện. Đây được coi là nền tảng vững chắc duy nhất để xây dựng nền tảng học tập và học bổng nâng cao. Ông được hỗ trợ trong nhiều nhiệm vụ khác nhau của mình bởi một giám sát viên kỷ luật, các giáo sư, gia sư và học sinh sau đại học đã lấy bằng phổ thông MA.

Đối với một độc giả hiện đại, khuôn khổ bên ngoài này có vẻ rất cứng nhắc trong việc kiểm soát nề nếp học tập và ứng dụng của học sinh. Nó dựa trên niềm tin rằng mối tương quan tốt đẹp giữa thầy và trò sẽ chỉ tồn tại khi có kỷ luật tốt, làm việc nghiêm túc và tôn trọng thẩm quyền của các giáo sư.

Chương trình giảng dạy và lịch trình hằng ngày

Quy chế năm 1662 nêu chi tiết về quá trình học tập và nề nếp hằng ngày phải tuân theo tại Collège des Bons-Enfants (CL 41.2, tr. 27tt.).

Một cậu bé bước vào “lớp” thứ sáu, như Gioan La San đã làm khi mới mười tuổi (cần lưu ý rằng các lớp được đánh số theo thứ tự giảm dần), có nhiệm vụ đầu tiên là nắm vững cấu trúc của tiếng Latinh. Sau đó, học sinh mới bắt đầu được giới thiệu từng chút một về các tác giả tiếng Latinh khác nhau. Phác thảo sau đây đưa ra ý tưởng về sự nghiêm ngặt về mặt học thuật của khóa học mà cuối cùng sẽ đạt đến bằng tốt nghiệp MA.

- ◆ Lớp 6 và 5 (*Pueri*): Quy tắc ngữ pháp tiếng Latinh, vở kịch của Terence, Thư của Cicero, Eclogues của Virgil và các tác phẩm của các tác giả tiếng Latinh khác.
- ◆ Lớp 4 và 3 (*Provecti*): Sallust, Bình luận của Caesar, tác phẩm *De Officiis* của Cicero, Virgil, Ovid, Ôn tập về các quy tắc ngữ pháp tiếng Latinh và tiếng Hy Lạp.
- ◆ Lớp 2 và 1 (*Majores*): Các tác phẩm hùng biện của Cicero, các nhà thơ Latinh (Virgil, Horace, Propertius, Juvenal, Plautus), các quy tắc ngữ pháp tiếng Hy Lạp, Trích đoạn từ Homer, Hesiod và Theoctitus, Nghiên cứu sâu về các cuộc đối thoại của Plato, Demosthenes và Isocrates, Odes của Pindar và các tác giả tương tự khác, tùy thuộc vào sự lựa chọn của vị hiệu trưởng và các giáo sư tùy theo khả năng của học sinh.
- ◆ Triết học năm thứ nhất: Logic và Đạo đức học Nicomachean.
- ◆ Triết học năm thứ hai: Vật lý học và Siêu hình học của Aristotle.

Như có thể suy ra từ chương trình giảng dạy được nêu ở trên, có rất ít chỗ cho việc nghiên cứu các tác giả đương đại. Quả vậy, các điều lệ đã cấm rõ ràng việc giới thiệu bất kỳ tác phẩm nào gần đây hoặc bất kỳ tác phẩm nào có thể bị coi là đáng ngờ. “Học sinh phải uống từ suối kiến thức chỉ được cung cấp từ những nguồn tinh khiết nhất”. Để đảm bảo nắm vững đầy đủ các tác giả cổ điển, các điều lệ quy định rằng sáu giờ mỗi ngày phải dành cho các bài tập thực hành, một giờ để ghi nhớ các quy tắc ngữ pháp và thời gian còn lại để

dịch và diễn giải các bản văn hoặc làm công việc sáng tác, tức là bắt chước phong cách của các nhà thơ, nhà hùng biện và nhà sử học khác nhau. Ngoài ra, hằng ngày từ 10 giờ đến 11 giờ sáng và từ 5 giờ đến 6 giờ chiều, có các bài tập về thuật ứng biến và tranh luận. Các bài tập này đều là bắt buộc.

Ngoài ra, học sinh nội trú được yêu cầu phải báo cáo tiến độ của mình với thầy giáo vào mỗi thứ Bảy sau bữa trưa. Việc ghi nhớ, hay còn gọi là *scientiae thesaurus*, rất được coi trọng. Học sinh liên tục được yêu cầu ôn lại những gì đã học. Phần lớn thời gian của ngày thứ Bảy được dành để ôn lại những gì đã học trong tuần, đặc biệt chú ý đến các môn khó hơn để giúp học sinh làm quen với chúng.

<i>IN TERTIA CLASSE.</i>		
<i>Doctrina Christiana primum meritum & consequutus est.</i>		
THEODORICVS BAZIN		Remus.
<i>ACCESSERVNT.</i>		
CAROLVS DV MESGNIL	Parisinus,	<i>Conuictor.</i>
NICOLAVS MIMIN		Remus.
FRANCISCVS CAILLAMBAVL		Remus.
<i>IN EADEM</i>		
<i>Primum soluta Orationis primum meritum & consequutus est.</i>		
GERARDVS BLANCHEBARBE		Remus.
Secundum. IOANNES LAMBERT		Reinensis.
<i>ACCESSERVNT.</i>		
LVDOVICVS BLANCHEBARBE		Remus.
NICOLAVS MIMIN		Remus.
IOANNES BAPT. DELASALLE		Remus.
<i>IN EADEM.</i>		
<i>Primum stricta Orationis primum meritum & consequutus est.</i>		
LVDOVICVS BLANCHEBARBE		Remus.
Secundum. IOANNES BAPT. DELASALLE		Remus.
<i>ACCESSERVNT.</i>		
IOANNES LAMBERT		Remensis.
PHILIBERTVS DVBVS		Mazarinæus.
NICOLAVS ARNOVLT		Aueniacus.

A page from an awards program at the Collège des Bons-Enfants

Một trang từ chương trình trao giải tại Collège des Bons-Enfants

Điều thú vị cần lưu ý là chương trình giảng dạy được quy định không có điều khoản nào về việc học địa lý hoặc lịch sử. Bất kỳ điều gì học sinh học được về các môn học này đều phải đến gián tiếp thông qua việc nghiên cứu các nhà sử học cổ đại hoặc có lẽ là thông qua các đoạn văn lịch sử trong Kinh thánh. Cũng không có chỗ cho các tác phẩm văn học Pháp tuyệt vời, và thế giới đương đại nói chung bị tránh né như một chủ đề phù hợp để nghiên cứu nghiêm túc. Kết quả là, không có tác giả vĩ đại nào viết vào thời điểm đó có thể thâm nhập vào Collège des Bons-Enfants: không phải Pleiade, không phải Montaigne, Malherbe, Corneille, Racine, La Fontaine hay Molière, và chắc chắn không phải Rabelais.

Điều này không nhất thiết có nghĩa là Gioan La San lớn lên hoàn toàn không biết gì về các môn học không nằm trong chương trình giảng dạy tại trường. Cha của cậu, ông Louis de La Salle, là một nhà nhân văn lỗi lạc; Jean Maillefer, một người họ hàng thông gia, một người bạn thân của Louis và là khách thường xuyên đến thăm nhà de La Salle, là một lữ khách không biết mệt mỏi với những câu chuyện kể về những nơi xa xôi. Người ta có thể cho rằng vào những giờ buổi tối, khi hai người đàn ông thảo luận về các phong trào văn học và chính trị thời bấy giờ, Gioan La San sẽ được khuyến khích lắng nghe những cuộc trò chuyện này. Trong mọi gia đình tư sản, phòng khách ở nhà là nơi bổ sung tự nhiên cho lớp học tại trường.

Sau đây là thời khóa biểu hằng ngày tại Collège des Bons-Enfants trong thời gian Gioan La San là học sinh ở đó, theo quy chế năm 1662:

5:00 sáng. Học sinh nội trú thức dậy.

5:30. Tập trung; cầu nguyện buổi sáng; chuẩn bị giờ học.

7:00. Học trong lớp.

10:00. Sáng tác; bài tập ứng khẩu.

11:00. Thánh lễ tại Nhà nguyện Saint Patrick dành cho cả học sinh nội trú lẫn ngoại trú, sau đó là ăn trưa.

1:00 chiều. Vào các ngày trong tuần, họp với các giáo sư và xem lại công việc buổi sáng. Vào các ngày Chúa Nhật và ngày lễ, học giáo lý.

2:30. Các lớp học buổi chiều.

5:00. Sáng tác; bài tập ứng khẩu; tranh luận.

6:00. Kinh chiều; ăn tối.

7:00. Kinh tối; ngủ đêm.

Ngoại trừ quy định về một buổi chiều rảnh rỗi vào thứ Năm, quy chế không có quy định nào về thời gian giải trí; từ “giải trí” không xuất hiện ở bất kỳ đâu. Không có hình thức trang phục cụ thể nào được áp dụng cho học sinh không phải nội trú, ngoại trừ các giáo sĩ được yêu cầu mặc áo chùng. Mặt khác, tất cả học sinh đều được yêu cầu phải duy trì các tiêu chuẩn về sự khiêm tốn, điều độ và giản dị trong mọi khía cạnh. Quy chế thúc giục các học sinh hãy yêu mến các giáo sư của chúng như yêu mến cha mẹ của mình và tạo ra tinh thần huynh đệ và phục vụ lẫn nhau.

Kỷ luật của học sinh rất nghiêm ngặt. Quy chế yêu cầu học sinh phải nhanh chóng di chuyển đến nhà nguyện, lớp học hoặc phòng ăn khi nghe tiếng chuông. Chúng phải đi từng cặp trước giáo sư của mình khi vào bất kỳ phòng nào trong số những phòng này và không được rời đi trước tín hiệu đã cho nếu không được phép rõ ràng. Những lời chửi thề và những biểu hiện tục tĩu bị nghiêm cấm. Bất kỳ em nào cố gắng làm gương xấu cho một trong những người bạn học của mình đều bị trừng phạt nghiêm khắc nhất; điều tương tự cũng áp dụng cho những người tuyên thệ, cầu xin sự giúp đỡ của quý dữ hoặc tham gia vào các cuộc đánh nhau hoặc gây thương tích về thể xác.

Khi một học sinh bị phát hiện làm điều gì đó sai trái hoặc bị phạt vì lỗi của mình, thì học sinh đó không được cầu nhàu với thầy giáo, đe dọa thầy giáo hoặc trả lời một cách ngạo mạn. Trong mọi tình huống, các học sinh phải thể hiện sự tôn trọng đúng mực đối với các giáo sư của mình, cho dù trong phạm vi trường học hay ngoài thành phố. Chúng được yêu cầu phải thể hiện sự tôn trọng tương tự đối với các thầy giáo ở các lớp dưới cũng như bất kỳ chức sắc nào có thể tình cờ đến thăm trường. Trò chơi bị cấm trong thời gian trước và sau bữa ăn, ngoại trừ trong những trường hợp bất thường và chỉ khi được phép rõ ràng. Trong cuộc trò chuyện bình thường của chúng, ngay cả khi không có giáo sư, các học sinh được yêu cầu nói bằng tiếng Latinh hoặc tiếng Hy Lạp; việc cố ý sử dụng các từ ngữ thô tục hoặc sáo rỗng trong các ngôn ngữ này được coi là đáng bị trừng phạt.

Đó là tình hình tại Collège des Bons-Enfants khi Gioan La San lần đầu tiên bước vào trường vào năm 1661. Trường có lịch sử lâu đời bắt đầu từ thế kỷ thứ X; các điều lệ tổ chức của trường đang trong quá trình sửa đổi và cải cách; chương trình giảng dạy tập trung vào ngôn ngữ cổ điển, văn học và triết học; kỷ luật của trường rất nghiêm ngặt; bầu không khí của trường chủ yếu là giáo sĩ theo chế độ Công giáo Pháp.

2

Tiểu Chủng Sinh

Dựa trên những gì được biết về tổ chức và chương trình giảng dạy tại Collège des Bons-Enfants, cùng với lời chứng của những người viết tiểu sử và một số tài liệu bổ sung nhưng rất quý giá, có thể tái hiện lại một cách chi tiết về những trải nghiệm của cậu thiếu niên Gioan La San trong những năm học tiểu học và trung học.

Cậu thiếu niên, người sau này trở thành vị sáng lập một nhóm thầy giáo tận tụy với việc giáo dục và trường học, chỉ mới mười tuổi khi lần đầu tiên ghi danh vào trường. Những chỉ dẫn trước đó mà cậu nhận được từ các gia sư riêng tại nhà đã giúp cậu đủ điều kiện để vào học năm thứ nhất, lớp được gọi là lớp Sáu.

Mặc dù Huynh Bernard nói trong quyển tiểu sử năm 1721 của mình rằng cậu thiếu niên Gioan La San “được gửi đến trường lúc tám hoặc chín tuổi” (CL 4, tr. 12), nhưng các học giả hiện đại đồng ý rằng điều này hoàn toàn không đúng. Các tài liệu cho thấy cậu đã hoàn thành khóa học tám năm và được cấp bằng Tốt nghiệp MA vào năm 1669. Điều này có nghĩa là vào năm 1661, khi Gioan La San mười tuổi, cậu mới bắt đầu đi học.

Nghiên cứu Cổ điển và Địa vị Giáo sĩ

Ngày khai giảng năm học được quy định theo quy chế là ngày 10 tháng 10, ngày sau lễ thánh Denis, vị tử đạo đầu tiên từng là Giám mục Paris. Gioan La San cùng với cha mẹ cậu đến trường, nơi tất cả gia đình sẽ được vị hiệu trưởng mới là Louis Bonvent tiếp đón. Có lẽ họ cũng được chào đón bởi vị chương án Pierre Dozet, một người bà con của ông Louis de La Salle, cha của Gioan La San. Đúng 10 giờ sáng, một tiếng chuông vang lên báo hiệu mọi người được triệu tập đến nhà nguyện trong Hội trường Saint Patrick, nơi tất cả học sinh cũ và mới, cùng với các giáo sư của chúng, tham gia Thánh lễ cầu nguyện Chúa Thánh Thần. Tiếp theo là một cuộc họp chung, trong đó vị hiệu trưởng sẽ đọc và giải thích các điều lệ liên quan đến chương trình học. Chắc chắn rằng, theo đúng bốn phần quy định, ông đã đưa ra lời huấn dụ khuyên mọi người phải tuân thủ nghiêm ngặt và chính xác các quy định đó. Là một học sinh ngoại trú, Gioan La San trở về nhà để ăn trưa. Buổi chiều của ngày đầu tiên được dành trọn cho việc giải quyết các chi tiết mang tính tổ chức.

Vào ngày hôm sau, nề nếp sinh hoạt thường nhật, vốn sẽ được duy trì suốt phần còn lại của năm học, đã chính thức đi vào vận hành. Các lớp học bắt đầu một cách nghiêm túc từ lúc 7 giờ sáng và nhà trường tiếp tục hoạt động, ngoại trừ khoảng thời gian nghỉ để ăn trưa, cho đến tận 6 giờ chiều. Những lời cầu nguyện chung dành cho Nhà vua và Đức Tổng Giám mục, cũng như cho chính ngôi trường và các ân nhân, sẽ là nghi thức khép lại một ngày học tập.

Trong số những học sinh ghi danh theo học tại trường năm đó, Gioan La San hẳn đã bắt gặp rất nhiều người họ hàng của mình: những cậu bé mang các họ như Cocquebert, Roland, Lespagnol, Marlot, Favart, Frizon hay Minim. Trong khi đó, một số người họ hàng khác của ông Louis lại chọn gửi con trai mình sang theo học tại ngôi trường do dòng Tên điều hành, một cơ sở giáo dục đối địch với Đại học Reims vào thời điểm ấy.

Tất nhiên, thành phần học sinh tại Collège des Bons-Enfants hoàn toàn là nam giới; đội ngũ thầy giáo và nhân viên hành chính của trường cũng vậy. Theo đúng các điều khoản quy chế, phụ nữ bị cấm tuyệt đối không được hiện diện trong khuôn viên trường, ngay cả với tư cách là người làm công.

Mặc dù học phí phải đóng rất ít hoặc gần như miễn phí, chỉ thỉnh thoảng mới cần một khoản tiền bồi dưỡng nhỏ, nhưng trên thực tế, con cái của giới thợ thuyền và người nghèo vẫn bị loại khỏi môi trường học tập này. Họ không đủ khả năng chi trả lệ phí thi cử, cũng như tiền mua sách vở và dụng cụ học tập. Trong bối cảnh xã hội thời bấy giờ, những học sinh thuộc tầng lớp này sẽ trở nên lạc lõng và hoàn toàn không được chào đón, bởi lẽ cách ăn mặc, lối nói năng và phong thái cư xử của chúng hoàn toàn khác biệt. Hơn nữa, thời lượng của khóa học cũng như nội dung chương trình giảng dạy hoàn toàn xa rời thực tế đời sống của các gia đình nghèo, những gia đình buộc phải cho con cái đi làm để kiếm sống từ khi còn rất nhỏ. Thật thú vị khi thử suy đoán xem sự bất bình đẳng xã hội này, nếu có, đã tác động như thế nào đến tâm hồn nhạy cảm của

Gioan La San trong suốt những năm tháng đi học của cậu.

Ngay sau khi nhập học tại trường, Gioan La San đã hòa mình cùng các bạn trong lớp Sáu và bắt đầu học tiếng Latinh. Giáo trình được sử dụng vào thời điểm đó là quyển *Despautère nouveau* của Pajot. Vô số giờ đã được dành ra để lặp đi lặp lại các quy tắc ngữ pháp và chia động từ. Từng câu văn phải được mô xẻ đến từng chi tiết nhỏ nhất; từng từ ngữ phải được phân tích cặn kẽ cho đến khi ý nghĩa của đoạn văn tiếng Latinh cuối cùng cũng trở nên sáng tỏ.

Khi mô tả những năm đầu tại Collège des Bons-Enfants, những người viết tiểu sử của Gioan La San đã hết lời ca ngợi công việc của cậu tại trường. Blain nói rằng, “Cậu vừa được nhận vào học tại Đại học Reims thì đã trở thành tấm gương cho các bạn học khác và là nguồn vui lớn cho các thầy giáo của cậu” (CL 7, tr. 120). Bernard nói rằng, “Cậu đã tiến bộ đáng kể trong một thời gian ngắn” và “Sự khôn ngoan và ân sủng mà cậu thể hiện trong giai đoạn này khiến cậu được các thầy giáo yêu mến và các bạn học của cậu kính trọng” (CL 4, tr. 12). Sau đó, Blain đưa ra nhận định khá bất ngờ này: “Cả Thiên Chúa và các thầy giáo của cậu đều hài lòng về cậu”.

Nghi thức Cạo tóc (Tonsure)

Vào cuối năm đầu tiên tại trường, vào ngày 11 tháng 3 năm 1662, Gioan La San đã tham dự nghi thức cạo tóc, tức là cạo một nhúm tóc trên đỉnh đầu. Bước đầu tiên

theo hướng trở thành linh mục này báo hiệu sự gia nhập chính thức của cậu vào bậc sống giáo sĩ. Nghi thức truyền thống diễn ra tại nhà nguyện của tòa tổng giám mục. Vì Đức Tổng Giám mục mới được bổ nhiệm của Reims, Đức Hồng y Antonio Barberini, vẫn chưa tiếp quản giáo phận, nên Cha Pierre Dozet, người từng là tổng đại diện của tổng giáo phận cũng như chương án của trường, đã sắp xếp để Jean de Malevaud, Giám mục phụ tá Clermont, thực hiện nghi thức cạo tóc. Lúc đó Gioan La San chưa đầy 11 tuổi.

Vào thời điểm đó, việc cạo tóc cho các bé trai ở độ tuổi 10 hoặc 11 không phải là điều bất thường. Yêu cầu duy nhất theo giáo luật là trước tiên chúng phải chịu bí tích thêm sức và được hướng dẫn về những điều cơ bản của đức tin. Sáng kiến trong trường hợp của Gioan La San có thể xuất phát từ chính Cha Pierre Dozet, người chắc chắn đã để mắt đến người cháu họ trẻ tuổi của mình và có thể muốn hướng cậu bé ngoan đạo và đầy triển vọng này đến với chức linh mục.

Cha mẹ của Gioan La San hẳn đã phải đối mặt với nhiều động cơ xung đột khi đồng ý cho cậu cạo tóc. Một mặt, họ nhận ra rằng bước này khiến con trai họ đủ điều kiện để được hưởng các bổng lộc của hàng giáo sĩ. Họ không thể không nghĩ rằng chức kinh sĩ của nhà thờ chính tòa Reims do người bà con có tuổi của họ là Cha Pierre Dozet đang nắm giữ, sẽ được trao cho một người nào đó trong gia đình mình trong tương lai rất gần. Mặt khác, Gioan La San là con trai cả, theo phong tục xã hội, sẽ theo cha mình trong nghề luật và được nuôi dạy để trở thành người thừa kế tên tuổi và tài

sản của gia đình. Việc hướng chàng trai trẻ theo chức linh mục ở độ tuổi còn quá sớm như vậy đòi hỏi một sự hy sinh đáng kể cho cha mẹ của cậu.

Tuy nhiên, tất cả các bằng chứng đều chứng minh cho đức tin Kitô giáo mạnh mẽ của gia đình de La Salle. Bầu không khí tôn giáo của ngôi nhà chắc chắn là sự đảm bảo cho tính xác thực của ơn gọi của đứa con đầu lòng của họ. Thật vậy, hai người con trai khác được nuôi dưỡng tại nhà trước khi cha mẹ qua đời, Jacques-Joseph và Jean-Louis, cũng sẽ có ơn gọi làm linh mục. Chỉ có Pierre và Jean-Rémy, cả hai đều còn rất trẻ khi cha mẹ qua đời, đã kết hôn và nuôi dạy những gia đình sẽ duy trì tên tuổi của dòng họ de La Salle.

Đối với bản thân Gioan La San, những người viết tiểu sử ban đầu đã rất chú trọng chỉ ra những dấu hiệu của ơn gọi linh mục trong những năm đầu đời của cậu. Blain kể với chúng ta rằng cha cậu đã đưa cậu đến các sinh hoạt ở nhà thờ khi cậu còn là một đứa trẻ và rằng cậu “rất thích thú với mọi thứ cậu nhìn thấy trong nhà thờ” (CL 7, tr. 118). Ở nhà, cậu sẽ tự giải trí với các đồ chơi bằng cách xây dựng các nhà nguyện, trang trí các bức tượng xung quanh nhà và bắt chước các cử chỉ của linh mục tại bàn thờ.

Khi lớn lên, cậu sẽ hỏi cha mình về ý nghĩa của các nghi lễ phụng vụ và có vẻ hài lòng vì câu trả lời thông minh cho những câu hỏi của mình. Ngay cả ông ngoại, Jean Moët de Brouillet, người mà Gioan La San đặc biệt yêu mến, cũng đã hướng dẫn cậu vào việc tự thực hành đọc Kinh Thần vụ của Giáo hội. Mặc dù phần lớn điều này không phải là bất thường đối với những cậu bé lớn lên trong bầu không khí của một gia đình Công

giáo ngoan đạo và khá giả, nhưng nó đã cung cấp cho Gioan La San một nền tảng để xây dựng quyết tâm trưởng thành hơn của riêng mình để đi theo hướng mà cậu tin rằng tiếng gọi thiêng liêng đang dẫn dắt cậu.

Vào ngày 12 tháng 3 năm 1662, Gioan La San, lúc này đã được cạo tóc và theo một nghĩa nào đó đã tách biệt khỏi các bạn học của mình, đã trở về để hoàn thành năm học đầu tiên của mình tại Collège des Bons-Enfants. Cậu vẫn tiếp tục sống ở nhà với cha mẹ như trước nhưng giờ đây cậu sẽ đến trường trong bộ áo của giáo sĩ. Điều này sẽ giúp cậu nhận ra mình với các tiểu chủng sinh khác, hầu hết đều sống ở nhà như cậu. Chỉ những tiểu chủng sinh nghèo nhất mới được ở lại trường với tư cách là học sinh nội trú được tài trợ. Một điều chắc hẳn đã khiến Gioan La San gặp rắc rối là mái tóc nâu hạt dẻ của cậu có xu hướng buông xõa thành những lọn tóc xoắn dày, một kiểu tóc bị quy định cấm. Người ta không biết chắc chắn liệu quy tắc này có được thực thi nghiêm ngặt hay không và liệu nó có được áp dụng cho trường hợp của cậu hay không.

Kịch nghệ và Hùng biện


Vào tháng 10 năm 1662, năm thứ hai đi học, Gioan La San lên lớp Năm, nơi cậu bắt đầu các bài học tiếng Latinh của Cicero và Virgil. Vào cuối năm học đó, vào tháng 4 năm 1663, cậu tham gia vở kịch thường niên của trường. Theo thông lệ, trường sẽ trình diễn một vở bi kịch vào Chúa Nhật sau lễ Phục sinh hằng năm. Hội đồng thành phố và những vị khách danh dự khác được

mời với kỳ vọng rằng họ sẽ quyên góp và trao giải thưởng cho những học sinh giỏi.

**LE MARTYRE
DE
S. TIMOTHEE.
TRAGEDIE.**

Qui se representera au College de l'Vni-
uersité de Reims, le Avril 1663.

**POVR LA DISTRIBUTION DES
Priz donnez par Messieurs les Officiers
du Sij^e Presidial de Reims.**



A REIMS,
Chez la Veuve JEAN BERNARD, rue S. Etienne,
près le Collège des bons Enfans.

M. DC. LXIIL

~~ACTEURS DES BONS ENFANTS~~
NOMS DES ACTEURS.

ACTEURS CHRESTIENS.

S. TIMOTHEE.
M. ESNAUD, de Sensay.
S. APOLLINAIRE.
GEDEON AGVET, de Lann.
PHOCAS.
JEAN THOMAS, de Rothel.
TREBACE.
FRANÇOIS BERNARD, de Reims.
IOCVNDVS.
JEAN ESTIENNE D'ANGEVRY, de Sedan.
EUGENE.
CLAUDE PINCHART, de Reims.
EUSEBE.
GERARD CALLOY, de Reims.
MARCELLE.
SIMON CALLOY, de Reims.
PAMPHILE.
JEAN BAPTISTE DE LA SALLE, de Reims.
FLORENTIN.
HENRY HUILLOT, de Reims.
CLÉMENT.
GERARD TOVRMANT, de Reims.
THEODORE.
ANDRÉ SERVAL, de Reims.
OLIMPIA. Dame Reims.
FRANÇOIS LAURENT MARTEAU, de Lann.

Program for the *Martyrdom of Saint Timothy*, as part of awards ceremonies at the Collège des Bons-Enfants.

**Chương trình cho vở *Cuộc Tử đạo của Thánh Timothée*,
như một phần của lễ trao giải
tại Collège des Bons-Enfants**

Tờ chương trình cho buổi trình diễn vào tháng 4 năm 1663 vẫn còn được lưu giữ trong văn khố của Reims (CL 41.2, tr. 151tt.). Vở bi kịch trong năm đó là “Cuộc Tử đạo của Thánh Timothée”. Chúng ta thấy tên của Gioan La San được liệt kê trong số các diễn viên trong vai Pamphilius. Đó không phải là vai chính. Tóm tắt trong chương trình chỉ ra rằng Pamphilius là một trong

nhóm những người Kitô hữu đã cố gắng giải cứu Thánh Timothée khỏi nhà tù. Theo truyền thống, Thánh Timothée đã đến Reims để truyền bá Kitô giáo và đã bị thống đốc ngoại giáo bỏ tù. Chiến dịch giải cứu đã bị phá vỡ vào phút cuối, và Timothée cùng những người bạn tù đã bị xử tử.

Trong số những diễn viên khác được liệt kê có hai anh em là Simon và Gérard Callou. Vài năm sau đó, Simon kết hôn với Anne Maillefer, em gái của Jean Maillefer, khi đó là em rể của Gioan La San.

Một tài liệu khác còn sót lại có niên đại khoảng hai năm sau, ngày 12 tháng 4 năm 1665 (CL 41.2, tr. 160tt.). Tài liệu này liệt kê những người nhận giải thưởng được trao trong năm đó tại buổi trao giải hằng năm. Vào thời điểm đó, Gioan La San đã hoàn thành các khóa học ở năm thứ tư (lớp Ba), điều đó có nghĩa là cậu đã bắt đầu học ngữ pháp tiếng Hy Lạp để chuẩn bị cho việc đọc các tác giả Hy Lạp trong hai năm cuối của khóa học cổ điển. Trong số những người được trao giải thưởng vào dịp đó, tên của Gioan La San được liệt kê cho giải nhì về hùng biện (*strictae orationis*) và giải danh dự về hùng biện ứng khẩu (*solutae orationis*).

Trong tiểu sử viết cho lễ phong thánh của Gioan La San năm 1900, Jean Guibert có đề cập đến một giải thưởng tương tự về hùng biện được trao cho Gioan La San tại buổi trao giải thưởng một năm sau đó vào năm 1666. Nhưng nguồn mà Guibert trích dẫn không đề cập đến giải thưởng này và không có bằng chứng tài liệu nào khác chứng minh cho sự kiện này. Tuy nhiên, Guibert đưa ra lý do khiến Pierre Dozet từ chức kinh sĩ

để nhường lại cho người cháu họ trẻ tuổi của mình (CL 41.2, tr. 167).

Kinh sĩ (Canon) của Nhà thờ chính tòa

Vào ngày 10 tháng 10 năm 1666, Gioan La San bắt đầu năm cuối cùng của chương trình mà ngày nay được gọi là chương trình giáo dục trung học cơ sở của cậu. Một sự kiện đáng chú ý trong năm học đó là quyết định của Pierre Dozet từ chức kinh sĩ của nhà thờ chính tòa Reims. Vì có quyền làm như vậy, ông đã chỉ định người cháu họ trẻ tuổi của mình là Gioan La San kế nhiệm mình.

Cha Pierre Dozet, có mẹ là bà Isabeau de La Salle, đã giữ chức kinh sĩ trong 52 năm, đã là tổng đại diện của tổng giáo phận trong mười năm khi giáo phận bị bỏ trống, và vào năm 1666 vẫn là chưởng ấn của Đại học Reims. Ông tiếp tục làm chưởng ấn cho đến trước khi qua đời vào năm 1668. Về phần Gioan La San, khi đó chưa đầy 16 tuổi, thật là vinh dự khi được gia nhập kinh sĩ đoàn nhà thờ chính tòa Reims, nơi có ba giáo hoàng, 23 hồng y, hơn 30 giám mục trong số các thành viên trước đây và được nhớ đến nhiều nhất là Thánh Bruno, người sáng lập Dòng khổ tu Chartreux.

Lễ tấn phong diễn ra vào ngày 7 tháng 1 năm 1667. Huynh Paul Joseph, trong *Bulletin des Ecoles chrétiennes* (1910), và Huynh Léon Aroz, trong *Cahiers lasalliens* (41.2, tr. 174tt.), đã mô tả cảnh này dựa trên nghi lễ Latinh được sử dụng tại Reims trong

thời kỳ đó. Mô tả của họ đáng được nhắc lại ở đây bằng bản dịch tiếng Anh.

Vào ngày đã định, cậu thiếu niên Gioan La San, mặc một chiếc áo chùng đơn giản, đã trình diện tại cổng phụ của nhà thờ đối diện với các tòa nhà dành riêng cho các kinh sĩ. Cổng này được gọi là *Porta pretiosa* theo lời mở đầu của lời nguyện các thánh tử đạo được đọc mỗi ngày gần cánh cửa đó: “Quý báu thay trước mắt Chúa là cái chết của các thánh”. Sau khi được phép vào, vị kinh sĩ trẻ được chỉ định đã trình giấy ủy nhiệm của mình cùng với 20 đồng vàng và thêm 20 đồng tiền Pháp cho thư viện. Sau đó, cậu chính thức kiến nghị hội đồng được phép tiếp quản chức kinh sĩ và các bổng lộc đã bị Pierre Dozet bỏ trống. Sau đó, các thành viên của kinh sĩ đoàn nhà thờ đi sang một bên để xem xét các tài liệu và bỏ phiếu chấp thuận ứng viên.

Được người giữ trật tự gọi, Gioan La San bước vào phòng hội đồng, mang trên tay trái bộ lễ phục mà cậu sẽ mặc trong kinh sĩ đoàn. Cậu quỳ bên phải Cha Louis de Vienne, người đã trao cho cậu chiếc áo choàng màu tím với viền lông chồn và đuôi áo dài, rồi đeo quanh cổ cậu cây thánh giá của một kinh sĩ, nói rằng:

Chúng tôi đã bỏ phiếu để cho phép con sở hữu chức kinh sĩ và các bổng lộc, cho đến nay vẫn do Cha Pierre Dozet nắm giữ, trong thánh đường Reims này. Mọi khiếu nại khác đều trở nên vô hiệu kể từ khi trao tặng những phẩm phục này.

Sau đó, Gioan La San đứng dậy, đi đến cuối băng ghế nơi lưu giữ sổ đăng ký và quỳ xuống một lần nữa, tuyên thệ lời thề đã có từ năm 1299:

Tôi, Jean-Baptiste de La Salle, kinh sĩ của nhà thờ Reims này, xin thề trên Phúc âm thánh và thiêng liêng rằng tôi sẽ trung thành đưa ra lời khuyên theo yêu cầu và theo lương tâm của tôi cho nhà thờ của tôi tại Reims. Tôi cũng thề rằng tôi sẽ không bao giờ tiết lộ bí mật của đoàn, hoặc bất cứ điều gì tôi biết, tin tưởng hoặc hy vọng có thể gây hại, nguy hiểm hoặc gây bất lợi cho nhà thờ đó hoặc bất kỳ thành viên nào của đoàn.

Khi Gioan La San trở lại tiền sảnh gần *Pretiosa*, thì vị niên trưởng là Cha Roben Le Large ngồi xuống và lấy mũ khỏi đầu, rồi nói những lời này với ứng viên đang quỳ trước mặt ông:

Con có thề rằng con được sinh ra từ một cuộc hôn nhân hợp pháp và con có bằng chứng về điều đó trong các bản văn hôn nhân hợp lệ không?

Con xin thề có như vậy.

Sau đó, hai kinh sĩ được chọn làm nhân chứng, đưa ra các tài liệu và cũng tuyên thệ như vậy. Vị niên trưởng cầm sách Phúc âm, sau đó nói:

Bằng cách trao tặng quyển sách này, chúng tôi cho phép con sở hữu chức kinh sĩ của mình trong nhà thờ này.

Gioan La San cầm sách Phúc âm và hôn nó. Sau đó, vị niên trưởng lại trao một ổ bánh mì, và nói:

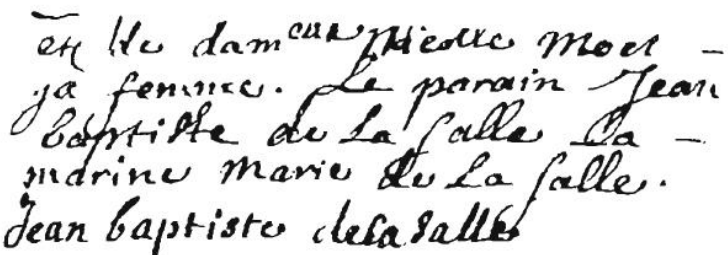
Bằng việc trao tặng ổ bánh mì này, chúng tôi cho phép con nhận được quyền sở hữu của bổng lộc của mình trong nhà thờ này.

Gioan La San cầm lấy ổ bánh mì và hôn nó.

Một lời thề khác tiếp theo liên quan đến lòng trung thành với các chính sách tài chính của đoàn. Sau đó, người hát thánh ca là Claude Bernard dẫn Gioan La San đến ghế số 21 ở hàng cuối cùng của các dãy ghế trong nhà thờ, và nói:

Hãy đón nhận chỗ ca đoàn này để thực sự hát thánh ca cho Chúa bằng tâm trí và giọng ca. Bây giờ hãy quỳ xuống và đọc kinh Lạy Cha và kinh Kính Mừng.

Sau đó, Kinh sĩ Bernard dẫn Gioan La San đến vị trí của mình trong hội trường hội đồng tương ứng với cấp bậc của mình – một giáo sĩ nhỏ – và ở cấp bậc đó, là vị trí thấp nhất. Với nghi thức đó, buổi lễ kết thúc.



The image shows a handwritten signature in French, written in a cursive script. The text reads: "Je suis de la paroisse de la Madeleine - je femme. Le parain Jean Baptiste de La Salle. La - marine Marie de La Salle. Jean Baptiste de La Salle". The signature is enclosed in a rectangular border.

The earliest known signature of John Baptist. He was 15.

**Chữ ký sớm nhất được biết đến của Gioan La San.
Lúc đó cậu 15 tuổi.**

Ngoài các thành viên của kinh sĩ đoàn và những người chủ trì, còn có sự hiện diện của cha mẹ, các em, ông bà ngoại và là cha mẹ đỡ đầu của cậu, Jean Moët

de Brouillet và vợ Perrette Lespagnol, các khách mời và gần như chắc chắn là có Cha Pierre Dozet, người đã từ chức kinh sĩ để nhường cho người cháu họ trẻ tuổi của mình.

Trong buổi lễ này, Gioan La San đã đảm nhận cả các nhiệm vụ lẫn các đặc quyền của một kinh sĩ của nhà thờ chính tòa với tư cách là thành viên của kinh sĩ đoàn nhà thờ chính tòa của Tổng Giáo phận Reims. Các nhiệm vụ chủ yếu liên quan đến việc cầu nguyện công cộng, đặc biệt là việc đọc kinh hằng ngày trong dàn hợp xướng tại nhà thờ chính tòa về phụng vụ giờ kinh và tham dự Thánh lễ. Các kinh sĩ cũng được mong đợi tham gia vào các nghi lễ và đám rước long trọng đánh dấu các ngày lễ lớn trong lịch nhà thờ.

Vào thời điểm đó, các ngày lễ của nhà thờ khá nhiều hơn so với thời hiện đại. Chúng bao gồm không chỉ mười ngày lễ buộc, mà còn tất cả các lễ của Chúa và Đức Mẹ, các lễ trọng đánh dấu các mùa Vọng và mùa Chay, mùa Giáng sinh và mùa Phục sinh, cũng như lễ kỷ niệm các vị thánh bảo trợ đặc biệt và các ngày kỷ niệm dành riêng cho Tổng Giáo phận Reims. Ngoài ra, luôn có những dịp đặc biệt được long trọng cử hành, chẳng hạn như lễ đón Đức Hồng y Antonio Barberini làm Tổng Giám mục mới vào tháng 12 năm 1667 và lễ *Te Deum* long trọng cầu nguyện cho hòa bình của Aix-la-Chapelle vào tháng 6 năm 1668.

Ngoài việc tham gia vào các chức vụ phụng vụ này, các thành viên của đoàn được yêu cầu hợp thường xuyên để tham dự cả các công việc nội bộ của đoàn lẫn việc phục vụ với tư cách là cơ quan cố vấn cho Tổng Giám mục về các vấn đề liên quan đến tổng giáo phận.

Tất nhiên, chức vụ kinh sĩ không phải là không có phần thưởng. Để tham gia vào mỗi buổi lễ phụng vụ, có một khoản trợ cấp cố định, trong suốt một năm, tương đương với một khoản thu nhập đáng kể, khoảng 1,000 livres mỗi năm, tương đương với khoảng 10,000 đô la ngày nay (CL 41.2, tr. 179).

Trong xã hội phân tầng thời bấy giờ, được phản ánh và nâng cao bởi tầm quan trọng gắn liền với hàng giáo sĩ, việc để một kinh sĩ trẻ học cách chấp nhận một cách vui vẻ những danh dự đến với mình từ phẩm giá mới của mình là không dễ dàng gì. Ngay cả tại trường đại học, địa vị mới của Gioan La San giữa các bạn học sinh của mình cũng có một tầm quan trọng nhất định. Theo luật lệ, cậu phải chính thức tuyên bố với các giới chức học thuật về địa vị là một kinh sĩ của mình; tên của cậu được ghi như vậy trên tất cả các sổ đăng ký của trường; và phải đích thân thông báo cho hiệu trưởng. Từ đó trở đi, tất cả các báo cáo của thầy giáo và các viên chức khác của cậu đều phải đề cập đến phẩm giá của cậu như một kinh sĩ, nếu không sẽ bị vô hiệu lực. Ngoài ra, tại tất cả các sự kiện công cộng, cậu sẽ xuất hiện trong đoàn rước kiệu cùng với kinh sĩ đoàn nhà thờ, mặc phẩm phục đặc trưng của một kinh sĩ.

Theo một góc nhìn khác, các quy định của đoàn áp đặt một kỷ luật khá nghiêm ngặt đối với các kinh sĩ trẻ tuổi không phải là linh mục. Họ được mong đợi phải đặc biệt tôn trọng các kinh sĩ là linh mục. Họ được yêu cầu phải nhiệt thành trong học tập và khiêm tốn trong hành vi của mình. Ví dụ, nếu họ để tóc quá dài, họ sẽ bị khiển trách bởi vị niên trưởng của đoàn; nếu họ vẫn ngoan cố tiếp tục có những hành vi này hoặc các biểu

hiện phô trương khác, thì một phần trợ cấp của họ có thể bị giữ lại. Ba lần một năm, họ phải trình lên đoàn một lời chứng có chữ ký chứng minh rằng họ đang đạt được những tiến bộ đáng kể trong học tập. Mặc dù các kinh sĩ theo học tại trường được miễn tham dự các giờ kinh trong nhà thờ vào những ngày đi học, nhưng họ phải tuân thủ nghiêm ngặt các nghi lễ dài chiếm phần lớn thời gian trong ngày vào các Chúa Nhật và ngày lễ.

Trong tình huống như vậy, Gioan La San sẽ không có nhiều cơ hội để thể hiện sự độc lập hoặc sự xa hoa. Blain làm chứng hoàn toàn ngược lại như thế:

Chiếc mũ trùm đầu bằng lông chồn không hề gây nguy hại cho vị giáo sĩ trẻ này và nó không làm thay đổi thái độ tôn giáo của cậu. Vinh dự này không giúp cậu được tôn trọng hơn so với các giáo sĩ trẻ khác, ngoại trừ thực tế là lòng mộ đạo của cậu đã giúp cậu nổi bật hơn so với các đồng môn của mình. Sự chăm chỉ, lòng mộ đạo cá nhân và cách cư xử khiêm tốn của cậu trong ca đoàn đã giúp cậu trở thành hình mẫu cho các học sinh khác tại trường đại học và là nguồn cảm hứng cho các kinh sĩ trong nhà thờ chính tòa (CL 8, tr. 237).

Ảnh hưởng của các Môn học Cổ điển

Trong hoàn cảnh như vậy, Gioan La San đã hoàn thành chương trình về việc học tập các môn cổ điển khi năm học kết thúc vào mùa hè năm 1667. Ngày này qua ngày khác, tuần này qua tuần khác trong sáu năm từ 1661 đến 1667, cậu đã học thuộc lòng các quy tắc ngữ pháp,

chuẩn bị các bài tập bắt buộc về sáng tác và hùng biện, thành thạo các tác phẩm kinh điển của Hy Lạp và Latinh, và tham gia vào các cuộc tranh luận công khai.

Phong cách viết của ngài luôn mang dấu ấn của những bài tập trí óc này: không nhiều chất trữ tình, nhưng luôn là cụm từ chính xác, mạch lạc, hợp lý và chính xác, nhưng thường được đánh dấu bằng một sự nặng nề nhất định. Sự tiếp xúc sâu rộng của ngài với nghệ thuật thơ ca và những thành tựu của nền văn hóa Hy Lạp hẳn đã góp phần hình thành nên trí thông minh của ngài nhưng lại ít ảnh hưởng đến các tác phẩm sau này của ngài. Mặc dù những tác phẩm này luôn được lồng ghép với những trích dẫn sâu rộng từ Kinh thánh và các tác giả thiêng liêng, các học giả vẫn không thể tìm ra nhiều hơn một vài ám chỉ đến các tác giả cổ điển.

Với tất cả những ưu điểm và nhược điểm này, Kinh sĩ Gioan La San trẻ tuổi đã bắt đầu khóa học triết học truyền thống kéo dài hai năm vào ngày 10 tháng 10 năm 1667.

Các Chức thánh Nhỏ (Minor Orders)

Vào ngày 17 tháng 3 năm 1668, có một sự kiện liên quan đến địa vị của chức kinh sĩ của mình, đó là Gioan La San đã nhận bốn chức thánh nhỏ là người gác cổng, người đọc sách, người trừ tà và người giúp lễ. Buổi lễ diễn ra tại Reims trong nhà nguyện của tòa tổng giám mục. Vị chủ trì là Charles xứ Bourlon, Giám mục

Soissons, với tư cách là đại diện của Đức Hồng y Barbetini (CL 41.2, tr. 195tt.).

Trong sự kiện này, những người viết tiểu sử ban đầu của Gioan La San đã bị chỉ ra là đã sai lầm ở hai điểm: họ đặt buổi lễ tại Cambrai, với giả định sai lầm rằng giáo phận Reims vẫn còn bỏ trống; và trong số các chức thánh được ban, chúng bao gồm cả chức phụ phó tế, trong khi chức này sẽ được ban bốn năm sau đó vào năm 1672.

Triết học

Chương trình học

Trong khi đó, chương trình triết học mà Gioan La San đã nhập học vào tháng Mười trước đó đang diễn ra theo lộ trình truyền thống và được định sẵn. Năm đầu tiên này dành cho việc học hỏi môn luận lý và đạo đức. Giáo sư là André Clocquet, khi đó là một nhà thần học trẻ tuổi, người đã giành được nhiều sự kính trọng nhờ bài phát biểu của ông trước hội đồng giám mục tỉnh vào năm 1665 và trước hội đồng thị trấn Reims vào năm 1666 về chủ đề của các khóa học của mình. Thành công của ông trong những buổi trình diễn học thuật công khai này là niềm hãnh diện cho các học sinh của Collège des Bons-Enfants và phụ huynh của chúng. Điều đó cho thấy chất lượng của các giáo sư trong “trường của chúng” ngang bằng với các giáo sư của

Dòng Tên. Clocquet cũng là một cha chính xứ của nhà thờ Saint Pierre-le-Vieil, một chức vụ mà 10 năm sau ông sẽ cố gắng từ chức để nhường cho Gioan La San.

Môn Luận lý nằm trong lịch trình của các lớp học buổi sáng, với tác phẩm *Organon* của Aristotle là nguồn tài liệu và giáo trình chính. Nội dung được chia thành sáu phần: (1) *Categories*, những phương thức chính để phân loại mọi thực tại và cách sử dụng đúng các vị ngữ; (2) *Hermeneutics*, hay khoa học diễn giải thông qua việc phân tích các loại mệnh đề khác nhau; (3) *Prior Analytics*, hay các quy luật của lý luận diễn dịch; (4) *Posterior Analytics*, một cách xử lý kiến thức quy nạp; (5) *Topics*, tám cuốn sách dành riêng cho các bài tập về phép biện chứng; (6) *Refutation of Sophisms*, hay các phương tiện để xác định nguyên nhân của lý luận sai lầm.

Vì Aristotle bắt đầu bị thách thức bởi một số tư tưởng triết học thời bấy giờ, nên có thể một chuyên luận về luận lý học, được xuất bản tại Port Royal bằng tiếng Pháp thay vì tiếng Latinh, có thể đã được sử dụng làm tài liệu bổ sung trong khóa học. Tương tự như vậy, khi xử lý tám cuốn sách của *Topics*, vị giáo sư sẽ có cơ hội giới thiệu một số yếu tố đương thời vào khóa học, vì các điều lệ yêu cầu ông phải làm như vậy.

Mặc dù các lý thuyết của Descartes bị cấm trình bày như là điều chắc chắn, thì Yves Poutet vẫn cho rằng chúng có thể được trình bày như những giả thuyết để thảo luận. Điều này sẽ nhấn mạnh hơn vào sự quan sát và hiểu biết sâu sắc, cũng như thái độ phê phán hơn đối với các công cụ mang tính nhân tạo của luận lý học Aristotle. Một số cách tiếp cận như vậy có thể đã ảnh

hướng đến định hướng thực tế của phương pháp giáo dục của Gioan La San (OL 1, tr. 170).

Là một cử nhân thần học cũng như một triết gia, André Clocquet gần như chắc chắn sẽ sử dụng cách xử lý “các nguồn bên ngoài” trong các *Topics* như một dịp để giới thiệu các tài liệu tham khảo về Kinh thánh, truyền thống của Giáo hội, các định nghĩa của các công đồng, giáo lý của các Giáo phụ, các tuyên bố của Giáo hoàng, cuộc đời của các vị thánh và các chính sách của các giám mục và giáo sĩ của Pháp.

Điều này đặt ra câu hỏi liệu ở giai đoạn giáo dục này của mình, Gioan La San có được giới thiệu về những điều tinh tế trong cuộc xung đột giữa Giáo hoàng và Giáo hội ở Pháp hay không. Bản tuyên bố bốn điều khoản của Pháp giáo (Gallican), khẳng định sự độc lập nhất định của Giáo hội Pháp khỏi Rôma, không được đưa ra cho đến 15 năm sau vào năm 1682.

Tuy nhiên, không còn nghi ngờ gì nữa, tình trạng đặc biệt của Giáo hội Công giáo ở Pháp đã được Đại học Reims bảo vệ mạnh mẽ, vì nó phụ thuộc vào sự hỗ trợ của chính quyền dân sự. Đến lượt mình, họ rõ ràng thích cái mà họ gọi là “trường của họ” hơn là trường của Dòng Tên, những người rất ủng hộ quan điểm của Rôma. Chủ đề này có thể đã trở thành chủ đề tranh luận sôi nổi trong các lớp luận lý học. Mặt khác, vào thời điểm đầu năm 1667 này, có nhiều khả năng cho Gioan La San và các bạn cùng lớp, là cuộc tranh luận với những người theo đạo Tin lành sẽ được sử dụng để tranh luận về vấn đề nguồn gốc của kiến thức tôn giáo.

Các lớp học buổi chiều trong năm đầu tiên của triết học đã được dành cho việc học hỏi môn đạo đức. Một

lần nữa, giáo trình cơ bản cũng là từ Aristotle, lần này là mười cuốn sách của *Nicomachean Ethics*. Trong tác phẩm này, Aristotle hình dung cuộc sống con người, trong chừng mực nó là con người, tập trung vào việc thực hành đức hạnh. Một nghiên cứu chi tiết về các đức tính chính dẫn người ta đến việc phân biệt cơ bản giữa các đức tính trí tuệ và đạo đức.

Trong phần cuối của *Ethics*, Aristotle chỉ ra rằng hạnh phúc – không nên nhầm lẫn với khoái lạc – có liên quan đến trí thông minh và vì thế tham gia vào trí thông minh thần thánh. Do đó, cuộc sống của tâm trí, với sự chiêm niệm là hoạt động cao nhất của nó, được chứng minh là tạo ra hạnh phúc lớn nhất. Tất cả những điều này sẽ được chấp nhận dễ dàng trong tâm trí của Gioan La San. Nó cũng sẽ cung cấp một nền tảng vững chắc cho việc nghiên cứu *Summa theologiae* của Thánh Tôma trong các khóa học thần học sắp tới.

Ngày 10 tháng 10 năm 1668, Gioan La San bắt đầu năm thứ hai của khóa triết học. Chỉ một tuần trước đó, vào ngày 3 tháng 10, cậu đã tham dự lễ tang long trọng sau cái chết của người bà con của cha mình, Cha Pierre Dozet, cựu tổng đại diện của giáo phận và là chủ tịch của Đại học Reims, vị linh mục đã từ chức kinh sĩ để nhường cho chàng trai trẻ Gioan La San.

Chương trình học thuật của năm thứ hai triết học rất nặng nề. Lớp học buổi sáng từ 7 giờ đến 9 giờ dành cho việc học hỏi cuốn sách *Physics* của Aristotle. Trong tác phẩm này, Aristotle đề cập đến các loại thay đổi và chuyển động khác nhau, nguyên lý nhân quả, các khái niệm về thời gian và không gian, bản chất của linh hồn, tất cả đều dẫn đến câu hỏi về nguyên nhân

cuối cùng của chuyển động trong vũ trụ. Rõ ràng là cách tiếp cận cơ bản mang tính triết học này đối với bản chất có rất ít điểm chung với những gì ngày nay sẽ được nghiên cứu trong một khóa học có tên là “vật lý”.

Môn Toán là môn học của lớp kéo dài từ 9 giờ đến 10 giờ sáng. Theo Gioan La San, khóa học này không chỉ bao gồm môn số học và hình học mà còn cả môn vũ trụ học, các nguyên lý đo lường và lý thuyết âm nhạc.

Lớp học buổi chiều dành riêng cho cuốn sách *Metaphysics* của Aristotle. Đây là đỉnh cao của toàn bộ công trình triết học, đưa các nhà triết học trẻ đến đỉnh cao nhất của tư duy trừu tượng, giải quyết vấn đề “tồn tại chính xác như nó tồn tại”. Họ sẽ nghiên cứu lịch sử khoa học về các nguyên lý đầu tiên, các cấp độ trừu tượng, tồn tại như năng lực và hành động, vật chất và hình thức, và vấn đề của một và nhiều. Khóa học kết thúc bằng một cuộc thảo luận về sự tồn tại và bản chất tâm linh của “chuyển động vĩnh cửu và bất động của vũ trụ”.

Vì những bài giảng này diễn ra sau bữa trưa, là bữa ăn chính trong ngày, nên có thể suy đoán hợp lý về những nỗ lực anh hùng cần có để giữ cho mình tỉnh táo và chú ý đến tất cả những điều trừu tượng đó.

Bằng tốt nghiệp MA (Master of Arts)

Sau khi kết thúc khóa học triết học kéo dài hai năm, Gioan La San đã trình diện để tham dự kỳ thi cuối cùng, lấy bằng tốt nghiệp MA. Các thủ tục bắt buộc khá phức tạp: thư giới thiệu trình lên hiệu trưởng, đăng

ký dự thi, thanh toán học phí cho trường đại học như là tiền phụ phí bắt buộc trả cho các giám khảo và người hướng dẫn và cuối cùng, là chính kỳ thi.

Kỳ thi là hình thức thi vấn đáp và được tiến hành hoàn toàn bằng tiếng Latinh với sự lịch sự tao nhã mà các công thức tiếng Latinh gợi ra. Kỳ thi bao gồm hai phiên riêng biệt: phiên đầu tiên dành cho các giáo sư cấp thấp và giới hạn ở môn luận lý học và đạo đức học; phiên thứ hai diễn ra trước các giáo sư cấp cao và mở rộng ra toàn bộ lĩnh vực triết học. Các câu hỏi thường ở dạng luận đề cần nêu, được phân chia và phân nhánh bằng các chủ đề và các tiểu đề, sau đó cuối cùng được bảo vệ hoặc bác bỏ. Có rất nhiều cạm bẫy trong quy trình này được thiết kế để bắt lỗi những học sinh thiếu cảnh giác hoặc chưa chuẩn bị.

Gioan La San đã tham gia kỳ thi này tại hội trường lớn Saint Patrick vào ngày 9 tháng 7 năm 1669 và đã đậu với danh hiệu cao nhất. Có hai tài liệu quan trọng được lưu giữ tại Nhà Mẹ của Dòng ở Rôma liên quan đến sự kiện này: bức thư chứng thực gửi cho hiệu trưởng, đề ngày 8 tháng 7 năm 1669, chứng thực về hạnh kiểm tốt của Gioan La San và việc hoàn thành các khóa học bắt buộc của cậu; và bản thân bằng tốt nghiệp, đề ngày 10 tháng 7, trao bằng MA với chứng nhận *summa cum laude* (CL 41.2, tr. 204tt., 211tt.).

Bằng cách này, sự nghiệp học vấn của Gioan La San tại Collège des Bons-Enfants đã kết thúc. Là một thanh niên 18 tuổi, một kinh sĩ của nhà thờ chính tòa Reims, cậu được coi là có đủ khả năng theo đuổi các nghiên cứu nâng cao và một sự nghiệp xuất sắc dựa trên nền tảng đã được đặt nền móng vững chắc trong tám năm

học tại trường. Tuy nhiên, trong vòng mười năm tới, ngài sẽ tham gia sâu vào công việc thành lập các trường Kitô giáo, một công việc mà hầu hết các khóa đào tạo này cho mọi mục đích thực tế đều vô ích. Như Huynh Yves Poutet đã diễn đạt, ngài sẽ rũ bỏ những thứ hào nhoáng của nền giáo dục cổ điển của mình, vứt bỏ nó như thể nó là một bộ quần áo cũ và không vừa vặn (OL 1, tr. 173).

VNIUERSITIS praesentis licetis inspecturis, Rector, & Vniuersitas celeberrimi studij Remensis, SALUTEM in Domino omnibus, & singulis quorum interest aut interesse poterit tenore praesentium: notum facimus quod discretus Vir D. Iohannes Baptista De la Salle remus, metropolitanae Remensis Ecclesiae Canonicus - - qui per biennium Philosophiae Curriculum, in Collegio bonorum pietorum eiusdem Vniuersitatis absoluit, iuxta testimonium professoris & praesentis Collegij manu signatum; incipiendo à semigralibus anni millesimi sexagesimi septimi ad semigralia anni millesimi sexagesimi noni in artibus Magister, gradum Magisterij, in praefata Artium liberalium Facultate, Remis, praesentis examinis rigorosis secundum praedictae Facultatis statuta & laudabiles consuetudines, praehabitis solemnitatibus in tali re assuetis, summa cum laude adeptus est: in cuius rei fidem & testimonium sigillum nostrum Magnum literis praesentibus duximus apponendum & apposuimus. Datum Remis in nostra congregatione generali apud sanctum Patricium solemniter celebrata, anno Domini millesimo sexcentesimo sexagesimo nono die vero mensis Iulij decima. S.

Mandato D. D. Rectoris:



The diploma of Master of Arts degree, granted *summa cum laude*, on July 10, 1669.

Bằng tốt nghiệp MA, được cấp *loại xuất sắc (summa cum laude)* vào ngày 10 tháng 7 năm 1669

3

Sinh viên Thần học

Với bằng tốt nghiệp MA, Gioan La San đủ điều kiện để vào bất kỳ trường đại học nào và theo học các khóa học dẫn đến bằng tiến sĩ về thần học, y khoa hoặc luật. Đã được nhận nghi thức cạo tóc khi mới 11 tuổi, trở thành kinh sĩ của nhà thờ chính tòa khi chưa đầy 16 tuổi, và được nhận các chức thánh nhỏ một năm sau đó, thì không có gì ngạc nhiên khi cậu học giả trẻ tuổi này đăng ký vào khoa thần học.

Thần học năm thứ nhất tại Reims

Những người viết tiểu sử ban đầu đưa ra ấn tượng rằng, sau khi hoàn thành chương trình học triết học tại Reims, Gioan La San đã ngay lập tức đến Paris để bắt đầu học thần học tại đó. Maillefer nói:

Sau khi hoàn thành khóa học triết học, theo thông lệ, cậu đã lấy bằng tốt nghiệp MA, khi đó cậu khoảng 18 tuổi. Sau đó, cậu đến Paris để học những điều phù hợp với một người trong bậc giáo sĩ, và lấy bằng cử nhân và tiến sĩ (CL 6, tr. 21).

Và Blain cũng đồng tình với những lời gần như tương tự:

Sau khi hoàn thành khóa học triết học, theo thông lệ, cậu lấy bằng tốt nghiệp MA. Bước đầu tiên hướng tới bằng tiến sĩ, vẫn còn rất xa, khiến cậu nghĩ tới việc đến với nguồn gốc của khoa học, Đại học Paris. Vì vậy, cậu quyết định đến học tại Sorbonne để lấy bằng cử nhân và tiến sĩ (CL 7, tr. 123).

Tuy nhiên, các nguồn tài liệu cho thấy rõ rằng Gioan La San bắt đầu học thần học tại khoa thần học tại Reims, nơi cậu theo học từ tháng 10 năm 1669 đến tháng 7 năm 1670. Khoa thần học tại Reims đã được Đức Hồng y Charles xứ Lorraine thành lập vào thế kỷ thứ XVI và được Antoine Fournier tài trợ hào phóng vào đầu thế kỷ thứ XVII.

Trường tọa lạc trong một nhóm tòa nhà liền kề với Collège des Bons-Enfants. Nhà nguyện, dành kính Thánh Patrick, được bao quanh bởi nơi ở của hiệu trưởng, các giáo sư thần học (chỉ có hai người trong số họ) và các sinh viên nhận học bổng. Ngoài ra, một số lớp thần học được tổ chức hằng ngày tại Tu viện Saint Denis gần đó. Nhóm sinh viên bao gồm các chủng sinh giáo phận, các tu sĩ từ Tu viện Saint Denis và các thành viên của nhiều dòng tu khác nhau có nhà tại Reims. Khoa thần học được quản lý theo quy chế của Thomas Mercier được phê duyệt vào năm 1662.

Theo quy chế này, khi bước vào khoa thần học và thế giới học thuật mới mà khoa đại diện, Gioan La San được đòi hỏi sẽ phải tuyên thệ như sau:

Con, [Jean-Baptiste de La Salle],

1) thề rằng con sẽ tôn trọng các quyền, các miễn trừ, các đặc quyền và các điều lệ đã được ban hành và sẽ được ban hành cho Đại học Reims;

- 2) thề rằng con sẽ tôn vinh và kính trọng Đức Tổng Giám mục Công tước Reims, người là viên chức được trao quyền bảo vệ các đặc quyền đã nói ở trên; thể hiện sự tôn kính và kính trọng tương tự đối với hiệu trưởng trường đại học và khoa trưởng; trong mọi tình huống, tuân thủ mọi mệnh lệnh hợp pháp và chính đáng của họ; duy trì hòa bình và hòa hợp giữa tất cả các bộ phận khác nhau của trường Đại học;
- 3) thề rằng con sẽ không tiết lộ cho bất kỳ ai bất kỳ vấn đề riêng tư nào có thể làm mất uy tín của trường Đại học;
- 4) thề rằng con sẽ trung thực cung cấp họ tên, tên thánh của mình và công bố bất kỳ bổng lộc nào mà con có thể sở hữu hoặc bất kỳ dòng dõi cao quý nào mà con có thể được hưởng, cũng như giáo phận mà con đến từ đó.

- Con có thề như thế không?

Thưa, con xin thề.

- Vậy thì bây giờ, như một dấu hiệu của sự chân thành, con hãy hôn bức ảnh Đức Kitô bị đóng đinh này.

Ngoài lời tuyên thệ chính thức này, quy chế còn thúc giục các sinh viên bắt đầu học thần học phải quyết tâm vượt trội hơn tất cả các sinh viên khác của trường đại học và trở thành hình mẫu cho họ trong nhà thờ và trong lớp học.

Quy chế cũng thiết lập thời khóa biểu học hằng ngày:

- ◆ 8:00-9:00 sáng – tại Saint Patrick. Các bài giảng về *Book of Sentences* của Peter Lombard.

- ◆ 1:00-2:00 chiều – tại Saint Denis. Bài giảng thần học và các bài tập thực hành về thần học.
- ◆ 2:30-4:00 chiều – tại Saint Patrick. Các bài giảng về Cựu Ước và Tân Ước theo cách diễn giải của các Giáo phụ.

Khi Gioan La San bắt đầu học thần học tại Reims vào năm 1669, chỉ có hai giáo sư, Michel de Blanzy và Daniel Egan. De Blanzy giảng dạy tại Saint Patrick, Egan tại Saint Denis. Vào cuối năm học, mỗi sinh viên nhận được một chứng chỉ viết tay chứng minh sự tham gia của mình vào khóa học và chất lượng công việc của mình. May mắn thay, hai chứng chỉ mà Gioan La San nhận được vào cuối năm đầu tiên học thần học vẫn còn tồn tại. Các bản gốc được lưu giữ trong văn khố của Nhà Mẹ Dòng tại Rôma (CL 41.2, tr. 217tt.).

Bản đầu tiên, của Michel de Blanzy, có nội dung như sau (dịch từ tiếng Latinh):

Tôi, người ký tên dưới đây, Tiến sĩ Thần học và Giáo sư tại trường Đại học Reims, xin làm chứng với tất cả các bên liên quan hoặc có thể liên quan rằng [Dominum] Jean-Baptiste de La Salle, một kinh sĩ của nhà thờ Reims lừng lẫy, trong năm nay đã lắng nghe và ghi chép các bài giảng thần học của tôi. Trong suốt thời gian này, cậu đã thể hiện những dấu hiệu vượt trội về cả sự siêng năng lẫn học vấn. Vào năm Chúa chúng ta 1670, ngày 15 tháng 7. [Ký tên] De Blanzy

Bản thứ hai, của Daniel Egan, tương tự nhưng với việc bổ sung một số chi tiết chính xác hơn:

Tôi, người ký tên dưới đây, một linh mục, Tiến sĩ Thần học Thánh và Giáo sư, đối với tất cả những ai có

thể quan tâm đến vấn đề này, xin làm chứng rằng [Dominum] Jean-Baptiste de La Salle đã được hưởng lợi từ các bài giảng thần học của tôi được tổ chức tại các lớp học của Đại học tại Tu viện Saint Denis tại Reims và đã làm như vậy với bằng chứng rõ ràng về sự siêng năng, lòng đạo đức, và học bổng vượt trội, từ năm 1669 đến nay. Để làm chứng, tôi đã ký bằng chính tay mình. Tại Reims năm 1670 sau Công Nguyên, ngày 15 tháng 7. [Ký tên] D. Egan

Các Giáo sư

Michel de Blanzly sinh vào những năm đầu thế kỷ thứ XVII tại một thị trấn nhỏ thuộc giáo phận Soissons. Ông đến Reims năm 1648. Là một tiên sĩ văn chương và tiên sĩ thần học, ông được phong làm kinh sĩ của nhà thờ Saint Timothy tại Reims, và năm 1657, ông phục vụ một nhiệm kỳ một năm với tư cách là hiệu trưởng của trường đại học. Ông là nhiếp chính triết học tại Collège des Bons-Enfants trước khi cuối cùng được bổ nhiệm làm giáo sư thần học vào năm 1662. Ông giữ chức vụ này cho đến năm 1684, khi ông được bổ nhiệm làm kinh sĩ của nhà thờ chính tòa Reims.

Năm năm sau đó, như người viết tiểu sử Jadart đã thuật lại, sau khi đã “tận hưởng trọn vẹn lối sống chuyên tâm học hỏi và thanh bình mà nguồn thu nhập cùng sự liệu tít xa trông rộng của mình đã mang lại”, De Blanzly đã lập di chúc, để lại thư viện đồ sộ của mình cho kinh sĩ đoàn Nhà thờ chính tòa. Ông cũng dành những khoản chu cấp rộng rãi cho những người

nghèo đang được nuôi dưỡng tại nhà tế bần của thành phố Reims (CL 41.2, tr. 227). Ông qua đời vào năm sau đó, ngày 11 tháng 11 năm 1690.

Daniel Egan cũng đã đến Reims vào năm 1648, một người chạy trốn khỏi cuộc đàn áp tôn giáo ở quê hương Ireland của ông. Các nhà thần học lưu vong người Anh và Ireland không phải là điều mới lạ ở miền bắc nước Pháp. Ví dụ, trong khi trường tiếng Anh tại Douai tạm thời được đặt tại Reims (1578-1593), thì bản dịch Công giáo gốc của Tân Ước sang tiếng Anh lần đầu tiên xuất hiện. Daniel Egan tiếp tục truyền thống này, không chỉ bằng chính con người của mình, mà còn bằng cách thành lập một quỹ 3,000 livres để giúp những người trẻ tuổi Ireland có thể đến Reims để học làm linh mục.

Được bổ nhiệm vào năm 1656 vào khoa thần học do Antoine Fournier tài trợ, Daniel Egan nhanh chóng đạt được các danh hiệu khác: kinh sĩ của nhà thờ Saint Timothée, tuyên úy của Notre Dame, cha chính xứ của nhà thờ Saint Sixtus và sau đó là Saint Jean, và hiệu trưởng của Collège des Bons-Enfants. Ông trở thành công dân nhập tịch Pháp vào năm 1678.

Mặc dù có nhiều danh hiệu và thu nhập đi kèm, ông vẫn nổi tiếng là người thích cuộc sống giản dị, sự cô lập trong học tập và giao lưu với các học sinh trong lớp học. Ông từ chức vị trí giảng dạy của mình vào năm 1695, khi ông, giống như De Blanzay, được phong làm kinh sĩ của nhà thờ chính tòa. Ông qua đời vào ngày 4 tháng 6 năm 1699 (CL 41.2, tr. 240).

Các khóa học

Nội dung của khóa học buổi sáng do Michel de Blanzzy giảng dạy là thần học kinh viện, theo truyền thống, dành riêng cho chuyên luận *De Deo Uno*, đề cập đến sự tồn tại và các thuộc tính của Thiên Chúa, của các thiên thần và sự tiền định. Các bài giảng sẽ tuân theo thứ tự và dựa trên giáo trình của *Book of Sentences* của Peter Lombard.

Nội dung chính xác của khóa học do Daniel Egan giảng dạy tại Saint Denis vào đầu buổi chiều không hoàn toàn rõ ràng. Trong văn kiện bổ nhiệm ông vào ghế hiệu trưởng tại Saint Denis, ông được yêu cầu phải có một bài giảng *praelectio* hằng ngày, tức là một bài giảng giới thiệu, sau đó là “các bài tập thúc đẩy việc thực hành thần học của học sinh”. Có lẽ giờ này sẽ được phối hợp với các bài giảng buổi sáng của De Blanzzy (CL 41.2, tr. 230).

Các khóa học được giảng dạy theo phương pháp truyền thống trong thần học kinh viện. Do đó, trong chúng chỉ do De Blanzzy viết, Gioan La San được cho là đã “lắng nghe và ghi chép” về các bài giảng thần học. Với các trích dẫn hoặc “câu” từ các thẩm quyền được Peter Lombard trích dẫn làm điểm chính, vị giáo sư sẽ phát triển từng đơn vị của khóa học thành một loạt luận đề. Những luận đề này sẽ được phân tích và bảo vệ bằng các lập luận, trước tiên là từ thẩm quyền và sau đó là từ lý trí. Lập luận sẽ tiến hành diễn dịch từ các nguyên tắc đến kết luận theo logic chặt chẽ. Những gì thuộc về đức tin sẽ được phân biệt rõ ràng với ý kiến thần học và một ý kiến thần học này sẽ được so sánh với một ý kiến thần học khác về mức độ xác suất được

dành cho từng ý kiến. Cuối cùng, sẽ có sự bác bỏ bất kỳ luận đề nào trái ngược với luận đề được đề xuất, bao gồm cả các tà giáo cổ điển và bất kỳ “điều mới lạ” thần học nào đang thịnh hành tại thời điểm đó.

Các sinh viên được kỳ vọng sẽ nắm vững tài liệu này trong tất cả các chi tiết phức tạp của nó. Trọng tâm là trí nhớ và kỹ thuật hơn là niềm tin cá nhân, và hoàn toàn không phải là tư duy độc lập sáng tạo hoặc phê phán. Thông qua các bài tập thực hành được gọi là “tranh luận kinh viện”, với cả giáo sư lẫn với nhau, các sinh viên được đào tạo về cách sử dụng hiệu quả lập luận từ thẩm quyền, cũng như ứng dụng logic chặt chẽ vào các câu hỏi thần học bằng cách định nghĩa, và phân biệt các thuật ngữ và mệnh đề.

Kiểu đào tạo này đã để lại dấu ấn cho Gioan La San. Trong suốt cuộc đời mình, ngài đã thể hiện một trí nhớ phi thường, sự hiểu biết chi tiết về Kinh thánh và các Giáo phụ, một phong cách viết có phần gượng gạo và thiếu sáng tạo, và sự phản kháng mạnh mẽ đối với sự đổi mới thần học.

Không rõ, từ các lời chứng thực dành cho Gioan La San, ai trong hai giáo sư đã giảng dạy khóa học về Kinh thánh theo cách diễn giải của các Giáo phụ. Có thể là De Blanzzy hoặc Egan, hoặc cả hai, hoặc một người nào khác. Một nhà sử học sau này của Đại học Reims đã chỉ trích các khóa học Kinh thánh vào thời của Gioan La San là không chú ý đủ đến tính lịch sử của các sự kiện trong Kinh thánh (Cauly đã trích dẫn trong OL 1, tr. 231). Các giáo sư vào thời điểm đó rõ ràng đã say mê cách giải thích Kinh thánh theo nghĩa

tâm linh và ngụ ngôn vốn rất phổ biến trong số các Giáo phụ.

Tuy nhiên, các tác phẩm của Gioan La San trong những năm cuối đời, đặc biệt là các bài suy gẫm của ngài, đều gán cho các châm ngôn và sự kiện trong Kinh thánh, đặc biệt là Tân Ước, một tính chất lịch sử gần như quá mức.

Chuyển từ Reims đến Paris

Trong diễn biến bình thường của các sự kiện, Gioan La San được kỳ vọng sẽ tiếp tục phần còn lại của khóa học kéo dài năm năm để lấy bằng Cử nhân Thần học tại trường đại học Reims. Trước hết, để chuyển đi nơi khác, cần phải có sự cho phép của kinh sĩ đoàn nhà thờ chính tòa để được vắng mặt khỏi thành phố và được miễn nhiệm vụ của mình với tư cách là một kinh sĩ.

Tuy nhiên, trong năm học 1669-1670, một cuộc tranh chấp đã nảy sinh giữa các giáo sư của khoa và ban quản lý của Đại học Reims. Rắc rối bắt đầu từ năm 1668 khi Pierre Dozet nghỉ hưu với tư cách là chương án của trường đại học, một chức vụ mà ông đã giữ trong 50 năm. Đây cũng chính là Dozet, người đã từ chức kinh sĩ vào năm 1666 để nhường chức cho Gioan La San, cháu họ của ông.

Trong suốt năm 1669, Đức Hồng y Antonio Barberini, Tổng Giám mục Reims, đã bổ nhiệm Louis-Eléonor Tristan kế nhiệm chức vụ chương án. Điều này không được các giáo sư tại trường đại học chấp nhận, vì tất cả họ đều có bằng tiến sĩ hoặc bằng cử nhân STL,

trong khi Tristan chỉ mới có bằng cử nhân thần học STB.

Ngay từ tháng 5 năm 1669, Daniel Egan, nhân danh khoa, đã phản đối tình hình bất thường khi đề một vị chương án không có đủ bằng cấp chủ trì các kỳ thi. Hai người khác trong khoa, Giáo sư Oudart Duchemin và Nicaise Oudinet, đã tiến thêm một bước nữa và đệ đơn kiện để hủy bỏ việc bổ nhiệm.

Vụ kiện được đưa ra trước Tòa án Tối cao Reims, nơi có Louis de La Salle, cha của Gioan La San, và Jean Moët, ông ngoại của cậu, là thành viên. Vì tòa án có một trong những chức năng của mình là bảo vệ các đặc quyền của trường đại học, nên không có gì ngạc nhiên khi vào ngày 14 tháng 5 năm 1669, vụ kiện do các giáo sư đệ trình đã bị bác bỏ (CL 41.2, tr. 221; OL 1, tr. 228tt.).

Tòa án đã làm mọi cách có thể để cố gắng hòa giải các bên đối lập và mọi thứ đã lắng xuống một chút trong học kỳ mùa thu năm 1669. Người ta không biết liệu vào thời điểm này có kế hoạch cho Gioan La San đến Paris để bắt đầu học thần học hay không. Trong mọi trường hợp, và trong những hoàn cảnh này, với Louis de La Salle buộc phải hỗ trợ các yêu sách của Đại học Reims, sẽ rất khó xử nếu ông cho phép con trai cả của mình đi nơi khác để học thần học.

Theo đó, vào tháng 10 năm 1669, Gioan La San đã ghi danh vào khoa thần học tại Reims, một quyết định được hiểu là ủng hộ Chương án Tristan và có lẽ là một cử chỉ hòa giải.

Sự bình tĩnh tương đối đã chiếm ưu thế trong học kỳ mùa thu năm 1669. Tuy nhiên, vào đêm trước lễ triện

tập long trọng mở đầu học kỳ mới vào tháng 1 năm 1670, Jacques Thuret, vị *écolâtre* hoặc giám sát giáo dục của giáo phận, đã thách thức quyền của vị chương án trong việc chủ trì các kỳ thi cấp bằng trong mùa xuân trước đó. Ông lập luận rằng quyền này thuộc về Tổng Giám mục hoặc một trong những vị đại diện của ông. Được Duchemin và những người khác khuyến khích, Thuret sau đó tuyên bố rằng tất cả các hành vi của vị chương án đều vô hiệu.

Các giáo sư đã tổ chức một cuộc họp tại đan viện Carmel, tại đó họ đã thông qua một nghị quyết hoãn các kỳ thi cấp bằng được lên lịch vào tuần lễ Phục sinh và cấm các linh mục chuyển cho các ứng viên giấy chứng nhận đủ điều kiện do chương án ký.

Chương án Tristan từ chối bị đe dọa bởi những động thái này và tổ chức các kỳ thi theo đúng lịch trình. Khoa ngay lập tức tuyên bố chúng vô hiệu. Do đó, Tristan một lần nữa buộc phải đưa vấn đề ra Tòa án Tối cao. Các giáo sư vẫn kiên quyết, đưa ra tuyên bố vào ngày 1 tháng 9 năm 1670, khẳng định lại lập trường trước đó của họ. Trong khi đó, năm học mới đã không còn xa nữa.

Gioan La San thấy mình bị mắc kẹt giữa tất cả sự hỗn loạn này. Tính hợp lệ của các kỳ thi và độ tin cậy của các bằng cấp đang bị nghi ngờ. Mặc dù không biết chính xác các sinh viên bị ảnh hưởng như thế nào trong hoạt động hằng ngày của trường đại học, nhưng các cuộc tranh luận liên tục và các cuộc chiến pháp lý khó có thể thúc đẩy việc học thần học nghiêm túc. Huynh Yves Poutet cho rằng đây là một yếu tố chính trong quyết định chuyển Gioan La San từ Reims đến Paris để

tiếp tục việc học thần học của mình trong một môi trường học thuật thuận lợi hơn (OL 1, tr. 228); Huynh Léon Aroz lại nghĩ là không như thế (CL 41.2, tr. 277). Dù là trường hợp nào, thì Gioan La San cũng đi Paris vào tháng 10 năm 1670 để ghi danh vào Sorbonne.

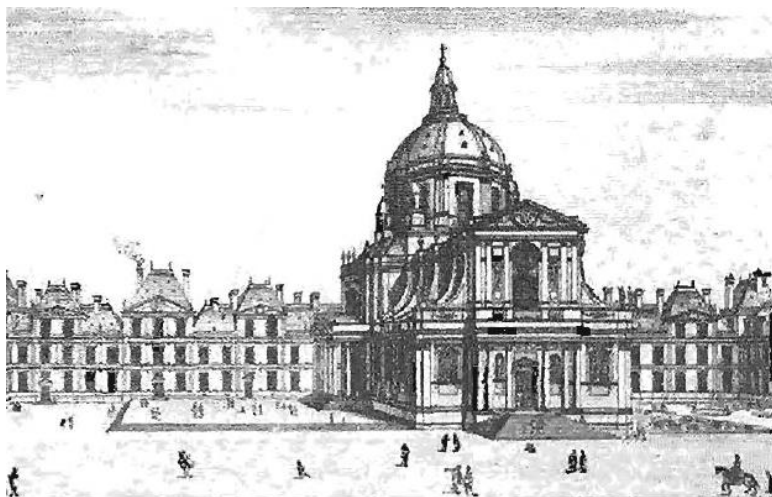
Cuộc tranh cãi tại Reims cuối cùng đã được chuyển đến Tòa án tại Paris. Trong một sắc lệnh chính thức có hiệu lực vào ngày 16 tháng 12 năm 1670, Tòa án tuyên bố rằng những yêu sách của những người thỉnh cầu, Duchemin, Egan, Oudinet, De Blanzly và những người khác, là không có cơ sở và Eléonor Tristan đã được xác nhận vào chức vụ Chương án của trường Đại học. Vào thời điểm đó, Gioan La San đã học năm thứ hai thần học tại Sorbonne rồi.

Nghiên cứu Thần học tại Sorbonne ở Paris

Khi đến Paris vào tháng 10 năm 1670, Gioan La San đã cư trú tại Chung viện Saint Sulpice. Chung viện được tổ chức chủ yếu để cung cấp bầu không khí thiêng liêng và đào tạo phù hợp cho các ứng viên có nguyện vọng trở thành linh mục. Để được nghe giảng về thần học hàn lâm, các chủng sinh đi bộ mỗi ngày đến Sorbonne, nơi các khóa học được cung cấp, các kỳ thi được tổ chức và các bằng cấp nâng cao được trao tặng.

Vào thời điểm Gioan La San là sinh viên tại Paris, cái tên Sorbonne ám chỉ bốn cơ sở: trường học được thành lập năm 1253 bởi Robert de Sorbon để chuẩn bị cho

các ứng viên học thần học; khoa thần học, được khánh thành ngay sau đó; Hội Sorbonne thường trú, một hiệp hội uy tín của những người có bằng cấp cao về thần học là các thầy giáo hoặc sinh viên tốt nghiệp tại Sorbonne; Đoàn Sorbonne, bao gồm các tiến sĩ của Sorbonne, các kinh sĩ và các viên chức khác của nhà thờ sống tại Paris. Năm 1682, có 753 tiến sĩ còn sống của Sorbonne.



A view of the chapel and a wing of the main building of the Sorbonne, in Paris.

Một góc nhìn của nhà nguyện và một dãy tòa nhà chính của Sorbonne, tại Paris.

Khoa thần học và Đoàn Sorbonne cùng nhau tạo nên cái được gọi là “Quý ông đáng kính của Sorbonne”. Đây là một tập đoàn rất hùng mạnh mà một tác giả mô tả là có “quyền lực đáng kể chuyên điều tra mọi ý

tường mới, phán xét và lên án chúng, nhóm quan trọng nhất tại Đại học Paris và là tiếng nói tối hậu của toàn nước Pháp” (R. Mousnier được trích dẫn trong CL 41.2, tr. 46).

Là một phần của Đại học Paris, Sorbonne được quản lý theo quy chế được ban hành vào năm 1600. Có một thời gian, trường đại học này nằm dưới quyền quản lý của giáo hoàng. Cuối cùng, trường nằm dưới sự kiểm soát của các nhà vua của Pháp, những người coi trường là “trường nữ” của họ. Mặc dù ban đầu trường đại học này mang tính tôn giáo về mặt tổ chức và chương trình giảng dạy, nhưng quy chế năm 1600 phản ánh sự thống trị ngày càng tăng của hoàng gia Pháp lên giáo hội Pháp. Một phần của phần mở đầu có nội dung như sau:

Sự thịnh vượng của mọi vương quốc và toàn thể người dân phụ thuộc vào nền giáo dục tốt cho thế hệ trẻ. Giáo dục giúp trau dồi và khai sáng tâm trí của họ khi họ còn trong sáng và ngây thơ. Giáo dục giúp họ phù hợp với công vụ và đào tạo họ để hoàn thành các chức năng công; giáo dục củng cố lòng tận tụy của họ đối với gia đình và đất nước cũng như sự tôn trọng và tuân thủ đối với các quan chức cầm quyền (CL 41.2, tr. 46).

Theo đó, ngày càng có nhiều chức năng thế tục được giao cho trường đại học. Nhà vua và quốc hội ngày càng kiểm soát chặt chẽ hơn, cả trực tiếp lẫn gián tiếp, đối với các hoạt động của trường: bổ nhiệm các giáo sư, giám sát việc bầu hiệu trưởng và quan trọng nhất là xác định các lý thuyết chính trị và giáo điều nào có thể hoặc không thể được thảo luận trong các khóa học. Đại

học Paris đã định hình phong cách cho 17 trường đại học khác trên khắp nước Pháp.

Theo thông lệ kể từ thời Trung cổ, trường đại học bao gồm bốn trường hoặc “khoa”: thần học (Sorbonne), luật giáo hội, y khoa và văn chương. Mặc dù khoa thần học được coi là khoa đầu tiên và danh giá nhất, nhưng theo một nghĩa khác, khoa văn chương quan trọng hơn, vì khoa này cấp bằng tốt nghiệp MA bắt buộc để được nhận vào bất kỳ trường nào khác.

Tùy thuộc vào nơi xuất xứ, sinh viên theo học tại Sorbonne được chia thành bốn “quốc gia”, như cách gọi của họ: Pháp, Picardy, Normandy và Đức. Mỗi quốc gia được chia thành các nhóm tỉnh bao gồm một hoặc nhiều giáo phận. Do đó, Gioan La San đã được đăng ký tại quốc gia Pháp, tỉnh Champagne, Tổng Giáo phận Reims.

Vào đầu thế kỷ thứ XVII, Đại học Paris đã ở trong tình trạng suy tàn. Nó không còn là “biển cả mênh mông và không đáy, nơi người ta có thể câu được mọi loại kiến thức, đức hạnh và chân lý bằng cách sử dụng việc học tập nghiêm túc làm mồi”, như một tác giả đã mô tả rất hay về thời kỳ hoàng kim của nó (H. Ferré được trích dẫn trong CL 41.2, tr. 48).

Có một số lý do cho điều này. Vào thời điểm đó ở châu Âu, các cuộc chiến tranh tôn giáo là nguồn gốc của sự hỗn loạn ở khắp mọi nơi. Ở Pháp, xung đột giữa Giáo hội và quyền lực hoàng gia có xu hướng gây ảnh hưởng có hại đến mọi thể chế, cũng như sự cạnh tranh trong Giáo hội giữa các dòng tu khác nhau.

Hơn nữa, mặc dù Sorbonne có truyền thống về lối sống giản dị và luôn tuyển sinh một số lượng lớn

những người tương đối nghèo vào học thần học, nhưng đến giữa thế kỷ thứ XVII, trường đã trở nên quá thịnh vượng. Các giáo sư sống một cuộc sống quá dễ dãi, hoàn toàn không phù hợp với các nguyên tắc của chủ nghĩa khổ hạnh của các giáo sĩ mà họ được cho là phải giảng dạy. Họ không mấy quan tâm đến việc thúc đẩy sự nghiệp học thuật, phần lớn hài lòng với việc truyền đạt kiến thức đã tiếp thu hơn là những nhà tư tưởng sáng tạo.

Đặc biệt, triết học Descartes mới, vốn đang tạo ra một tinh thần mới vào thế kỷ thứ XVII, đã bị bác bỏ ngay lập tức. Thay vì mở rộng tầm nhìn trí tuệ của mình, các giáo sư dường như dành phần lớn năng lượng của mình vào việc tích lũy nhiều bổng lộc, bất chấp lệnh cấm của bộ giáo luật. Hậu quả tất yếu của thái độ tùy tiện này của các giáo sư là sự bất tuân lệnh khá lớn từ phía các sinh viên và sự thiếu kỷ luật đáng kể trong các ký túc xá.

Điều này đặt ra câu hỏi liệu bầu không khí như vậy có ảnh hưởng gì đến Gioan La San trong những năm tháng học tập của cậu hay không. Không có bằng chứng nào cho thấy điều đó. Việc cư trú tại Chung viện Saint Sulpice sẽ cung cấp một bức tường thành chống lại những thế lực tiêu cực như vậy, ít nhất là về mặt kỷ luật phù hợp với các ứng viên cho chức linh mục.

Bất kể hành vi của các giáo sư có thể là gì, thì các điều lệ của Sorbonne đã đề xuất một lý tưởng cao cả cho bất kỳ ai tham gia vào việc nghiên cứu thần học. Điều lệ đầu tiên của quy chế này thiết lập nguyên tắc rằng “hạnh phúc thực sự của con người bao gồm sự hiểu biết về Thiên Chúa”. Điều 2 liệt kê các khuynh

hướng mà nhà thần học phải mang đến cho việc nghiên cứu của mình: một thái độ trong sáng và không tì vết, tách biệt khỏi sự tha hóa của thế gian, một tinh thần phục tùng không khoa trương và từ bỏ mọi tham vọng để chỉ hướng đến Thiên Chúa mà thôi. Gioan La San không cần phải chờ đợi để được vào Sorbonne để có được những phẩm chất này của riêng mình.

Sau đó, điều quan trọng là phải nhận ra rằng mối quan hệ của Gioan La San với Sorbonne chỉ đơn giản với tư cách là một sinh viên theo học khoa thần học. Các lớp học được tổ chức tại các tòa nhà liền kề với trường đại học Sorbonne, nơi đã được Đức Hồng y Richelieu cải tạo đáng kể vào năm 1627. Ngôi mộ của ông vẫn có thể được nhìn thấy ở nơi từng là nhà nguyện của trường đại học. Gioan La San không phải là một thành viên của trường đại học vì cậu sống tại Saint Sulpice. Liệu cuối cùng cậu có gia nhập Đoàn Sorbonne nổi tiếng hay không vẫn còn là vấn đề gây tranh cãi, vì cậu phải rời Paris trước khi lấy được bất kỳ bằng cấp học thuật nào từ trường đại học.

Gioan La San đến Sorbonne từ Reims với bằng tốt nghiệp MA bắt buộc và bên cạnh đó là một năm thần học đầy đủ. Phía trước còn lại là hai năm thần học và hai năm triết học nâng cao để đáp ứng yêu cầu năm năm đối với bằng Cử nhân Thần học STB. Trong hai năm thần học còn lại, chỉ yêu cầu hai khóa học trong mỗi năm. Trước các lựa chọn giữa tín lý, luân lý hoặc Kinh thánh, Gioan La San đã chọn chương trình tín lý. Các khóa học này được giảng dạy bởi hai “giáo sư hoàng gia”, Jacques Despériers và Guillaume de Lestocq.

Các khóa học bắt đầu vào ngày 18 tháng 10, ngày lễ Thánh Luca, và tiếp tục cho đến cuối tháng 7. Do không có sách giáo khoa, các sinh viên được yêu cầu phải giữ sổ tay thường xuyên để giáo sư kiểm tra. Lịch học thường bị gián đoạn khi các giáo sư được triệu tập để chủ trì các cuộc họp để kiểm tra vấn đáp cho các ứng viên lấy bằng. Tất cả sinh viên đều được yêu cầu phải có mặt và đôi khi phải tham gia vào các buổi học này.

Mặc dù vậy, thời gian dành cho việc học tài liệu khóa học vẫn quá dài. Điều này khiến các giáo sư phải hoàn thành bài giảng của mình bằng cách đi sâu vào các vấn đề không quan trọng. Các nguồn tin cho biết các giáo sư thích dành phần lớn thời gian rảnh để đọc các ghi chú, đôi khi bày tỏ quan điểm cá nhân của mình “ngoài lề” về các chủ đề gây tranh cãi, nhưng hiếm khi khuyến khích thảo luận hoặc tranh luận, càng không khuyến khích khám phá những hướng suy nghĩ hoặc nghiên cứu mới.

Một phần của phương pháp giảng dạy mang tính bảo thủ này chính là sự giám sát chặt chẽ và liên tục mà các cơ quan quản lý học thuật áp đặt lên mọi khía cạnh của các khóa học. Sự tuân thủ nghiêm ngặt các giáo lý chính thống là điều bắt buộc, và bất cứ sự sai lệch nào cũng có thể dẫn đến hình phạt trục xuất. Những tham chiếu đến các vấn đề đang là chủ đề tranh luận đương thời đều bị cấm đưa vào nội dung bài giảng được đọc cho sinh viên chép vào sổ tay. Các giáo sư buộc phải hết sức thận trọng khi bày tỏ quan điểm cá nhân về bất kỳ chủ đề nào, tất nhiên, trừ khi những quan điểm đó

hoàn toàn trùng khớp với chính sách chính thức của nhà trường (OL 1, tr. 297).

Trong thời gian Gioan La San là sinh viên tại Paris, cuộc tranh luận thần học tập trung vào ba chủ đề cụ thể: chủ thuyết Jansen, chủ thuyết Pháp giáo (Gallican) và chủ thuyết Descartes.

Chủ thuyết Jansen (Jansenism)

Chủ thuyết này phát xuất từ Cornelius Jansen, một giáo sư tại Đại học Louvain và sau này là Giám mục Ypres, người viết cuốn *Augustinus*, được xuất bản sau khi ông mất vào năm 1640, nhằm mục đích giải thích học thuyết của Thánh Augustinô về ân sủng và tiền định. Trọng tâm của quyển sách là về sự bất toàn của bản chất con người, nhu cầu kiểm soát bản chất con người bằng sự nghiêm khắc sám hối, sự cần thiết và tính bất khả ngộ của ân sủng thiêng liêng, sự ban ơn của tiền định và nguy cơ bị nguyên rủa mà hầu hết mọi người đều phải chịu.

Cuốn sách đã tạo nên một cơn sốt trong giới thần học. Nó đặc biệt bị phản đối bởi các tu sĩ Dòng Tên, những người coi đó là sự hồi sinh của các học thuyết của Calvin về tiền định và là mối đe dọa đối với sự nhân mạnh của họ về tầm quan trọng của ý chí tự do của con người liên quan đến hành động của ân sủng thiêng liêng. Chủ thuyết Jansen cũng bị phản đối bởi khoa thần học của Sorbonne, cũng như bởi triều đình Pháp, nơi do Đức Hồng y Mazarin và sau đó là Vua Louis XIV thống trị.

Trung tâm tinh thần và địa lý của Jansen là đan viện cải cách của các nữ tu Xitô và các linh mục liên kết với họ tại Port Royal. Người đứng đầu trong số họ là Antoine Arnauld. Ông lần đầu tiên nổi tiếng khi bảo vệ các học thuyết cực kỳ nghiêm ngặt của Viện phụ xứ Saint Cyran, một người bạn của Jansen và là người phản đối mạnh mẽ ý tưởng về việc Rước lễ thường xuyên.

Cuối cùng, cuộc tranh cãi tập trung vào một loạt năm đề xuất đáng phản đối được cho là chứa đựng bản chất của học thuyết có trong cuốn *Augustinus*. Những đề xuất này lần đầu tiên được đề xuất để khoa thần học tại Paris xem xét vào năm 1649. Cuộc tranh luận công khai diễn ra sau đó đã giúp xếp hàng những người bảo vệ chủ thuyết Jansen ở một bên và những người phản đối ở bên kia.

Cả hai bên đều kháng cáo tới Rôma. Vào ngày 13 tháng 5 năm 1653, Đức Giáo hoàng Innocent X, trong Sắc chỉ *Cum occasione*, đã lên án năm đề xuất, quy chúng cho Jansen. Vào ngày 1 tháng 9 cùng năm, khoa Sorbonne đã quyết định bằng một cuộc bỏ phiếu nhất trí chấp nhận và đăng ký Sắc chỉ, và đe dọa sẽ sa thải bất kỳ giáo sư nào không chịu khuất phục.

Arnauld và những người theo ông vẫn kiên quyết. Họ nhấn mạnh rằng mặc dù có thể có sai sót trong các đề xuất và rằng giáo hoàng có quyền lên án chúng (vấn đề về “quyền”), nhưng thẩm quyền của giáo hoàng không mở rộng đến tuyên bố rằng các đề xuất bị lên án phản ánh chính xác lời dạy của Jansen (vấn đề về “sự thật”).

Năm 1655, Arnauld đã ban hành một bức thư công khai trong đó ông một lần nữa tuyên bố rằng ông

không thể tìm thấy năm đề xuất bị lên án trong cuốn *Augustinus*. Kết quả là ông bị cấm vào Sorbonne vào tháng 2 năm 1656. Vào ngày 16 tháng 10 năm đó, Đức Giáo hoàng Alexander VII, trong Sắc chỉ *Ad sanctam Petri sedem*, đã khẳng định rằng năm đề xuất thực sự có trong cuốn *Augustinus* và chúng đã bị lên án theo ý của Jansen.

Khi cuộc tranh luận tiếp tục, nhà vua đã can thiệp bằng cách triệu tập một hội đồng giáo sĩ. Có vẻ như những người theo chủ thuyết Jansen không chỉ bị coi là mối đe dọa đối với thẩm quyền của giáo hoàng mà còn đối với cả hoàng gia nữa. Vào ngày 1 tháng 2 năm 1661, hội đồng đã bỏ phiếu nhất trí duy trì các sắc lệnh của giáo hoàng. Quyết định này đã được khoa Sorbonne phê chuẩn vào ngày 2 tháng 5 năm đó. Do đó, mọi giáo sĩ ở Pháp đều phải tuân theo công thức thể hiện học thuyết có trong các sắc lệnh của Đức Innocent X và Đức Alexander VII.

Tình hình đại thể là như vậy khi Gioan La San đến Paris để học thần học vào năm 1670. Tuy nhiên, bất chấp các sắc lệnh của giáo hoàng và hoàng gia, thuyết Jansen và sự phản kháng đối với giáo quyền Rôma vẫn tiếp tục phát triển mạnh mẽ trong giới thần học ngầm.

Trong quá trình nghiên cứu, Huynh Yves Poutet đã phát hiện ra một tài liệu đáng chú ý từ năm 1673, do một người ủng hộ Rôma biên soạn, trong đó liệt kê tất cả các tiến sĩ của Sorbonne với một phán đoán liên quan đến thái độ của họ đối với thuyết Jansen. Trong số các tiến sĩ ở đó từ năm 1670 đến năm 1672, tác giả của tài liệu chỉ ra ba người là những người Jansen đã được xác nhận, chín người có khuynh hướng Jansen,

bốn người là người Jansen vì lý do chính trị và 27 người ủng hộ Rôma. Đến năm sau, 1673, người đó đã phán đoán rằng có sáu người Jansen đã được xác nhận, ba người có khuynh hướng đó, mười người nghiêng về lập trường Rôma và chỉ có một “người Công giáo Rôma trung thành và can đảm” (OL 1, tr. 254).

Bất kể là số liệu thống kê nào, thì các nguồn chứng thực rằng các giám đốc chủng viện tại Saint Sulpice và hai giáo sư tín lý đã dạy Gioan La San tại Sorbonne, Jacques Despériers và Guillaume de Lestocq, nổi tiếng vì phản đối lời kêu gọi của Arnauld và ủng hộ lập trường chính thức của giáo hoàng, triều đình và Sorbonne. Tác động của ảnh hưởng ban đầu này đối với Gioan La San đã được nhìn thấy nhiều năm sau đó khi, vào cuối đời, ngài tuyên bố mình hoàn toàn phản đối chủ thuyết Jansen, vốn đã trở nên khá thời thượng vào thời điểm đó.

Chủ thuyết Pháp giáo (Gallicanism)

Học thuyết này, được thể hiện dưới nhiều hình thức thần học và chính trị khác nhau trong nhiều thế kỷ, tập trung vào bốn ý tưởng cơ bản trong Công giáo Pháp: sự độc lập của vua Pháp khỏi sự kiểm soát của giáo hoàng trong trật tự thế tục; thẩm quyền của nhà vua và giáo sĩ Pháp trong việc hạn chế sự can thiệp của giáo hoàng vào các công việc của giáo hội ở Pháp; sự vượt trội của một công đồng chung so với giáo hoàng; và sự phủ nhận tính bất khả ngộ của giáo hoàng.

Trong thời gian Gioan La San là sinh viên tại Paris, vấn đề Gallican đã được tranh luận sôi nổi tại Sorbonne. Nếu khoa Sorbonne nổi tiếng vì sự phản kháng đối với khuynh hướng Jansen của Tòa án Pháp, thì với tư cách là một cơ quan, khoa này không hề miễn cưỡng chấp nhận các nguyên lý chính của Gallican. Vào ngày 2 tháng 5 năm 1663, khoa thần học đã chấp thuận sáu điều khoản (sau đó giảm xuống còn bốn điều khoản) do Tòa án thông qua, khẳng định “quyền tự do” của Gallican, như họ đã gọi. Hai năm sau, Sorbonne lên án các tác phẩm của Matthew de Moya vì bảo vệ sự bất khả ngộ của giáo hoàng. Sau đó, Đức Giáo hoàng Alexander VII đã chỉ trích khoa Paris; Tòa án cũng chỉ trích giáo hoàng.

Trong số những người bỏ phiếu vào năm 1663 để ủng hộ giáo hoàng phản đối sắc lệnh của Tòa án, có đề cập cụ thể đến De Lestocq, người lập luận rằng sắc lệnh này không hợp lệ về cả nội dung và hình thức. Một ngày nào đó ông sẽ trở thành giáo sư tín lý của Gioan La San. Cũng phản đối, như hồ sơ cho thấy, là “tất cả các nhà thần học của Saint Sulpice và Chardonnet”.

Trong số những người Xuân Bích có Cha Claude de La Barmondière, người cũng được định sẵn sẽ đóng một vai trò quan trọng trong cuộc đời của Gioan La San, đã cáo buộc khoa Sorbonne phạm tội trọng khi bỏ phiếu thông qua sắc lệnh. Vào thời điểm Gioan La San vào Sorbonne, khoa đã khá chia rẽ về vấn đề này, nhưng những ảnh hưởng chính đối với cậu, đặc biệt là tại Saint Sulpice, là chống lại Gallican.

Cuộc xung đột tiếp tục diễn ra qua lại cho đến năm 1681 khi Vua Louis XIV một lần nữa triệu tập một hội

đồng bất thường của các giáo sĩ Pháp để giải quyết vấn đề này. Bossuet, tác giả, nhà hùng biện và giám mục nổi tiếng, được giao nhiệm vụ chuẩn bị một tuyên bố về giáo lý của các quyền tự do của Gallican trong bốn điều khoản. Tất cả các thành viên của giáo sĩ sau đó được yêu cầu ký vào tuyên bố. Theo sắc lệnh hoàng gia ngày 22 tháng 3 năm 1682, “mãi mãi và không thể hủy ngang”, chính thức cấm giảng dạy bất kỳ giáo lý trái ngược nào. Mỗi giáo sư được yêu cầu ký vào sắc lệnh, và chỉ những ứng viên nào đã duy trì học thuyết Gallican như một trong những luận án bắt buộc mới được cấp bằng cử nhân thần học hoặc luật giáo hội.

Lúc đầu, khoa thần học từ chối ký hoặc đăng ký sắc lệnh của hoàng gia nhưng cuối cùng họ bị đe dọa bằng vũ lực buộc phải làm như vậy. Trong số những người phản đối việc chấp nhận sắc lệnh có Jacques Despériers, một giáo sư tín lý khác của Gioan La San. Các nguồn tin cũng lưu ý rằng tại cuộc họp của khoa vào dịp đó, các linh mục của Saint Sulpice đã vắng mặt một cách đáng chú ý. Vào thời điểm đó (năm 1682), Gioan La San đã tránh xa trung tâm tranh cãi thần học tại Paris trong mười năm.

Ngoài khía cạnh học thuyết và thần học, tuyên bố của hoàng gia năm 1682 đã sớm trở thành một vấn đề ngoại giao. Trong lúc thảo luận đang diễn ra căng thẳng, Đức Giáo hoàng Innocent XI mạnh mẽ và thánh thiện đã hủy bỏ các đặc quyền ngoại giao của đại sứ Pháp tại Vatican. Căng thẳng đã giảm bớt phần nào dưới thời Đức Alexander VIII, người lúc đầu có xu hướng có quan điểm khoan dung hơn. Nhưng sau đó, ông nhận ra tầm quan trọng của vấn đề và bắt đầu soạn thảo hiến

chế giáo hoàng *Inter multiplices* vào năm 1690, bác bỏ các công thức của Gallican năm 1682. Người kế nhiệm ông, Đức Innocent XII, đã chính thức công bố hiến chế này vào năm 1691.

Dưới sức ép của các giám mục Pháp, những người phải thể hiện sự ủng hộ đối với giáo hoàng trước khi họ có thể nhận được thư bổ nhiệm từ Rôma, cuối cùng vua Louis XIV đã từ bỏ tuyên bố năm 1682. Vào ngày 14 tháng 9 năm 1693, ông đã viết thư cho Đức Innocent XII: “Tôi đã ban hành các lệnh cần thiết rằng nội dung của sắc lệnh ngày 22 tháng 3 năm 1682 của tôi liên quan đến tuyên bố của giáo sĩ Pháp ... không còn cần phải tuân thủ nữa”. Tuy nhiên, giống như Jansen, chủ thuyết Gallican vẫn tồn tại bất chấp những lời lên án chính thức, chỉ đề xuất hiện trở lại với sức mạnh mới và dưới một hình thức mới vào thế kỷ thứ XIX.

Chủ thuyết Descartes (Cartesianism)

Triết lý này có tên bắt nguồn từ René Descartes (1596-1650), người có câu nói nổi tiếng “Tôi tư duy, vậy tôi tồn tại”, báo hiệu sự khởi đầu của một phong trào thống trị triết học kể từ đó. Đôi khi được mô tả là “trở về với chủ thể”, cách tiếp cận này đã cách mạng hóa tư duy triết học để tránh xa thế giới khách quan của thực tế “ở ngoài kia” và tập trung vào các chức năng và phạm trù của tâm trí con người. Descartes đã xuất bản các tác phẩm nổi tiếng *Discourse on Method* vào năm 1637, *Meditations* vào năm 1641 và *Principles* vào năm 1644.

Một khía cạnh trong phương pháp triết học của Descartes đã gây ra phản ứng mạnh mẽ nhất trong số những nhà tư tưởng theo chủ nghĩa truyền thống là nguyên tắc nghi ngờ phương pháp: không chấp nhận bất cứ điều gì là đúng nếu chúng ta không có ý tưởng rõ ràng. Vào thời điểm đó, điều này được coi là rất mang tính cách mạng. Mặc dù một số nhà triết học bị hấp dẫn bởi khái niệm này và những hàm ý của nó, nhưng các nhà thần học đã phản đối mạnh mẽ. Mặc dù Descartes chưa bao giờ áp dụng nguyên tắc nghi ngờ vào các vấn đề đức tin, thì các nhà thần học vẫn tin rằng điều đó chắc chắn sẽ dẫn đến sự hoài nghi tuyệt đối. Họ cũng lo sợ rằng lý thuyết của Descartes về sự mở rộng của vật chất sẽ trái ngược với học thuyết về Nhập thể và Bí tích Thánh thể.

Không được đón nhận mấy ở Rôma, lý thuyết của Descartes đã bị phản đối không thương tiếc tại Sorbonne. Đại học Paris kiên trì theo đuổi triết học của Aristotle và yêu cầu chính Tòa án lên án triết học mới. Sắc chỉ của tòa án sau đó đã chỉ thị rằng Aristotle sẽ luôn được giảng dạy trong trường đại học và các nhà quản lý phải đảm bảo rằng điều này được thực hiện. Tất cả các hiệu sách và đại lý sách lưu động đều bị cấm bán bất kỳ tạp chí hoặc sách nào có chứa các ý tưởng mới.

Trong số những người ở Sorbonne phản đối mạnh mẽ nhất triết học Descartes, chúng ta lại thấy hai giáo sư tín lý của Gioan La San, Despériers và Lestocq, cả hai đều được nhắc đến tên trong mỗi liên hệ đó trong một lá thư gửi đến Sorbonne ngày 10 tháng 6 năm 1671, được trích dẫn bởi Huynh Yves Poutet (OL 1, tr. 297).

Gioan La San vẫn còn là một sinh viên ở đó vào thời điểm này.

Mặc dù bị chỉ trích rộng rãi khi mới xuất hiện, chủ thuyết Descartes vẫn tiếp tục giành được sự ủng hộ cho đến khi cuối cùng nó thay thế tư tưởng của Aristotle trở thành triết lý thống trị trong các trường đại học Pháp.

Gioan La San đã tham gia cá nhân vào những tranh chấp này như thế nào trong những ngày còn là sinh viên tại Paris vẫn chưa rõ ràng: có lẽ là không. Tất nhiên, cậu đã biết rõ quan điểm của các giáo sư của mình và chắc chắn đã ảnh hưởng đến quan điểm của riêng cậu. Tuy nhiên, vì cậu mới chỉ bắt đầu học thần học nên rất khó có cơ hội tham gia vào các cuộc tranh luận công khai thu hút nhiều giáo sư của mình như vậy.

Xét đến bản chất tạm thời của nền giáo dục thần học sau này, không có gì ngạc nhiên khi ngay cả trong những năm sau đó, Gioan La San vẫn tránh xa các cuộc tranh luận thần học. Vì vậy, cậu đã không tuyên bố công khai về vấn đề thuyết Jansen cho đến khi gần cuối đời, thực tế buộc ngài phải làm như vậy vào năm 1714. Ngay cả khi đó, ngài cũng không đi sâu vào bản chất của cuộc tranh luận thần học.

Nếu điều này đúng với bản thân Gioan La San, thì lời khuyên mà ngài dành cho các Sư huynh của mình còn đúng hơn nữa. Ngài đã viết như vậy trong bài suy gẫm của mình cho Chúa Nhật trong tuần bát nhật Giáng sinh: “Chúng ta hãy để cho những người có học thức giải quyết tất cả những tranh luận có học thức này; ... Chúng ta chỉ giảng dạy giáo lý chung của Chúa Giêsu Kitô, và thực hành tuân theo trong mọi điều mà Giáo

hội dạy cho các tín hữu trong các giáo lý được Giáo hội chấp thuận ...” (CL 12, tr. 20).

Ngài thậm chí còn nói rõ hơn trong *Recueil*, một “tuyển tập” những suy tư ngắn gọn về đời tu của các Sư huynh: “Hãy giữ vững đức tin trong mọi sự. Tránh xa những điều mới lạ; tuân theo truyền thống của Giáo hội; chỉ chấp nhận những gì Giáo hội chấp nhận; lên án những gì Giáo hội lên án; chấp thuận những gì Giáo hội chấp thuận thông qua các hội đồng của mình hoặc các giáo hoàng có chủ quyền của mình. Hãy vâng phục Giáo hội một cách nhanh chóng và hoàn hảo trong mọi việc” (CL 15, tr. 80).

Những cách diễn đạt này và những cách diễn đạt tương tự trong các tác phẩm của ngài cho thấy rằng Gioan La San đã học rất tốt các bài học được dạy trong các khóa học thần học của mình. Chúng cũng có thể chỉ ra rằng vì lý do tính khí, sở thích cá nhân hoặc niềm tin, hoặc thậm chí là thiếu cơ hội, thì Gioan La San chưa bao giờ thực sự trở thành một nhà tư tưởng thần học độc lập theo đúng nghĩa của mình.

Các khóa học tại Sorbonne

Trái ngược với thông tin phong phú thường có về tình hình chính trị, học thuật và thần học tại Đại học Paris khi Gioan La San còn là sinh viên ở đó, thì thông tin chính xác về các khóa học mà cậu đã theo học tương đối ít. Tuy nhiên, một số tài liệu vẫn còn tồn tại và đáng để xem xét.

Sau khi lựa chọn các môn tín lý trong chương trình thần học tại Sorbonne, Gioan La San đã theo các khóa học của Jacques Despériers về mầu nhiệm Nhập thể (*De Incarnationis mysterio*) và của Guillaume de Lestocq về mầu nhiệm Chúa Ba Ngôi (*De Sanctissimae Trinitatis mysterio*) trong năm học 1670-1671. Trong năm tiếp theo, năm thứ hai tại Paris và là năm thứ ba học thần học, ngài đã học khóa của Despériers về các Bí tích nói chung và về Bí tích Rửa tội (*De sacramentis in genere; De baptismo*) và khóa của De Lestocq về Ân sủng (*De gratia*).

Theo thông lệ, vào cuối khóa học, mỗi sinh viên sẽ chuẩn bị một chứng chỉ để giáo sư ký nhận và được một số bạn học làm chứng. Người đó sẽ giữ chứng chỉ này như là hồ sơ duy nhất chứng minh rằng mình đã hoàn thành khóa học một cách thành công. Bản gốc của các chứng chỉ do Gioan La San chuẩn bị trong năm đầu tiên của cậu tại Sorbonne được lưu giữ trong văn khố của Nhà Mẹ Dòng ở Rôma (CL 41.2, tr. 242tt.).

Bản dịch đầu tiên như sau:

Tôi, người ký tên dưới đây, là một tiến sĩ và là thành viên của Hội Sorbonne, cũng là Giáo sư Thần học Hoàng gia, làm chứng với tất cả những ai đang hoặc sẽ quan tâm đến vấn đề này rằng Học viên Jean-Baptiste de La Salle, người giúp lễ và là kinh sĩ của Reims, đã chăm chỉ theo dõi các bài giảng của tôi về mầu nhiệm Nhập thể từ lễ Thánh Luca của năm trước cho đến tận ngày hôm nay. Trong lời chứng thực, tôi đã ký theo thông lệ trước sự chứng kiến của bốn nhân chứng. Được làm tại Paris vào năm Chúa chúng ta 1671 vào ngày 27 tháng 7.

[Ký tên] B. Maguelonne, F. Menc, Azécat, Clément, Despériers

Một chứng chỉ gần như giống hệt chứng thực rằng Gioan La San đã theo đuổi khóa học về Chúa Ba Ngôi. Chữ ký của G. De Lestocq thay thế chữ ký của Despériers; Maguelonne và Mencare một lần nữa là những nhân chứng; Azécat và Clément được thay thế bởi D. Demachy và L. Hg. Duhamel. Cả hai chứng chỉ này, tất nhiên là ngoại trừ chữ ký, đều được viết bằng chính tay của Gioan La San.

Các chứng chỉ cũng còn tồn tại để chứng thực cho các khóa học được theo học tại Sorbonne trong năm thứ hai của Gioan La San, năm học bị gián đoạn do cha cậu qua đời vào tháng 4 năm 1672 (CL 41.2, tr. 307tt.). Bản dịch đầu tiên trong số này như sau:

Tôi, người ký tên dưới đây, là thành viên của Hội Sorbonne và Giáo sư Thần học Hoàng gia tại Sorbonne, làm chứng với tất cả những người liên quan rằng Học viên Jean-Baptiste de La Salle, một kinh sĩ của Reims, đã siêng năng theo dõi khóa học của tôi về các bí tích nói chung và về phép rửa tội từ lễ thánh Luca vào năm 1671 cho đến ngày mười hai tháng 4 năm 1672. Để làm chứng cho điều đó, tôi đã ký vào bản văn này. Được làm tại Paris tại Trường Sorbonne vào ngày 6 tháng 12 năm 1672. [Ký tên] Du Chailloux, Brenier, Nouy, Menc, Despériers

Ego infra scriptus doctor et socius Sorbonicus, nec non sacrae Theologiae professor in scholis Sorbonicis, testor omnibus quod in intertesti aut interteste poterit M. Joannem Bapt. Delasalle Regularem Remensem et Canonicum meas lectiones de sanctissimo Trinitatis mysterio avidius excepisse a localibus anni praecedentis ad hanc usque diem in cuius rei fidem adhibitis pro more quatuor testibus praesentibus subscripsi. Datum Parisiis anno dñi Millesimo sexcentesimo septuagesimo primo, mensis Julii die vigesima septima.

B. Mauguellonne F. Merc
 D. Demachy. *[Signature]* D. Hy. Delmas et.

Ego infra scriptus doctor et socius Sorbonicus, nec non sacrae Theologiae in scholis Sorbonicis professor Regius, testor omnibus quod in intertesti aut interteste poterit M. Joannem Bapt. Delasalle Regularem Remensem et Canonicum meas lectiones de Incarnationis mysterio avidius excepisse a localibus anni praecedentis ad hanc usque diem, in cuius fidem adhibitis pro more quatuor testibus praesentibus subscripsi. Datum Parisiis anno dñi Millesimo sexcentesimo septuagesimo primo mensis Julii die vigesima septima.

B. Mauguellonne F. Merc Azegat
 Clement *[Signature]*

Two certificates, signed by his professors and witnessed by his classmates, attesting to the fact that John Baptist had completed two courses in theology. The text of both is in his own handwriting.

Hai chứng chỉ, do các giáo sư của cậu ký và được các bạn cùng lớp làm chứng, chứng thực rằng Gioan La San

đã hoàn thành hai khóa học thần học. Văn bản của cả hai khóa học đều do chính cậu viết tay

Có một chứng chỉ thứ hai liên quan đến khóa học về ân sủng, giống hệt từng chữ một ngoại trừ nội dung khóa học và chữ ký của G. de Lestocq, thay thế chữ ký của Despériers. Các sinh viên nhận chứng đều giống như chứng chỉ kia.

Những chứng chỉ từ năm 1672 này khác với những chứng chỉ của năm trước ở một số chi tiết. Chúng không được viết bằng tay của Gioan La San mà là do bạn cùng lớp của cậu, Etienne Du Chailloux, người đã chuẩn bị chúng để giáo sư ký. Ngày cuối cùng là vào tháng 4 và phản ánh thực tế là Gioan La San phải rời Paris vĩnh viễn khi cậu biết rằng cha mình đã qua đời vào ngày 9 tháng 4. Bản thân những chứng chỉ này được ghi ngày muộn hơn nhiều, vào tháng 12, rất lâu sau khi Gioan La San rời Paris. Không nghi ngờ gì nữa, cậu đã yêu cầu những tài liệu này với hy vọng rằng một ngày nào đó cậu có thể tiếp tục việc học thần học của mình ở nơi cậu đã dừng lại.

Một ý tưởng về nội dung của hai trong bốn khóa học được đề cập trong các tài liệu này có thể được thu thập từ hai bản thảo mới được phát hiện gần đây. Chúng ở dạng sổ tay mà hai người bạn học của Gioan La San đã chép lại các bài giảng theo lời của các giáo sư. Bản thân Gioan La San cũng đã giữ những cuốn sổ tay như vậy nhưng thật không may, chúng đã không còn tồn tại.

Sổ tay của François-Philippe Lalouette, được lưu giữ trong thư viện của Sorbonne, có chứa một phác thảo chi tiết về khóa học do Jacques Despériers đưa ra về Sự

nhập thể (CL 41.2, tr. 547). Phác thảo này tuân theo chính xác chủ đề của bảy câu hỏi đầu tiên trong Phần III của *Summa theologiae* của Thánh Thomas. Trong những câu hỏi này, vị “tiên sĩ thiên thần” giải quyết sự phù hợp của Sự nhập thể và cách thức hợp nhất của hai bản tính trong Đức Kitô. Câu hỏi cuối cùng được đề cập trong khóa học, ít nhất là theo bản thảo, là về hoạt động của ân sủng trong Đức Kitô, một vấn đề nhạy cảm dưới góc nhìn của những tranh cãi của thuyết Jansen.

Về cơ bản, dàn ý khóa học này không khác gì các khóa học về Sự Nhập thể đã được giảng dạy trong nhiều thế kỷ tại các chủng viện Công giáo Rôma trên khắp thế giới, ít nhất là cho đến gần đây. Phương pháp luận, theo “phương pháp luận án”, là phương pháp suy diễn. Các nguyên tắc được rút ra từ “nguồn mạch khai”: Kinh thánh, thường có cách đọc theo chủ nghĩa cơ bản của các bản văn riêng lẻ và Thánh truyền được thể hiện bằng các trích dẫn từ các công đồng, giáo hoàng và các Giáo phụ. Sau đó, luận án sẽ được chứng minh là phù hợp với lý luận thần học vững chắc. Cuối cùng, các lỗi đối lập sẽ bị bác bỏ. Trong trường hợp của Despériers, với danh tiếng là người bảo vệ kiên định của giáo hoàng và thần học Rôma, điều này sẽ bao gồm các lập luận chống lại các học thuyết của Luther, Calvin và Jansen.

Một bản tóm tắt chi tiết về khóa học do De Lestocq đưa ra về học thuyết ân sủng cũng đã được đưa ra ánh sáng khi phát hiện ra sổ tay của François Menc, một bạn sinh viên khác của Gioan La San và là một trong những nhân chứng đã ký vào giấy chứng nhận của cậu.

Bản thảo được lưu giữ tại thư viện thành phố Marseilles (OL 1, tr. 300tt.).

Trong khóa học này, các câu hỏi kinh điển cũng được xem xét: ý tưởng về ân sủng và các bộ phận của nó; các trạng thái của bản chất là tinh khiết, sa ngã và được cứu chuộc; sự cần thiết và hiệu quả của ân sủng; câu hỏi về sự kiên trì cuối cùng. Phần đầu tiên của khóa học kết thúc bằng một cuộc thảo luận về cách hòa giải ân sủng và ý chí tự do; phần thứ hai kết thúc bằng khái niệm về công đức. Thánh Augustinô thường được trích dẫn để chống lại Baius, Jansen, Luther và Calvin, tất cả những người đều tuyên bố Augustinô là người bảo trợ của họ. Cajetan và Bellarmine liên kết với các Giáo phụ để chứng minh sự thật trong các bản án của công đồng và giáo hoàng về các tà thuyết cổ đại và đương đại.

Điều này phù hợp với những gì được biết về sự phản đối nhiệt thành của De Lestocq đối với những người theo chủ thuyết Jansen. Nó có ảnh hưởng mạnh mẽ và lâu dài đến Gioan La San, như có thể thấy từ lập trường của ngài chống lại chủ thuyết Jansen nhiều năm sau khi ngài không còn tiếp xúc với bất kỳ nghiên cứu thần học chính thức nào nữa.

Việc tập trung độc quyền vào lĩnh vực tín lý như một cơ sở đầy đủ cho một nền giáo dục thần học toàn diện có thể khiến bất kỳ nhà thần học đương đại nào cũng cảm thấy khá kỳ lạ. Ví dụ, người ta có thể hỏi, cách xử lý có hệ thống đối với thần học đạo đức ở đâu? (Thần học đạo đức mới bắt đầu nổi lên như một nhánh riêng biệt của thần học vào thế kỷ thứ XVII). Hoặc đâu là các khóa học chuyên biệt về Cựu Ước và Tân Ước?

Đúng là những điều này giống như đã được xử lý theo cách tóm tắt trong các khóa học nhập môn trong năm đầu tiên của thần học. Chúng cũng sẽ phải được nắm vững thông qua việc học tập riêng để chuẩn bị cho các kỳ thi toàn diện bắt buộc đối với các bằng cấp thần học. Tuy nhiên, hệ thống giới hạn các khóa học chính thức chỉ trong một nhánh thần học này cho thấy có một số thiếu sót nhất định trong toàn bộ nền giáo dục thần học.

Các giáo sư

Khi ước tính những ảnh hưởng đối với Gioan La San trong những ngày còn là sinh viên tại Sorbonne, có lẽ điều quan trọng hơn là tập trung vào lý lịch và tính cách của hai giáo sư thần học của cậu thay vì nội dung các khóa học của họ. Vì các tài liệu của thời kỳ đó và các tác phẩm sử học có nguồn gốc từ đó thường đề cập đến cả De Lestocq và Despériers, nên có thể có được một số ý tưởng về danh tiếng và tính cách của từng người trong số những người này.

Guillaume de Lestocq sinh ra tại Amiens vào ngày 26 tháng 1 năm 1627, cùng năm với người đồng hương nổi tiếng Bossuet của ông. Thân phụ của De Lestocq là một điền chủ ở nông thôn, một thương gia buôn muối và đủ giàu có để có danh hiệu Cố vấn cho Nhà vua. Sau khi người cha qua đời, khi Guillaume mới mười tuổi, người mẹ đã gửi đứa trẻ đến học viện Dòng Tên ở Amiens, nơi mà sau này ông đã lấy được bằng tốt

nghiệp MA. Từ đó, ông đến Paris. Năm 1652, ở tuổi 25, ông đã nhận bằng tiến sĩ thần học tại Sorbonne.

Đây là thời kỳ mà cuộc tranh cãi về thuyết Jansen bắt đầu nổi lên như một vấn đề thần học và chính trị lớn. Sắc chỉ *Cum occasione* của Đức Innocent X lên án năm mệnh đề trong sách của Jansen đã được ban hành vào năm 1653. Trong số các nhà thần học Sorbonne bảo vệ sắc chỉ giáo hoàng trước sự phản đối của những người phái Jansen, thì cái tên De Lestocq thường xuyên xuất hiện trong các tài liệu của thời kỳ đó.

Khi Jacques de Sainte Beuve bày tỏ sự đồng cảm của mình với Arnauld và những người phái Jansen vào tháng 1 năm 1656, thì ông đã bị tước bỏ chức vụ Giáo sư Thần học Hoàng gia tại Sorbonne theo sắc lệnh hoàng gia. Vào tháng 3 cùng năm, trong một cuộc triệu tập long trọng do khoa trưởng triệu tập, Guillaume de Lestocq được bổ nhiệm kế nhiệm Sainte Beuve bằng một cuộc bỏ phiếu nhất trí của khoa Sorbonne.

Từ đó, danh tiếng của De Lestocq đã được đảm bảo; trong quá trình đó, ông đã xoay sở để có được một số chức vụ béo bở. Ông là bề trên danh dự của một trong những đan viện Benedictine ở Giáo phận Mons, và ông giữ một chức vụ tương tự gắn liền với đan viện Augustinô ở Amiens. Đồng thời, ông là kinh sĩ của nhà thờ chính tòa Amiens và là tuyên úy danh dự của Nhà nguyện Saint Michel tại Vance ở Giáo phận Tours.

Việc nắm giữ cùng lúc nhiều chức vụ như vậy, hoàn toàn trái ngược với giáo luật thời bấy giờ, cũng trái ngược với tinh thần Phúc âm mà quy chế của trường đại học yêu cầu các giáo sư phải truyền đạt cho sinh viên của mình. Tuy nhiên, sự giàu có đáng kể của ông

không ảnh hưởng đến nhiệm vụ của De Lestocq với tư cách là một thầy giáo hoặc hiệu quả của ông trong lớp học. Chỉ riêng sự hiện diện về mặt thể chất của ông, cao lớn và vạm vỡ, chắc chắn đã tác động đến các sinh viên.

Nếu De Lestocq nổi tiếng là một người phản đối chủ thuyết Jansen, thì ông lại có phần kém quyết liệt hơn trong việc bảo vệ quyền uy của Giáo hoàng khi đối mặt với các lý thuyết của chủ thuyết Gallican. Như một tác giả từng nhận định, nếu suy nghĩ khác đi thì chẳng khác nào “làm suy yếu quyền uy của nhà vua, các quyền lợi của hoàng gia, và sự tự do của Giáo hội tại Pháp”. Nhìn chung, ban giảng huấn của Sorbonne dường như có thiên hướng ủng hộ các quan điểm của chủ thuyết Gallican. Về phương diện này, họ tạo nên một sự tương phản rõ rệt với ban giảng huấn tại Chung viện Saint Sulpice, những người vốn đều là những người kiên định bảo vệ quyền uy và tính bất khả ngộ của Giáo hoàng.

Nhà sử học Gérin, trong tác phẩm tường thuật về các cuộc tranh luận liên quan đến chủ thuyết Gallican được xuất bản năm 1870, đã trích dẫn một bức thư do một trong những nhân viên của thủ tướng Colbert gửi cho ông này; bức thư báo cáo về những diễn biến trong các cuộc thảo luận của ban giảng huấn Sorbonne vào năm 1663 (CL 41.2, tr. 66). Vấn đề trọng tâm được đặt ra là liệu Sorbonne có nên công bố sắc lệnh của tòa án nhằm phản đối sự lên án của Giáo hoàng đối với các điều khoản Gallican hay không. Những nhận định của người này về De Lestocq quả thực rất thú vị:

Giáo sư Lestocq, một con người có tư duy tinh tế, vô cùng khéo léo và linh hoạt, luôn cẩn trọng để giữ thái độ dễ chịu và hòa nhã trong giao tiếp. Ông được đào tạo bài bản về văn học; ông thích được người đời đánh giá cao và luôn khao khát sự chú ý; thậm chí ông còn có xu hướng muốn lấn lướt và chi phối người khác. Ông là một người vận động rất tích cực và sẵn lòng đi lại thăm viếng khắp nơi để đảm bảo sự thành công cho các dự án của mình. Ông có khiếu kinh doanh tốt và nói tiếng Latinh rất trôi chảy. Ông là một nhà quản lý khá giỏi và rất phù hợp để đảm nhiệm chức vụ khoa trưởng của khoa.

Ông đã tuyên bố mình đứng về phía chống lại những người theo chủ thuyết Jansen, mặc dù chính những người này lại muốn tin rằng ông không hoàn toàn chân thành trong tuyên bố đó. ... Tuy nhiên, tận sâu trong thâm tâm, ông không thực sự tin tưởng cũng như không quá gắn bó với các quan điểm của Rôma. Ông đã giải thích điều này rất rõ ràng với tôi, mặc dù ông cũng nói rằng mình vẫn muốn duy trì một mối quan hệ tốt đẹp với Rôma.

Nếu chẳng may xảy ra một cuộc đối đầu giữa Rôma và những người theo chủ thuyết Jansen, và nếu việc định hướng các biện pháp cần thực hiện được giao phó cho ông, thì ông chính là người thích hợp nhất để lãnh đạo ban giảng huấn, bởi lẽ ông nắm rất rõ tình hình thực tế đang diễn ra. Ông có khả năng diễn đạt lưu loát và hiểu rõ cách thức để giải quyết công việc một cách hiệu quả.

Dù sự đánh giá này có chứa đựng bao nhiêu phần sự thật đi nữa, thì các bằng chứng lịch sử vẫn cho thấy De Lestocq chưa từng chút nào do dự trong việc phản đối

chủ thuyết Jansen ở mọi giai đoạn của cuộc tranh luận, dù là trên cương vị khoa trưởng của khoa tại Sorbonne, trong các bài giảng thần học của ông, hay qua những tiếp xúc thường xuyên với cả dòng Tên lẫn hội Xuân Bích, những dòng tu vốn đều là những người kiên quyết chống lại chủ thuyết Jansen và dành cho ông sự kính trọng sâu sắc.

Về những khuynh hướng Gallican của ông, các ghi chép lại không thực sự rõ ràng. Tên ông không xuất hiện trong danh sách những người phản đối tuyên ngôn Gallican năm 1682. Tuy nhiên, ông lại được liệt vào hàng ngũ những người đã đệ đơn lên nhà vua vào năm đó, thỉnh cầu cho phép ban giảng huấn của Sorbonne được tiếp tục tổ chức các cuộc họp định kỳ hằng tháng và được đưa ra các tuyên bố về những vấn đề giáo lý. Trong sự việc này, cũng như trong những cuộc phản kháng tương tự gửi tới các cấp chính quyền giáo phận, ông đã trở thành một người bênh vực đầy nhiệt huyết cho các đặc quyền, cũng như điều mà ngày nay chúng ta gọi là quyền tự do học thuật của các giáo sư tại Sorbonne.

Vào giai đoạn cuối đời, De Lestocq dường như đã chuyển sang sống một lối sống mang đậm tính Phúc âm hơn. Vào ngày 14 tháng 7 năm 1704, ông đã chỉ thị cho luật sư của mình chuyển giao cho Đức Giáo hoàng quyền quản lý hai tu viện, những nơi mà trước đó ông vẫn được hưởng nguồn thu nhập từ đó. Cùng lúc đó, ông cũng từ nhiệm chức kinh sĩ tại Nhà thờ chính tòa Amiens và tại nhà nguyện Saint Michel ở Vance.

Vào ngày hôm sau, 15 tháng 7 năm 1704, từ trên giường bệnh, ông đã đọc cho người khác chép lại bản

di chúc của mình ngay tại “căn hộ riêng trong ký túc xá Sorbonne ... với tầm nhìn hướng ra khoảng sân nội bộ của tòa nhà nằm trên đường de Sorbonne”. Từ bỏ mọi sự phô trương hào nhoáng, ông bày tỏ nguyện vọng rằng “đám rước tang lễ, nghi thức an táng và việc chôn cất của ông phải được thực hiện với tất cả sự giản dị có thể, và tuyệt đối không được phô bày bất kỳ dấu vết nào của thói phù phiếm trần thế”. Ngày mất chính xác của ông hiện vẫn còn là một vấn đề gây tranh cãi: một chi tiết được nhắc đến trong bức thư của Cha Louis Tronson, cựu Bề trên Tổng quyền của hội Xuân Bích, cho thấy De Lestocq có lẽ đã qua đời vào năm 1704, chỉ vài tuần sau khi ông hoàn tất bản di chúc. Tuy nhiên, một số người khác lại cho rằng có bằng chứng chứng minh ông vẫn còn sống cho đến tận năm 1711 (CL 41.2, tr. 67).

Trong bản di chúc của mình, De Lestocq đã dành những khoản chu cấp hậu hĩnh cho các đồng nghiệp thần học gia tại Sorbonne, cho những người thân còn sống, cho những người nghèo tại các giáo xứ nơi ông từng nắm giữ các bổng lộc, và cuối cùng là cho người quản gia của ông. Ông đã để lại thư viện đồ sộ và quý giá của mình cho người cháu trai, Nicolas de Lestocq, “một linh mục, cử nhân thần học, và là thành viên của Hội Sorbonne”.

Phần lớn số sách trong bộ sưu tập quý giá này đã bị thất lạc hoặc bị phá hủy trong cuộc Cách mạng Pháp. Tuy nhiên, vẫn còn khoảng một phần ba số sách đã may mắn được bảo tồn nguyên vẹn. Huynh Yves Poutet đã phân tích bản kiểm kê tài sản một cách khá chi tiết nhằm làm nổi bật tầm mức uyên bác và sự kỹ

lượng mà De Lestocq đã vận dụng vào công tác giảng dạy và viết lách về thần học của mình (OL 1, tr. 309tt.).

Jacques Despériers vốn xuất thân từ vùng Normandie và, cũng giống như De Lestocq, ông là một người vô cùng giàu có. Năm sinh của ông hiện vẫn chưa được xác định rõ. Những tư liệu ghi chép sớm nhất cho thấy ông từng thụ hưởng một bổng lộc gắn liền với nhà thờ chính tòa Lisieux, và trong suốt nhiều năm, ông đã đảm nhiệm vai trò hiệu trưởng kiêm giáo sư triết học tại ngôi trường cao đẳng tọa lạc ở đó. Trên thực tế, hiện vẫn còn lưu giữ được những ghi chép từ các khóa triết học do ông giảng dạy tại Lisieux, có niên đại từ năm 1648 đến năm 1651, chính là năm sinh của Gioan La San.

Despériers vốn nổi tiếng là một giảng viên triết học xuất sắc; do đó, không có gì đáng ngạc nhiên khi sau này ông đã chuyển đến làm việc tại Sorbonne, nơi ông lần lượt đạt được học vị cử nhân thần học vào năm 1659 và học vị tiến sĩ vào năm 1662. Sau một thời gian, ông được bổ nhiệm làm Giáo sư Thần học Hoàng gia, một tước hiệu mà ông vẫn tiếp tục nắm giữ trong suốt khoảng thời gian Gioan La San theo học dưới sự chỉ dẫn của ông.

Giống như De Lestocq, Despériers đã bị cuốn vào giữa những tranh cãi về giáo lý tại Đại học Paris. Ông rất coi trọng các tu sĩ Dòng Tên và ban giảng huấn tại Saint Sulpice, một cách khác để nói rằng ông phản đối mạnh mẽ chủ thuyết Jansen. Ông cũng được biết đến là người thù địch với chủ thuyết Descartes và là người kiên quyết ủng hộ sự bất khả ngộ của cá nhân giáo hoàng. Khi ban giảng huấn của Sorbonne bị gây sức ép

phải chấp nhận và công bố sắc lệnh của hoàng gia về các quyền tự do của phái Gallican vào năm 1682, Despériers là một trong những người phản đối tuyên bố này và lập luận rằng, mặc dù không thành công, rằng nó cần được sửa đổi.

Người ta đã đề cập đến nội dung truyền thống mạnh mẽ trong khóa học của ông về Sự nhập thể. Ngoài điều đó và sự xuất hiện của tên ông trong số những người phản đối các “điều mới lạ” thần học hiện tại như chúng được gọi, thì không có nhiều thông tin khác được biết đến. Tuy nhiên, điều đó đủ để chúng ta thấy cách ông và De Lestocq hình thành nên mô hình quan điểm thần học của Gioan La San, mãi mãi về sau sẽ là Ba Ngôi, Kitô học và cam kết mạnh mẽ bảo vệ lập trường của Rôma chống lại sự suy đoán thần học thịnh hành và hợp thời hơn của thời kỳ đó.

Các Bạn cùng lớp

Như chúng ta đã thấy, các chứng chỉ chứng thực sự kiện Gioan La San đã trung thành tham dự bốn khóa học thần học trong hai năm học tại Sorbonne đều có chữ ký của các bạn học của ngài: Maguelonne, Azégat, Clément, Menc, Demachy, Duhamel, Brenier, Du Chailloux và Nouy. Để hiểu bối cảnh trải nghiệm của Gioan La San tại Paris, có thể hữu ích khi tóm tắt những gì được biết về phẩm chất của những chàng thanh niên này và lịch sử sau đó của họ.

Barthélemy Maguelonne gia nhập Hội Xuân Bích vào năm 1676. Sau khi lấy bằng tiến sĩ thần học từ

Sorbonne, ông được giao nhiệm vụ giảng dạy thần học luân lý tại các chủng viện Xuân Bích và cuối cùng trở thành giám đốc chủng viện. Là một linh mục sùng đạo nhưng hơi nhút nhát với xu hướng cầu toàn, ông được coi là một thầy giáo giỏi và là người hướng dẫn hiểu biết trong tòa giải tội. Ông qua đời vào năm 1706.

Honoré Azégar cũng gia nhập Hội Xuân Bích nhưng ông không lấy bằng tiến sĩ thần học cho đến năm 1680. Sau một vài năm làm linh mục giáo xứ, ông cũng chuyển sang nghề giảng dạy. Ông không bao giờ có sức khỏe tốt nhưng vẫn đắm mình vào việc chuẩn bị các lớp học của mình. Thư từ trao đổi với các bề trên Xuân Bích của ông cho thấy rằng ông nhận ra rằng đời sống cộng đoàn thật khó khăn. Quả vậy, ông đã phải bị khiển trách nhiều lần vì sử dụng quá mức cả phê, thuốc lá và rượu. Cuối cùng, ông đã bị thuyết phục từ chức khỏi Hội Xuân Bích. Ông được cấp lương hưu để sống những năm cuối đời với gia đình và qua đời tại nhà riêng vào năm 1722.

Pierre Clément đã là chủng sinh được bốn năm khi Gioan La San đến Paris vào năm 1670. Sau một sự nghiệp rục rờ với tư cách là sinh viên tại Sorbonne, ông được thụ phong linh mục vào năm 1678. Ông đã dành phần lớn cuộc đời mình để cố gắng tránh các danh hiệu tôn giáo và các chức sắc đi kèm nhưng không thành công. Khi Đức Giám mục Besançon cố gắng bổ nhiệm ông làm giám đốc chủng viện, ông chuyển đến Rouen. Sau một vài năm làm việc tại văn phòng tòa giám mục ở đó, ông được bổ nhiệm làm cha chính xứ và sau đó là tổng đại diện. Bất chấp sự phản đối của mình, ông đã được bổ nhiệm làm Giám mục Périgueux vào năm

1703, một chức vụ mà ông giữ cho đến khi qua đời vào năm 1719.

François Menc xứng đáng được nhắc đến ở hai điểm: chữ ký của ông là chữ ký duy nhất xuất hiện trong các văn bản xác nhận của cả hai năm mà Gioan La San theo học tại Sorbonne, và chính bộ ghi chép của ông về khóa học của De Lestocq về giáo lý ân sủng là tài liệu duy nhất còn lưu giữ đến ngày nay. Menc vốn xuất thân từ vùng Champagne, giống như Gioan La San; thực tế này có thể giải thích lý do tại sao Gioan La San lại nhờ ông ký tên trong suốt hai năm liên tiếp.

Người ta biết rất ít về Menc. Các hồ sơ trong văn khố của Hội Xuân Bích cho thấy rằng có sự miễn cưỡng khi chấp nhận ông vào Hội hoặc thậm chí để ông giảng dạy trong các chủng viện của họ. Họ cảm thấy rằng ông quá nhiệt thành, nghiêm khắc với bản thân và thậm chí nghiêm khắc hơn với người khác, và có khả năng là một thể lực gây rối trong cộng đoàn. Cuối cùng, ông trở thành giáo sư tại chủng viện giáo phận Aix-en-Provence, nơi ông qua đời.

Cả bốn nhân chứng ký nhận về khóa học của Despériers đều là những chủng sinh đồng môn của Gioan La San tại Saint Sulpice, ngoài ra còn là bạn cùng lớp tại Sorbonne. Trong chúng chỉ do De Lestocq ký, chữ ký của Azégat và Clément được thay thế bằng chữ ký của Demachy và Duhamel. Không có thông tin gì thêm về hai người cuối cùng này, vì không có hồ sơ nào về họ trong văn khố của Hội Xuân Bích.

Như đã lưu ý, các chứng chỉ chứng thực các khóa học mà Gioan La San theo học trong năm thứ hai của ngài đã được chuẩn bị và ký sau khi ngài rời Paris. Ngoài

trừ François Menc, các tên này khác với tên của năm trước.

Trong ba cái tên mới, Brenier, Du Chailloux và Nouy, thì Antoine Brenier là cái tên được biết đến nhiều nhất. Ông sinh ra trong một gia đình giàu có và dường như là một đứa trẻ thần đồng, hoàn thành bằng thạc sĩ ở tuổi 14 và học luật ở tuổi 17. Sau đó, ông quyết định gia nhập hàng giáo sĩ, đến chủng viện Saint Sulpice vào năm 1669 và ba năm sau đó gia nhập Hội Xuân Bích. Sự khiêm nhường và vâng lời là đặc điểm của ông ngay từ đầu. Sự khiêm nhường của ông thể hiện rõ qua chữ ký của ông trên giấy chứng nhận của Gioan La San, nơi Brenier tự gọi mình là “giáo sĩ không xứng đáng”. Điều đó thậm chí còn rõ ràng hơn trong sự miễn cưỡng của ông khi gia nhập hàng linh mục, điều mà ông đã trì hoãn cho đến khi cuối cùng được các bề trên của mình ra lệnh vào năm 1684 để chấp nhận thụ phong.

Brenier phục vụ tại Hội Xuân Bích với tư cách là giám đốc của tiểu chủng viện, cố vấn cho Bề trên Tổng quyền và là Giám tỉnh các cơ sở của Hội Xuân Bích ở miền nam nước Pháp. Ông đã viết nhiều về các chủ đề sùng đạo và khổ hạnh và nổi tiếng là một vị linh hướng sâu sắc. Các nghiên cứu so sánh cho thấy một số chủ đề chung trong các tác phẩm của ông và các tác phẩm sau này của Gioan La San, mặc dù ngược lại, Đấng Lập Dòng đã điều chỉnh học thuyết khổ hạnh của mình đáng kể để phù hợp với nhu cầu của công tác tông đồ giảng dạy. Brenier qua đời năm 1714.

Etienne du Chailloux, sau khi hoàn thành chương trình học tiến sĩ tại Paris, đã trở thành cha chính xứ của

giáo xứ Saint Philibert ở Dijon, nơi ông phục vụ trong nửa thế kỷ. Ông vẫn thường xuyên liên lạc với Hội Xuân Bích tại Paris và chào đón họ tại Dijon bất cứ khi nào có dịp. Điều này tỏ ra hữu ích khi chính ông bị chỉ trích vì đã bảo vệ một trong những nữ giáo dân của mình, người bị buộc tội theo chủ nghĩa Tĩnh lặng (Quietism). Bà ấy đã bị vạch trần là kẻ lừa đảo, và những lời buộc tội đã được chuyển sang chống lại Du Chailloux. Chính ảnh hưởng của Hội Xuân Bích và các giáo sĩ nổi tiếng khác trong số các cựu học sinh Xuân Bích đã giúp ông được trắng án. Ông qua đời tại Dijon năm 1728 ở tuổi 81, được nhiều người yêu mến và kính trọng.

Thực tế là không có thông tin gì về Pierre Nouy. Sau ba năm ở Saint Sulpice từ năm 1670 đến năm 1673, ông trở về quê hương Nîmes, nơi ông trở thành cha chính xứ của một giáo xứ. Không có thông tin gì thêm về ông, ngoại trừ một lá thư ông viết cho Hội Xuân Bích năm 1698 nói rằng ông bị bệnh và yêu cầu Hội tìm người kế nhiệm, một yêu cầu mà họ không thể đáp ứng.

Mối liên hệ tại Sorbonne

Bản thân việc theo học tại Sorbonne đã thiết lập phạm vi ảnh hưởng cho Gioan La San mở rộng đến những giáo sĩ có địa vị cao đã từng học trước ngài tại học viện danh giá đó, cũng như những người sẽ đến sau. Trong các đoạn tiếp theo, chúng tôi sẽ đề cập đến một số vị giám mục đã học tại Sorbonne trước, trong hoặc sau

thời gian Gioan La San học ở đó, và những người sẽ đóng vai trò quan trọng trong cuộc sống sau này của Đấng Lập Dòng hoặc trong sự phát triển của Dòng.

Một trong những vị tiến sĩ như vậy của Sorbonne từ năm 1640 là Charles de Bourlon, Giám mục Soissons, người đã trao các chức thánh nhỏ cho Gioan La San vào năm 1668. Một người khác là Charles-Maurice Le Tellier, với tư cách là Tổng Giám mục Reims, đã phong chức linh mục cho Gioan La San vào năm 1678 và Gioan La San đã phải giao dịch với người này trong quá trình thành lập cộng đoàn các Sư huynh. Le Tellier lấy bằng tiến sĩ Sorbonne năm 1666. François de Harlay de Champvallon và Louis-Antoine de Noailles, lần lượt là Hồng y Tổng Giám mục Paris trong những năm khó khăn khi Dòng các Sư huynh đang đấu tranh để tồn tại, đều là tiến sĩ của Sorbonne, nhận bằng vào năm 1671 và 1676.

Edme Pirot là một cái tên khác sẽ mãi mãi được ghi nhớ trong biên niên sử của Gioan La San. Là tiến sĩ của Sorbonne từ năm 1664, ông là khoa trưởng khoa thần học từ năm 1681 đến năm 1693. Là tổng đại diện của Đức Hồng y Noailles, chính ông đã cố gắng thay thế Gioan La San làm bề trên của các Sư huynh vào năm 1702, một thỏa thuận mà các Sư huynh đơn giản là từ chối chấp nhận.

Paul Godet des Marais là một học sinh tại Sorbonne và là cư dân tại *Petite Communauté* có liên hệ với Saint Sulpice trong những năm Gioan La San học tại Paris. Hai người dường như đã trở thành bạn tốt của nhau. Ngay sau khi trở thành Giám mục Chartres vào năm 1692, Godet đã mời Gioan La San tiếp quản một số

trường học trong giáo phận của mình, mà vị giám mục đầu tiên đã thiết lập. Năm 1702, Gioan La San đã gửi cho Đức Giám mục Godet cuốn hồi ký nổi tiếng của mình để bảo vệ chính sách đưa tiếng Pháp thay vì tiếng Latinh vào các trường học. Hai người luôn tôn trọng lẫn nhau. Vị giám mục đã có thể can thiệp vào các cơ quan chức năng của giáo hội tại Paris nhiều lần để ủng hộ Gioan La San và các Su huynh.

François Bouthilier de Chavigny, người có sự khác biệt đáng ngờ khi xếp hạng cuối cùng trong số 82 ứng viên cho chức danh tiến sĩ Sorbonne năm 1666, đã trở thành Giám mục của Troyes vào năm 1679. Sau khi nghỉ hưu vào năm 1698, ông đã công chứng hợp đồng đưa các Su huynh đến giáo phận mình vào năm 1703. Trong khi đó, người kê nhiệm ông tại Troyes là cháu trai Denis-François, người cũng có thiện cảm với các Su huynh. Vào năm 1722, cả hai vị giám mục đều viết những lá thư khen ngợi gửi đến Rôma có ảnh hưởng đến việc xin được Sắc chỉ chấp thuận cho Dòng.

Pierre de Langle vừa hoàn thành chương trình tiến sĩ Sorbonne vào năm 1670, chỉ vài tháng trước khi Gioan La San đến để bắt đầu học tập tại đó. De Langle trở thành Giám mục của Boulogne-sur-Mer vào năm 1698. Một trong những ưu tiên hàng đầu của ông là mở một trường học Kitô giáo ở Calais, nhưng mãi đến năm 1710, Gioan La San mới có thể gửi một số Su huynh đến. Khi họ đến, vị giám mục đã tiếp đón họ nồng nhiệt và cho họ ở trong chủng viện cho đến khi có thể tìm được nơi ở phù hợp. Vài năm sau, một trường học thứ hai được mở.

Lúc đầu, Đức Giám mục De Langle, cùng với vị chỉ huy của thị trấn, là người bảo vệ mạnh mẽ của các Sư huynh. Tuy nhiên, khi Sách chỉ *Unigenitus* được công bố vào năm 1713, ông đã phản đối lập trường của giáo hoàng và tham gia cùng những người kháng cáo Sách chỉ. Ông đã cố gắng vô ích để khiến các Sư huynh đứng về phía mình. Khi họ từ chối, ông đã làm mọi cách có thể để Gioan La San rút các Sư huynh khỏi thành phố. Cuối cùng, vụ việc đã được đưa ra tòa; giám mục thua kiện, và các Sư huynh vẫn ở lại, với vị giám mục theo phái Jansen thù địch với họ cho đến khi ông qua đời vào năm 1724.

Guillaume-Ignace de Mérez là một chủng sinh đồng nghiệp với Gioan La San tại Saint Sulpice. Đến năm 1707, ông là tổng đại diện của giáo phận Alès ở miền nam nước Pháp. Vào năm đó, ông đã viết cho Gioan La San trong một lá thư được Blain trích dẫn: “Thưa Cha, tôi không chắc liệu tên tôi vẫn còn quen thuộc với Cha hay Cha vẫn còn nhớ tôi không. Nhưng tôi chưa bao giờ quên Cha và tôi thường nhớ về Cha một cách triu mến từ những ngày tôi gặp Cha ở Saint Sulpice. Vào thời điểm đó, Cha là một kinh sĩ Reims; đó là vào năm 1671” (CL 8, tr. 51).

De Mérez tiếp tục yêu cầu Gioan La San gọi một số Sư huynh đến vùng xa xôi đó ở miền nam nước Pháp, nơi cần có các thầy giáo Công giáo để khắc phục những thành quả mà người Tin lành đạt được. Blain nhận xét rằng Gioan La San “vui mừng khi thỏa mãn lòng nhiệt thành của mình trong việc tiêu diệt tà giáo và cũng vui mừng vì các Sư huynh đã được chọn để đi tấn công tà giáo ở những nơi mà nó đã ăn sâu bén rễ”

(CL 8, tr. 51). Gioan La San đã cử ngay hai Sư huynh đến Alès. Vào năm sau, Giám mục của Alès, François Chevalier de Saulx, một tiến sĩ của Sorbonne năm 1678, đã nói với Gioan La San rằng ông hạnh phúc như thế nào khi có những Sư huynh này.

Một người bạn đồng môn khác của Gioan La San tại Sorbonne trong giai đoạn 1670-1672 là Claude de Précelles. Ông là một sinh viên xuất sắc và được xếp hạng thứ mười trong số 93 ứng viên cho chức danh cử nhân thần học vào năm 1676. Bằng tiến sĩ được trao một năm sau đó. Với tư cách là *Censor librorum-Kiểm duyệt viên*, ông đã duyệt *Nihil obstat* danh giá của Sorbonne vào năm 1696, chứng thực rằng bản văn không có lỗi về giáo lý, cho các phiên bản đầu tiên của sách cầu nguyện mà Gioan La San biên soạn để sử dụng trong các trường học. Louis-Ellies du Pin, một tiến sĩ của Sorbonne vào năm 1684, đã thực hiện chức năng tương tự vào năm 1702-1703, cấp phép của giáo hội cho các tác phẩm khác của Gioan La San, bao gồm một quyển giáo lý, một quyển hướng dẫn thực hành về các quy tắc lịch sự của người Kitô hữu và các phiên bản sau của sách cầu nguyện và thánh ca để sử dụng trong các trường học.

Trong số những người đến Sorbonne học vào những năm sau đó, một trong những người xuất sắc nhất là Jacques-Nicolas Colbert. Ông đứng đầu trong một lớp gồm 69 ứng viên cho chức danh cử nhân tại Sorbonne vào năm 1678 và nhận bằng tiến sĩ vào năm sau. Sau khi trở thành Tổng Giám mục Rouen vào năm 1691, ông đã cung cấp cho Gioan La San một trung tâm thay thế cho Dòng vào năm 1705 khi tình hình tại Paris trở

nên không thể chịu đựng được. Chính ông là người đã cho phép mua lại tài sản tại Saint Yon và thành lập một tập viện và trường nội trú tại đó.

Người kế nhiệm ông làm Tổng Giám mục Rouen vào năm 1708 là Claude-Maur d'Aubigné. Là một tiến sĩ của Sorbonne từ năm 1688, ông đã là tổng đại diện tại Chartres dưới thời Giám mục Godet des Marais, nơi thái độ của ông đối với các Su huynh là khá thù địch. Rõ ràng là ông đã mang theo sự thù địch này đến Rouen. Khi cha chính xứ của giáo xứ nơi Saint Yon tọa lạc cáo buộc Gioan La San nói dối về các điều khoản của hợp đồng, thì chính Tổng Giám mục D'Aubigné là người cuối cùng đã tước bỏ các chức vụ tôn giáo của Gioan La San đang hấp hối vào tháng 3 năm 1719. Gioan La San qua đời vào ngày 7 tháng 4 năm đó, và chỉ 15 ngày sau, chính D'Aubigné cũng qua đời.

Vậy thì, đó là một số giáo sĩ đáng chú ý mà Gioan La San biết đến từ Sorbonne, cũng như các vấn đề thần học chủ đạo, các khóa học cụ thể, các giáo sư và một số bạn học của ngài.

Sự nghiệp của Gioan La San với tư cách là một sinh viên thần học tại Paris đã kết thúc đột ngột vào tháng 4 năm 1672 khi ngài biết tin cha mình qua đời. Vì ngài sẽ không bao giờ có thời gian rảnh rỗi để tiếp tục học thần học toàn thời gian nữa, nên giai đoạn này trong cuộc đời ngài và giai đoạn học thần học này của ngài hẳn đã có ý nghĩa quan trọng nào đó trong việc chuẩn bị cho ngài để đối mặt với những thách đố mà Chúa Quan Phòng đã dành sẵn cho ngài.

Nhưng trải nghiệm tại Paris không chỉ dừng lại ở những khóa học thần học hàn lâm tại Sorbonne. Việc

đào tạo về mặt thiêng liêng mà Gioan La San thụ hưởng tại Chủng viện Saint Sulpice trong cùng khoảng thời gian này đã để lại một dấu ấn thậm chí còn sâu sắc hơn đối với sự phát triển cá nhân cũng như ơn gọi trở thành một linh mục, một nhà lãnh đạo giáo dục và là Đấng Sáng lập một Dòng tu, những vai trò mà ngài đã được tiên định để đảm nhận.

4 Chủng Sinh

Đối với những ai chỉ biết cách mơ hồ về các bước trong tiến trình dẫn dắt Gioan La San tiến tới thiên chức linh mục, hẳn sẽ ngạc nhiên khi biết rằng thời gian ngài tu học tại chủng viện tương đối ngắn ngủi: chính xác là chỉ vỏn vẹn 18 tháng, từ tháng 10 năm 1670 đến tháng 4 năm 1672. Trong khoảng thời gian đó, ngài theo học tại Chủng viện Saint Sulpice tại Paris và thụ hưởng nền đào tạo thiêng liêng được cung cấp tại đây. Phần còn lại của quá trình đào tạo thiêng liêng cũng như việc học thần học của ngài, cả trước và sau những năm tháng tại Paris, đều tập trung tại Reims, nơi ngài tiếp tục sống cùng gia đình.

Việc huấn luyện thiêng liêng được cung cấp tại chủng viện tại Paris mang tính tập trung và chuyên sâu: nó lôi cuốn Gioan La San một cách trọn vẹn. Không còn nghi ngờ gì nữa, trải nghiệm tại chủng viện đã đóng góp một cách đặc biệt vào sự phát triển nhân cách của ngài vào thời điểm đó. Hơn cả các khóa học thần học, những giáo lý thiêng liêng mà ngài tiếp thu tại chủng viện đã tạo nên một ảnh hưởng lâu dài, trở thành nền tảng cho công trình trọn đời và thành tựu vĩ đại nhất của ngài sau này.

Khi Gioan La San đặt chân đến Chủng viện Saint Sulpice vào năm 1670, thì tòa nhà này mới chỉ được xây dựng chưa đầy 20 năm. Ngày nay, không còn dấu tích nào của tòa nhà ấy còn sót lại. Vì tòa nhà cũ chiếm một phần diện tích của quảng trường rộng lớn hiện nay

ngay phía trước nhà thờ giáo xứ Saint Sulpice ngày nay, nên nó đã bị phá dỡ vào năm 1803 để tạo nên hình dáng chữ nhật hoàn hảo cho quảng trường này. Một tòa nhà chủng viện mới đã được xây dựng để thay thế tòa nhà cũ vào năm 1820, nằm ở phía nam của quảng trường.

Nhà thờ Saint Sulpice hiện nay cũng là một công trình tương đối mới. Việc xây dựng nhà thờ chỉ mới bắt đầu khi Gioan La San còn đang là một chủng sinh. Mặc dù viên đá đầu tiên đã được đặt vào năm 1646 bởi Anne xứ Áo, Hoàng hậu nước Pháp, nhưng công việc xây dựng chính tòa nhà lại diễn ra rất chậm chạp. Gian giữa của nhà thờ phải đến năm 1736 mới hoàn thành; còn hai tháp chuông đôi thì được xây dựng vào năm 1788. Vào thời của Gioan La San, chỉ có một phần của khu vực cung thánh hiện nay và phòng thánh là đã có thể đưa vào sử dụng.

Sự hiện diện của Gioan La San tại Saint Sulpice được ghi dấu vĩnh viễn trong một nhà nguyện nhỏ nằm ngay bên phải lối vào nhà thờ. Điểm nhấn chính trong nhà nguyện này là bức tượng quen thuộc của Đấng Lập Dòng Sư huynh, do nhà điêu khắc Jean Falguière thực hiện. Một dòng khắc trên đá cẩm thạch ghi nhận rằng Gioan La San là một chủng sinh gương mẫu, và rằng những ngôi trường đầu tiên mà ngài thành lập tại Paris đều tọa lạc trong giáo xứ Saint Sulpice.

Hội Xuân Bích và Chủng viện Saint Sulpice

Chủng viện tại Paris nằm dưới sự điều hành của các linh mục thuộc Hội Xuân Bích (Society of Saint Sulpice), một hội dòng mới chỉ được thành lập trước đó vồn vẹn một thể hệ bởi Jean-Jacques Olier. Ý tưởng về việc thành lập một hội dòng mới chuyên đào tạo các linh mục đã nảy sinh trong tâm trí Olier sau một chuỗi dài những cuộc khủng hoảng về mặt thiêng liêng, tâm lý và thể chất.

Linh đạo Xuân Bích

Trong suốt hành trình thiêng liêng dài lâu của mình, Olier đã chịu ảnh hưởng của Charles de Condren; chính vị này đã huấn luyện ông theo các nguyên tắc của linh đạo thuộc trường phái Pháp-French school, vốn khởi nguồn từ Đức Hồng y Pierre de Bérulle (qua đời năm 1629). Một năm sau khi De Condren qua đời vào năm 1641, Olier đã thành lập chủng viện nhỏ đầu tiên của mình tại Vaugirard, một vùng ngoại ô của Paris. Việc ông được bổ nhiệm làm linh mục chính xứ nhà thờ Saint Sulpice vào năm 1646 chính là cơ duyên để ông thiết lập chủng viện này, đồng thời sáng lập một Hội dòng có trụ sở tại chính giáo xứ đó, nơi mà Hội đã mượn tên để đặt cho mình.

Linh đạo của Olier, vốn được thừa hưởng từ De Condren và Bérulle, mang đậm tính quy Kitô-Christocentric, tập trung vào các “màu nhiệm” trong cuộc đời của Đức Kitô. Yếu tố cốt lõi trong “màu nhiệm” này chính là *kenosis-sự tự hủy*, tức là sự từ bỏ

hoàn toàn hay sự tự làm cho mình nên ra không của Ngôi Lời Thiên Chúa trong biến cố Nhập Thể. Văn bản kinh điển minh chứng cho điều này chính là bài thánh thi về sự tự hủy được ghi lại trong chương 2 của Thư Thánh Phaolô gửi tín hữu Philipphê: “Anh em hãy có tâm tình này nơi anh em, tâm tình cũng đã có nơi Đức Kitô Giêsu ... đã vâng phục cho đến chết, và chết trên thập giá”. Phương pháp cầu nguyện chiêm niệm được thực hành trong trường phái Bérulle nhằm mục đích vun trồng thái độ tự từ bỏ này của Chúa Giêsu.

Sự tự làm cho mình ra không một cách trọn vẹn như thế được coi là lời hứa và cũng là điều kiện để đạt tới sự kết hợp cá vị sâu sắc với Thiên Chúa. Vì thế, các biến cố trong cuộc đời Đức Kitô được nhìn nhận dưới khía cạnh “màu nhiệm”, như những sự biểu lộ nối tiếp nhau của tâm tình của Đức Kitô; nơi đó, thiên tính của Người chỉ hiển hiện trước cặp mắt đức tin, bởi lẽ nó đang ẩn giấu bên dưới những giới hạn bề ngoài của một bản tính nhân loại yếu đuối. Do đó, trong từng biến cố, từ khi Chúa Giêsu giáng sinh, trải qua đời sống ẩn dật tại Nazareth, đến thời kỳ rao giảng và làm các phép lạ, cho tới cái chết và sự phục sinh của Người, thì màu nhiệm Nhập Thể đều có thể được chiêm ngắm. Màu nhiệm này đã soi sáng con đường dẫn từ sự hiến dâng trọn vẹn bản thân tới vinh quang tối hậu và sự kết hợp với Thiên Chúa.

Mục đích của Hội Xuân Bích là đào tạo các linh mục quản xứ sao cho phù hợp với những cải cách đã được khởi xướng từ một thế kỷ trước đó bởi Công đồng Trentô, và đã được Thánh Charles Borromeo triển khai một cách vô cùng hiệu quả tại Milan. Mục tiêu là đào

tạo nên những linh mục tận tụy với đời sống hy sinh và kỷ luật bản thân, đầy nhiệt huyết vì ơn cứu độ các linh hồn, đặc biệt là những người nghèo khó, và nghiêm cẩn trong việc chu toàn những đòi hỏi của bậc giáo sĩ.

Đời sống tại Chung viện

Vào ngày 18 tháng 10 năm 1670, dịp lễ Thánh Luca, Gioan La San đã rời Reims đến Paris để ghi danh vào Chung viện Saint Sulpice. Trước khi được chính thức nhận vào, ngài đã có một cuộc phỏng vấn cá nhân khá dài với Cha Alexandre de Bretonvilliers, Bề trên của Hội dòng. Mục đích của cuộc phỏng vấn này là để thẩm định động cơ của chàng chủng sinh trẻ, nhằm đảm bảo rằng cậu đã sẵn sàng một cách tự nguyện để tuân thủ các điều lệ của chung viện đến từng chi tiết nhỏ nhất. Bất kỳ sự do dự hay biểu hiện thiếu dứt khoát nào cũng sẽ bị coi là lý do để từ chối nhận vào. Bất kỳ chủng sinh nào sau đó tỏ ra không đủ khả năng giữ trọn quyết tâm của mình sẽ bị trục xuất ngay lập tức.

Những ngày sau khi được nhận vào chung viện được dành trọn cho một kỳ tĩnh tâm thiêng liêng sâu sắc; kỳ tĩnh tâm này dường như cũng trùng với thời điểm bắt đầu các lớp học tại Đại học Sorbonne. Nhờ được củng cố tinh thần và tràn đầy nhiệt huyết, Gioan La San đã nhanh chóng hòa mình vào nếp sống thường nhật của chung viện. Xét về các khía cạnh bên ngoài, nếp sống này không khác biệt mấy so với đời sống tại các chung viện Công giáo ở bất cứ đâu trên thế giới, ít nhất là cho đến trước Công đồng Vaticanô II.

Mọi người đều đi ngủ sớm (giờ kinh tối là lúc 8 giờ tối) và thức dậy sớm (lúc 5 giờ sáng). Tại đây diễn ra các sinh hoạt thiêng liêng theo thông lệ: cầu nguyện bộc phát và nguyện gẫm, tham dự Thánh lễ hằng ngày, cử hành Kinh Thần vụ đối với những người có bốn phận đọc (còn những người khác thì cùng nhau lần hạt Mân Côi), và đọc sách thiêng liêng. Quy định giữ thanh lặng được áp đặt và tuân thủ nghiêm ngặt, ngay cả trong các bữa ăn. Các chủng sinh có bốn phận luân phiên nhau phục vụ bàn ăn, làm các công việc vặt trong nhà, và tự giữ gìn phòng ở của mình luôn sạch sẽ.

Học phí tại chủng viện khá cao, cao đến mức chỉ những giáo sĩ thuộc tầng lớp khá giả mới có đủ điều kiện theo học tại đây. Việc hoàn tất thành công quá trình tu học tại Saint Sulpice giúp chàng giáo sĩ trẻ trở nên nổi bật và thực tế được coi là một sự bảo đảm cho việc nắm giữ những chức vụ cao trong Giáo hội sau này. Mặc dù các học viên tại đây đều thuộc tầng lớp ưu tú, chủng viện vẫn đặc biệt chú trọng đến đời sống chung: cả giáo sư lẫn học sinh đều được yêu cầu sống giản dị và tuân thủ chính xác đến từng chi tiết nhỏ nhất trong các điều lệ của chủng viện.

Kỷ luật tại chủng viện vô cùng nghiêm khắc. Tất cả mọi người đều được yêu cầu phải giữ thái độ nghiêm túc và khiêm tốn trong mọi cử chỉ, điệu bộ bên ngoài. Quy tắc vàng tại đây là không được làm bất cứ điều gì mà chưa có phép. Cụ thể, những hành vi sau đây bị nghiêm cấm nếu không có sự cho phép đặc biệt: đến thăm hoặc thậm chí bước vào phòng của các chủng sinh khác; vắng mặt trong các buổi linh thao hoặc giờ giải trí; viết hoặc nhận thư từ lén lút; đi vào thành phố

hoặc ăn uống bên ngoài; đến nhà thờ giáo xứ mà không đi cùng cộng đoàn; tự ý đi vào nhà bếp hoặc phòng y tế; nhận sách vở, tài liệu, thuốc men hoặc tiền bạc từ các nguồn bên ngoài (OL 1, tr. 246).

Khi Gioan La San đến Saint Sulpice, ký ức về Jean-Jacques Olier vẫn còn rất sống động; linh đạo nơi đây vẫn mang đậm dấu ấn đặc trưng của ngài. Sự quan tâm đặc biệt được dành cho việc thực hành suy gẫm và cầu nguyện, với các buổi hướng dẫn miệng và thực hành vào các ngày thứ Ba và thứ Bảy. Mỗi chủng sinh đều được chỉ định một vị linh hướng. Đây được coi là một phương thế quan trọng để đào tạo các ứng viên trẻ tuổi về những nhân đức được cho là phù hợp với bậc giáo sĩ: khiêm nhường, khiêm tốn và, trên hết, là sự vâng phục “nhanh chóng, chính xác và tuyệt đối”.

Thời khóa biểu, các quy luật, quy định và kỷ luật, tất cả hẳn sẽ trở nên đơn điệu và gàn như không thể chịu đựng nổi, nếu không nhờ vào sự mãnh liệt của động lực thiêng liêng, cùng cảm thức nội tâm về sự bình an và niềm vui khi hiện diện trong tình yêu của Thiên Chúa.

Trong cuốn hồi ký về cuộc đời của Olier, Cha Henri Baudrand, người sau này trở thành một trong những vị linh hướng của Gioan La San, đã đưa ra một bản tóm tắt về thái độ mà các chủng sinh được kỳ vọng sẽ vun trồng:

Sự cảnh giác cao độ mà mỗi người phải liên tục thực hành đối với chính mình trong chủng viện không ngăn cản họ mang đến nơi đây một cảm thức tự do rất mạnh mẽ, bởi lẽ họ coi các bốn phận của mình là vấn đề thuộc về lương tâm và danh dự. Vì đa số những người trong chủng viện đều đạt đến trình độ mà ở đó

họ tự nguyện rũ bỏ tâm thế của một đứa trẻ hay một cậu học trò, nên điều khiến họ bận tâm không còn là tính chất áp đặt của những mệnh lệnh được ban ra nữa, mà thay vào đó là làm thế nào để thực thi những mệnh lệnh ấy một cách hoàn hảo.

Đa số những người sống trong chủng viện đều đã đạt các học vị cử nhân, thạc sĩ hoặc tiến sĩ thần học; do đó, họ là những người có trình độ học vấn cao, và hơn nữa, họ còn sống nhiều năm trong môi trường chủng viện. Họ tạo thành một nhóm người thuộc hàng tinh hoa; họ là những người giàu lý trí và đầy nhiệt huyết; họ ít cần đến sự thúc giục để thăng tiến về đời sống thiêng liêng, mà lại cần nhiều hơn một sợi dây cương để tiết chế lòng nhiệt thành của chính mình.

Mọi nhân đức đều được thực hành liên tục trong chủng viện. Những công việc khiêm hạ nhất cũng được đón nhận với niềm vui, chẳng hạn như quét dọn hành lang hay cọ rửa nhà vệ sinh. Sự vâng phục nơi họ diễn ra thật mau lẹ, chuẩn xác và tuyệt đối. Đa số sống tinh thần vâng phục ấy với một thái độ quy phục trọn vẹn, đến mức họ sẵn sàng lên đường đến phục vụ tại các chủng viện ở các tỉnh lẻ, tại Canada hay Trung Quốc, chỉ với một gợi ý nhỏ nhất được đưa ra cho họ.

Những người sống trong chủng viện phải hoàn toàn hiến dâng cho việc tôn thờ Chúa Ba Ngôi Chí Thánh và Chí Tôn. Sự thinh lặng và thái độ hồi tâm của họ trong chủng viện phải phản chiếu và tôn vinh sự thinh lặng cùng sự an bình của Ba Ngôi Thiên Chúa trên trời. Vì mọi kho tàng của thiên nhiên và ân sủng, cũng như mọi màu nhiệm về Con Người, đều tuôn trào từ và phụ thuộc vào màu nhiệm vĩ đại duy nhất này, nên mọi hành động và mọi cách cư xử của các chủng sinh đều phải góp phần tôn vinh Chúa Ba Ngôi. Chúa Giêsu

Kitô, vị Thượng Tế tối cao, cũng chiếm giữ một vị trí đặc biệt trong tâm hồn họ.

Các linh mục trong chủng viện phải trở nên những tư tế và những lễ vật được thiêu đốt trong ngọn lửa tình yêu của Đức Kitô. ... Mỗi tương quan của họ với Mẹ Đức Giêsu phải luôn được duy trì liên tục. Họ cần nhận thức rằng bất cứ quyền năng nào họ sở hữu cũng chỉ là sự nối dài từ thiên chức làm Mẹ của Đức Trinh Nữ. ... Những khát vọng và tinh thần của họ chính là những khát vọng và Thần Khí của Chúa Giêsu đang sống động trong người Mẹ thánh thiện của Người (OL 1, tr. 240).

Một chút giải tỏa khỏi sự đơn điệu của nếp sống thường nhật trong chủng viện thường đến vào các ngày Chúa Nhật và các lễ trọng, với những nghi thức phụng vụ long lẫy bao quanh Thánh lễ trọng và Giờ Kinh Chiều được cử hành tại nhà thờ giáo xứ vào những ngày đó. Một nét đặc sắc khác vào các ngày Chúa Nhật và lễ trọng, mang lại sự thay đổi trong nếp sống thường nhật, chính là cơ hội được đi dạy giáo lý tại nhiều trung tâm khác nhau nằm rải rác khắp địa bàn giáo xứ rộng lớn.

Các chủng sinh đã được chuẩn bị hết sức kỹ lưỡng cho sứ vụ dạy giáo lý này bởi một thành viên trong ban giảng huấn, người được giao phó trách nhiệm đặc biệt trong việc giám sát cả về nội dung lẫn phương pháp giảng dạy. Các chủng sinh thường làm việc theo từng cặp: một người sẽ giải thích bài học trong ngày, trong khi người kia giữ trật tự và sự yên tĩnh cho các em nhỏ trong suốt buổi giảng. Mặc dù không phải là điều bắt buộc, những buổi học này vẫn thu hút một lượng lớn

học viên tham gia. Các em nhỏ được chia thành ba cấp lớp: lớp vỡ lòng, lớp chuẩn bị Rước lễ lần đầu, và lớp nâng cao.

Trong khoảng thời gian Gioan La San còn là một chủng sinh tại Paris, chương trình giáo lý được đặt dưới sự điều hành của Cha Antoine Dargines. Cùng với năm tháng, hệ thống này ngày càng được mở rộng và hoàn thiện hơn. Đến khi Gioan La San cùng các Su huynh tiếp quản việc điều hành các trường học trong giáo xứ, chương trình này đã vận hành vô cùng hiệu quả dưới sự chỉ đạo của Cha Claude de La Barmondière và Jean-Jacques Baiÿyn.

Tuy nhiên, không có bằng chứng nào cho thấy trong những năm tháng tu học tại chủng viện, Gioan La San từng xem sứ vụ giảng dạy giáo lý Kitô giáo như một ơn gọi. Đối với ngài vào thời điểm đó, đây chỉ đơn thuần là một khía cạnh trong đời sống chủng viện, có thể là một trải nghiệm đầy thử thách và thú vị, nhưng chỉ là một giai đoạn nhất thời trong quá trình đào tạo ngài hướng tới thiên chức linh mục.

Để có thể thấu hiểu trọn vẹn hơn về những tác động mà chủng viện Saint Sulpice đã tạo nên nơi chàng thanh niên Gioan La San, điều quan trọng là phải nắm bắt được phần nào về danh tiếng cũng như phẩm cách của những người đang nắm giữ các trọng trách trong chủng viện vào thời điểm ngài còn đang theo học tại đó; bởi lẽ, ngài sẽ còn tái ngộ với rất nhiều vị trong số họ vào những thời khắc mang tính bước ngoặt, định hình cả cuộc đời riêng của ngài lẫn sự phát triển của Dòng mà sau này chính ngài sẽ sáng lập.

Các Bề trên và Giáo sư

Alexandre Le Ragois de Bretonvilliers (1621-1676)

Sau khi Jean-Jacques Olier qua đời vào năm 1657, de Bretonvilliers trở thành Bề trên của Hội Xuân Bích non trẻ. Ông xuất thân từ một gia đình giàu có và đã sử dụng khối tài sản cá nhân khổng lồ của mình để phục vụ Giáo hội và các thành viên trong Hội. Nhờ đó, ông đã tài trợ cho việc xây dựng chủng viện tại Paris bằng một khoản hiến tặng trị giá 90,000 livres (tương đương gần một triệu đô la Mỹ). Ông cũng dùng tài sản riêng để mua khu đất xây dựng cơ sở mới của Hội Xuân Bích tại Montréal, đồng thời xây dựng tại đó một nhà thờ, một chủng viện, một trường học và một nhà xứ. Ông đã thành công trong việc xin được chiếu thư hoàng gia (tương đương với giấy phép thành lập pháp nhân) cho Hội non trẻ này. Trong nhiệm kỳ bề trên của ông, các chủng viện tại Le Puy, Clermont-Ferrand, Limoges và Lyon đã được đặt dưới sự quản lý của Hội Xuân Bích.

Tuy là một nhà quản trị đầy tài năng, ông cũng còn sở hữu năng lực xuất sắc không kém trong vai trò một bậc thầy về đời sống thiêng liêng. Theo truyền thống của Bérulle và Olier, các bài huấn đức của ông luôn xoay quanh Đức Kitô, nhấn mạnh tầm quan trọng của việc hiến dâng trọn vẹn mọi tư tưởng, tình cảm và hành động để phục vụ Thầy Chí Thánh. Ông dành một lòng sùng kính đặc biệt sốt mến đối với Chúa Giêsu đang

hiện diện trong cung lòng Đức Maria, một khía cạnh của lòng sùng kính Đức Mẹ vốn đã được Olier phổ biến rộng rãi, và sau này sẽ để lại dấu ấn vang vọng trong các tác phẩm của Gioan La San.

De Bretonvilliers luôn kiên quyết khẳng định tầm quan trọng của việc linh hướng; đối với ông, việc linh hướng phải được đặt nền tảng trên giáo lý về mầu nhiệm Nhập Thể và sự hiện diện của Linh Khí trong tâm hồn người Kitô hữu. Vị bề trên Hội Xuân Bích này coi việc thực hành linh hướng là điều “vô cùng hữu ích, và quả thực là không thể thiếu đối với cả những người mới bắt đầu phụng sự Thiên Chúa, lẫn những ai khao khát đạt tới mức độ trọn lành cao thâm” (CL 41.2, tr. 81).

Sự phó thác trọn vẹn đời sống nội tâm của mình dưới sự dẫn dắt của một Bề trên hay một vị linh hướng, đối với Gioan La San, sẽ mãi mãi là một nét đặc trưng xuyên suốt hành trình tâm linh cá nhân của ngài. Sau này, ngài sẽ đề xuất một hình thức biến tấu của việc thực hành này, dưới dạng phó thác (reddition) cho Huynh Trưởng, như một trong những trụ cột nội tâm nâng đỡ Dòng do ngài sáng lập.

Như vậy, chính de Breronvilliers là người đã tiếp nhận Gioan La San vào chủng viện Saint Sulpice vào năm 1670, sau khi đã thẩm vấn cậu về những động cơ thúc đẩy cậu gia nhập chủng viện. Sau đó, vị Bề trên hẳn đã giao phó chàng chủng sinh trẻ tuổi này cho một trong những linh mục đang sẵn sàng đảm nhận việc linh hướng.

Hiện vẫn chưa xác định chắc chắn được rằng Gioan La San đã được giao phó cho vị linh hướng nào. Đó có

thể là Cha Claude de La Barmondière hoặc Cha Henri Baudrand; cả hai vị này sau đó đều trở thành các linh mục chính xứ tại Saint Sulpice, và trên cương vị đó, họ đã đóng một vai trò quan trọng trong lịch sử của Gioan La San cũng như của Dòng do ngài sáng lập. Tuy nhiên, đa số các tác giả đều cho rằng Cha Louis Tronson mới chính là người được giao phó linh hướng cho Gioan La San.

Louis Tronson (1622-1700)

Vào thời điểm Gioan La San vào chủng viện tại Paris, thì Cha Tronson đang là vị linh hướng niên trưởng. Sau khi de Bretonvilliers qua đời vào năm 1676, ông kế nhiệm chức Tổng Quyền của Hội Xuân Bích, là người thứ ba giữ chức vụ đó.

Lý do để giả định rằng Gioan La San có thể đã được giao cho Cha Tronson linh hướng xuất phát từ một đoạn văn trong cuốn tiểu sử về Đấng Lập Dòng do Blain biên soạn. Khi đề cập đến bản ghi nhớ gây tranh cãi về tu phục của các Sư huynh, Blain viết:

Văn kiện này dường như được tư duy một cách vô cùng chặt chẽ về mặt logic và được diễn đạt bằng ngôn từ đầy mạnh mẽ; đến mức người mà Đấng Lập Dòng thánh thiện đã trình bày văn kiện này, và cũng là người mà ngài tìm đến để xin lời khuyên, đã khẩn khoản thúc giục ngài hãy giữ vững lập trường về vấn đề này. Quả thực, Gioan La San không hề tiết lộ danh tính của người mà ngài đã tham vấn, ngài chỉ nói rằng đó là một người được coi là vô cùng thông thái. Tuy

nhiên, thông qua lời tán dương đầy kính trọng ấy, ngài thực chất đang ám chỉ vị bề trên lừng danh của Chứng viện Saint Sulpice, Cha Tronson, người mà sự khôn ngoan và thận trọng của ông đã được công nhận rộng rãi trên khắp nước Pháp.

Chính Cha Tronson là người mà Gioan La San đã tìm đến nương tựa mỗi khi gặp phải những khó khăn trọng đại; ngài coi Cha Tronson như một nguồn suối soi sáng và là một nhân vật lừng danh, được xem như một trong những vị tiên tri-oracles của hàng giáo sĩ Pháp đương thời. Bởi lẽ Gioan La San từng là một trong những chủng sinh dưới sự dạy dỗ của Cha Tronson, và đã may mắn được thụ hưởng sự hướng dẫn của ông trong suốt thời gian tu học tại chủng viện; hơn nữa, vì Cha Tronson là người hội tụ cả chiều sâu tri thức lẫn sự sắc sảo trong tư duy, song hành cùng lòng khiêm nhường và đức hạnh cao vời, nên việc Gioan La San tìm đến xin lời khuyên nơi ông là một điều hoàn toàn tự nhiên.

Chừng nào Cha Tronson còn sống, thì Gioan La San thực sự luôn tìm đến ông để xin ý kiến cố vấn; ngài thường xuyên lui tới chủng viện tại Issy, nơi Cha Tronson đang cư ngụ, để cùng ông thảo luận về các vấn đề cần giải quyết. Khi không thể trực tiếp nhận được lời khuyên từ vị nhân sĩ đầy minh triết này, thì ngài sẽ tìm đến tham vấn Cha Bäuyn, người lúc bấy giờ đang giữ chức giám đốc Chứng viện Saint Sulpice, một vị linh mục mà sự thánh thiện của ông đã được tất cả những ai từng tiếp xúc với ông công nhận (CL 7, tr. 300).

Dù Cha Tronson có thực sự đảm nhiệm vai trò vị linh hướng trực tiếp cho Gioan La San trong thời gian ngài

tu học tại chủng viện hay không, thì tầm ảnh hưởng của ông đối với ngài vẫn là một điều vô cùng to lớn. Ông thường xuyên tổ chức các buổi thuyết trình cho các chủng sinh, những buổi thuyết trình vốn nổi tiếng nhờ sự chuẩn xác trong nội dung cũng như sức lay động mạnh mẽ mà chúng tạo ra nơi thính giả. Các tác phẩm đồ sộ của ông về nhiều khía cạnh khác nhau của đời sống chủng viện đã trở thành những tác phẩm kinh điển ngay trong thời đại của ông, và sau đó được xuất bản tại Paris như một phần của bộ sưu tập Migne năm 1857. Cha François Leschassier, người kế nhiệm ông, đã mô tả Tronson là “một linh mục vô cùng đáng mến, với những lời khuyên đầy khôn ngoan, phong thái điềm tĩnh và lối trò chuyện đầy lôi cuốn” (CL 41.2, tr. 86tt.).

Học thuyết thiêng liêng của Tronson nằm trong truyền thống của Olier và de Bretonvilliers. Không khó để tìm thấy những dấu vết của học thuyết này trong các tác phẩm của Gioan La San, bao gồm cả một số khía cạnh mà đối với thính giả hiện đại, nghe có vẻ lạ lẫm. Trong bầu khí thần học và thiêng liêng của thời đại ấy, nổi bật lên một sự ngờ vực đặc thù đối với chính bản thân, đối với bản tính con người và đối với “thế gian”; người ta đặt nặng giá trị một cách thái quá vào sự vâng phục tức thì và tuyệt đối, cũng như có xu hướng định nghĩa sự trọn lành dựa trên việc tuân thủ chính xác các quy định và những bổn phận thuộc bậc sống của mình.

Vì thế, khi viết về việc chính mình bước chân vào chủng viện, Tronson đã viết rằng: “Đó không phải vì những lý do trần thế, không phải để thỏa mãn thói hư danh hay lòng tham lam, cũng không phải để trở nên uyên bác hơn, mà là để ghi danh vào trường học của

Chúa Giêsu Kitô, để đón nhận Đức Kitô như là Thầy duy nhất của mình, và để nỗ lực thấm nhuần những giáo huấn của Người”. Ông viết: “Nếu thiếu đi mục đích ấy, thì thà đừng bao giờ bước vào chủng viện còn hơn, bởi lẽ một người hiện diện tại đó chỉ cốt là để thăng tiến trong hàng nhân đức”.

Ông tiếp: “Chỉ hiện diện tại đó thôi thì chưa đủ, bởi lẽ không thể nào gặt hái được lợi ích từ đời sống chủng viện nếu không biết tự mình tuân phục theo nếp sống thường nhật và các quy định đã được ấn định, mà còn phải thực thi chúng một cách trọn vẹn, đúng giờ, tự nguyện và với lòng mến” (CL 41.2, tr. 86).

Trong chuyên luận về sự vâng phục của mình, Tronson đã dành trọn một phần, bao gồm 17 chương, để bàn về chủ đề tuân thủ các quy định. Ông chỉ ra tầm quan trọng của nội quy chủng viện, cũng như sự cần thiết phải lưu tâm đến cả những chi tiết nhỏ nhặt nhất, đồng thời bác bỏ mọi cố sự để xin được miễn chuẩn. Ông tán đồng giáo huấn của Thánh Phanxicô Salêsiô rằng: “Sự trọn lành của một linh hồn sống trong cộng đoàn phụ thuộc vào việc tuân giữ các quy luật”.

Một sự nhấn mạnh tương tự cũng được đặt vào việc tách biệt khỏi thế gian. Khi thuyết trình trước các chủng sinh, Tronson khuyến khích họ: “Hãy sống giữa thế gian mà không để bị thế gian làm cho hư hỏng, tựa như những mạch nước ngọt tuôn trào giữa lòng đại dương, chẳng hề bị vẩn đục bởi vị mặn hay những tạp chất của biển cả”. Ông nhắc nhở họ: “Hãy phụng sự Thiên Chúa, như thể trong thế gian này chẳng còn hiện hữu điều gì khác ngoài chính Thiên Chúa và bản thân các con vậy”.

Trong tác phẩm *Manuel du Séminariste* (CL 41.2, tr. 87tt.), Tronson đã mô tả cầu nguyện chiêm niệm như là “mặt trời của linh hồn chúng ta, là lương thực nuôi dưỡng linh hồn, là liều thuốc thanh tẩy những tạp chất của nó, là mạch nguồn cung cấp năng lượng, mà nếu thiếu đi, linh hồn sẽ không thể tồn tại”. Ông viết rằng một linh mục không thực hành chiêm niệm thì “giống như bầu trời thiếu đi Đấng Khởi nguyên, con tàu thiếu bánh lái, hay người lính thiếu vũ khí”.

Ông mô tả việc xét mình riêng-examen particular là “một trong những công cụ chủ yếu để đạt tới sự trọn lành ... một hạt giống thiêng liêng mà dù rất nhỏ bé, vẫn đơm hoa kết trái vô cùng phong phú”. Ông coi việc đọc sách thiêng liêng là một trong những bài tập quan trọng nhất trong chương trình tu học. Để xác định xem các chủng sinh có gặt hái được trọn vẹn lợi ích từ việc đọc sách hay không, ông khuyến khích họ tự đặt ra những câu hỏi: bạn đã đọc gì? tại sao lại đọc? đọc khi nào? và đọc như thế nào?

Giống như những vị tiền nhiệm của mình, Tronson coi việc linh hướng là điều hoàn toàn thiết yếu, bởi lẽ đời sống thiêng liêng “không thể được dẫn dắt bởi xác thịt và máu huyết”. Ông cho rằng việc linh hướng cần thiết cho đời sống thiêng liêng cũng tựa như bảng chữ cái cần thiết cho việc học đọc vậy. Linh hướng là một phần bắt buộc trong chương trình đào tạo tại Saint Sulpice, nhưng các vị linh hướng luôn được chỉ định dựa trên những phẩm chất cá nhân cũng như nhu cầu cụ thể của từng chủng sinh.

Sự ngờ vực đặc trưng đối với thân xác và các chức năng sinh học của nó cũng được thể hiện rõ nét trong

cuốn cẩm nang của Tronson. Khi đề cập đến chuyện ăn uống, ông nhận định rằng đây là một “hành vi đặc biệt thấp hèn, nặng tính trần thế và mang bản năng thú vật, nơi không hề có sự khác biệt nào giữa con người và loài vật”. Ông cũng lưu ý về mối nguy hiểm tiềm ẩn từ những tội lỗi do thiếu tiết độ trong ăn uống. Các chủng sinh được khuyên nhủ hãy dùng bữa theo tinh thần Kitô giáo; nghĩa là, “trước, trong và sau bữa ăn, họ cần duy trì những tâm tình của Chúa Giêsu Kitô, cụ thể là sự vâng phục, tiết độ, hãm mình, khiêm tốn và hy sinh”.

Về giấc ngủ, cuốn cẩm nang mô tả đây là “hành vi nặng tính trần thế nhất, thô thiển nhất và mang bản năng thú vật nhất trong tất cả mọi hành vi của chúng ta”. Đó là hành vi cuối cùng trong ngày, và thường cũng là hành vi cuối cùng trong cuộc đời mỗi người. Để đi ngủ với một tâm hồn thâm đắm tinh thần đạo hạnh, chủng sinh cần phải “coi chiếc giường như một cỗ quan tài, chần màn như tám vải liệm, và thân xác đang nằm duỗi thẳng kia như một thi hài đang phân hủy, vô tri, vô giác và hoàn toàn bất động”.

Để giữ sự cân bằng, Tronson nhận thức rằng một linh mục không chỉ phải là người giàu đức tin và đức hạnh, mà còn phải là một sinh viên và một người uyên bác. Một trong những châm ngôn tâm đắc của ông là: “Học vấn mà thiếu lòng đạo đức sẽ tạo nên một giáo sĩ kiêu ngạo; còn lòng đạo đức mà thiếu học vấn sẽ tạo nên một giáo sĩ vô dụng”. Ông khẳng định rằng tri thức là điều thiết yếu nếu linh mục muốn chu toàn vai trò của mình như một “người dẫn dắt dân chúng, một thầy thuốc chữa lành tâm hồn, một thẩm phán lương tâm,

một người canh giữ nhà và thành trì của Thiên Chúa, một sứ giả và đại diện cho sự uy nghi thần linh, một bậc thầy và người thầy cho muôn dân”.

Các chủng sinh được nhắc nhở rằng, trước khi trở thành một bậc thầy, người ta trước hết phải là một người môn đệ. Vì thế, cần phải chuyên cần học hỏi Thánh Kinh, các mầu nhiệm và tín điều đức tin, cũng như khoa thần học luân lý và thần học bí tích. Đồng thời, Tronson luôn nhấn mạnh rằng bổn phận học tập không hề miễn trừ cho nhu cầu cầu nguyện. Trong thang giá trị của ông, khoa học thánh chiếm vị trí ưu tiên hàng đầu; còn học vấn thế tục, dù không thể thiếu, vẫn chỉ giữ vị trí thứ yếu.

Ngoài cuốn cẩm nang dành cho chủng sinh và chuyên luận về đức vâng phục, Tronson còn biên soạn nhiều loạt bài suy niệm, bao gồm: “Về các Mầu nhiệm của Đức Kitô”, “Về đời sống Giáo sĩ”, “Về các kỳ Tĩnh tâm”, “Về đức Khiêm nhường”, “Về các chủ đề cho việc Xét mình riêng”, “Về Nội quy”, và “Về việc Giải trí của người Kitô hữu”.

Tronson lâm trọng bệnh lần đầu tiên vào năm 1687, nhưng đã hồi phục nhanh chóng nhờ sự chăm sóc của vị bác sĩ người Hà Lan lừng danh Adrien Helvetius, người sau này cũng chính là người đã kê đơn những phương thuốc tuy đau đớn nhưng hiệu nghiệm cho Gioan La San. Năm 1697, ở tuổi 75, Tronson lui về an dưỡng tại chủng viện ở Issy, nơi ông đã trút hơi thở cuối cùng ba năm sau đó.

Người kế nhiệm Tronson ở cương vị Bề trên Chủng viện Saint Sulpice là François Leschassier; ông đã dành những lời ca ngợi người tiền nhiệm của mình như sau:

Học vấn của ông vô cùng uyên bác; chẳng có điều gì cần phải được giảng dạy cho các giáo sĩ trong chủng viện mà ông lại không am tường. Trong những lĩnh vực ấy, ông thực sự là một bậc thầy. Đức hạnh của ông thật vững bền, đã trải qua nhiều thử thách, và luôn nhất quán. Điều thậm chí còn hiếm thấy hơn chính là thực tế rằng, trong suốt 40 năm, chúng tôi chưa từng bắt gặp bất kỳ dấu hiệu nào cho thấy sự khác biệt giữa lời nói và hành động của ông: quả thực có thể nói rằng ông đã thực hành đúng những gì mình rao giảng (CL 41.2, tr. 92).

Bất kỳ tác giả người Pháp nào, khi suy ngẫm về tầm ảnh hưởng của Tronson đối với Gioan La San, hẳn sẽ dễ cảm thấy muôn vạn dụng câu châm ngôn: *Cha nào, con nấy*.

Claude Bottu de La Barmondière (1635-1694)

Hai năm sau khi lấy bằng tiến sĩ thần học tại Sorbonne vào năm 1662, de La Barmondière gia nhập Hội Xuân Bích. Ông là một người thánh thiện, tử tế với người khác nhưng lại nghiêm khắc với chính mình. Một tác giả đã viết về ông rằng “ông thường xuyên ăn chay và thực hành khổ hạnh đến mức trông ông giống một người chết hơn là một sinh linh” (Grandet trong CL 41.2, tr. 96).

Luận án tiến sĩ của de La Barmondière là một sự bảo vệ mạnh mẽ cho sự bất khả ngộ của giáo hoàng, đi trước thời đại và không phải là một chủ đề đặc biệt phổ biến khi xét đến khuynh hướng Gallican (Pháp giáo)

của rất nhiều tiến sĩ của Sorbonne. Vào tháng 1 năm 1663, khi sắc lệnh của Tòa án Pháp được ban hành yêu cầu Đại học Paris phải giảng dạy và bảo vệ các miễn trừ của giáo hội Pháp, de La Barmondière đã bỏ phiếu chống lại việc chấp nhận nó.

Một trong những người ủng hộ thủ tướng đã báo cáo với thủ lĩnh của mình bằng những lời này:

Cha de La Barmondière, một thanh niên khoảng 30 tuổi, là cư dân tại Saint Sulpice và ông tuyên bố về lòng nhiệt thành nồng nhiệt thúc đẩy cộng đoàn đức hạnh đó. Nhưng lòng nhiệt thành này, khá mất kiểm soát, đã khiến ông phải biện hộ trước toàn thể Sorbonne một lý thuyết đáng ngạc nhiên. Ông nói rằng ông không thấy ai có thể bỏ phiếu chấp nhận sắc lệnh mà không phạm tội trọng.

Khi cha chính xứ Saint André cố gắng khiến ông thấy phán quyết này hấp tấp như thế nào, ông không nghe lời khuyên của người đàn ông thông thái và uyên bác này mà trả lời một cách giận dữ rằng cha chính xứ đã không đúng mực khi ngắt lời ông (CL 41.2, tr. 97).

Tại chủng viện, de La Barmondière nổi tiếng là một thầy giáo giỏi, hiểu biết, có phương pháp và sẵn sàng điều chỉnh các lớp học của mình theo khả năng của học sinh. Ông dạy các khóa thần học này tại chủng viện cho các chủng sinh không đến Sorbonne để lấy bằng thần học từ trường đại học. Có thể cho rằng những người này không nằm trong số các chủng sinh có năng khiếu trí tuệ hơn; họ chỉ quan tâm đến việc đáp ứng các yêu cầu học thuật tối thiểu để được thụ phong.

De La Barmondière đã giảng dạy các khóa học này lần đầu tiên khi còn là một tiến sĩ thần học trẻ vào năm

1664. Chu kỳ hai năm đầu tiên được coi là thành công đến mức Cha Bê trên de Bretonvilliers đã quyết định kéo dài chu kỳ thành ba năm.

Đối với những chủng sinh, giống như Gioan La San, đã tham gia các khóa học tại Sorbonne, thì chủng viện đã cung cấp một khóa học bổ sung về thần học được tổ chức ba lần một tuần. De La Barmondière đã giảng dạy khóa học này từ năm 1665 đến năm 1673, và có lẽ với tư cách này, ông đã có cậu học trò Gioan La San.

Nhiều năm sau, ngay sau khi ông tham gia với các thầy giáo tại Reims, thì Gioan La San sẽ trở lại Paris để tìm kiếm lời khuyên của người thầy cũ này và cũng của Cha Nicolas Barré nữa. Vấn đề mà ngài đang phải trăn trở với quyết định đau đớn là có nên từ chức kinh sĩ của mình hay không. Blain lưu ý trong mối liên hệ này rằng Gioan La San “coi Cha de La Barmondière và Cha Barré là hai người thánh thiện, hai trong số những tôi tá vĩ đại nhất của Thiên Chúa được tìm thấy tại Paris” (CL 7, tr. 211).

De La Barmondière được bổ nhiệm làm cha chính xứ Saint Sulpice vào năm 1686. Trong vòng hai năm, ông đã có thể thuyết phục Gioan La San giữ lời hứa lâu đời và đưa hai Sư huynh đến Paris để phụ trách trường học giáo xứ trên đường Princesse. Bị bệnh buộc phải từ chức cha chính xứ vào năm 1689, de La Barmondière tiếp tục làm cố vấn cho các hội viên Xuân Bích cho đến khi qua đời vào năm 1694.

Henri Baudrand (1637-1699)

Khi Gioan La San còn là chủng sinh tại Saint Sulpice, thì Cha Baudrand là một trong những người được giao nhiệm vụ linh hướng. Ông đã gia nhập Hội Xuân Bích vào năm 1663 và nhận bằng tiến sĩ Sorbonne vào năm 1666. Không có bằng chứng nào cho thấy ông có ảnh hưởng gì đến Gioan La San trong những năm ngài học tại chủng viện.

Năm 1675, Baudrand được bổ nhiệm làm bề trên của chủng viện Xuân Bích tại Clermont. Ông được triệu hồi về Saint Sulpice vào năm 1684 để trở thành một trong những vị linh hướng tại chủng viện. Năm 1689, chỉ một năm sau khi Gioan La San trở về Paris để tiếp quản trường giáo xứ Saint Sulpice, thì Cha Baudrand kế nhiệm Cha de La Barmondière làm cha chính xứ của giáo xứ.

Blain mô tả ấn tượng về cha chính xứ mới:

Vị linh mục mới cũng không kém phần vui mừng khi đến thăm các lớp học. Thấy được điều tốt đẹp đã đạt được, ông không thể kìm nén niềm vui; và ông cảm thấy quyết tâm mạnh mẽ hơn trong việc hỗ trợ và nhân rộng các trường học. Vào thời điểm này, ông quyết định mở một ngôi trường mới tại đường du Bac, gần Pont Royal. Ông đề xuất điều này với Gioan La San, người rất vui khi đồng ý với ý tưởng này. Quả vậy, chính Gioan La San là người đầu tiên nghĩ ra việc thành lập này và đã đề cập với de La Barmondière; nhưng ý tưởng này đã không được theo đuổi thêm nữa vào thời điểm đó. Ngôi trường mới này sẽ được mở vào đầu năm 1690. Baudrand rất vui mừng; vì ông sớm thấy trường đông học sinh và đạt được mọi kết quả tốt đẹp mà ông hy vọng (CL 7, tr. 296).

Tuy nhiên, chính sự phản đối của Baudrand đã thúc đẩy Gioan La San viết chuyên luận nổi tiếng của mình để bảo vệ tu phục đặc biệt của các Sư huynh, tác phẩm gốc lâu đời nhất của Đấng Lập Dòng do chính tay ngài viết vẫn còn tồn tại. Blain viết:

Chúng tôi buộc lòng phải nêu rõ mọi thứ như chúng vốn có. Người mà Gioan La San phải phản biện là một người được kính trọng tại Paris và được đánh giá cao. Người này không hài lòng khi thấy tu phục của các Sư huynh có vẻ khác thường vào thời đó và khiến họ bị người bình dân trêu chọc và người thế tục chế giễu. Ông sợ rằng sự thiếu tôn trọng này đối với các Sư huynh có thể sẽ lan sang cả thừa tác vụ của họ. ...

Vì vậy, Baudrand, với tư cách là cha chính xứ của giáo xứ nơi có các trường Kitô giáo, là người bảo vệ và ân nhân của họ, và là vị linh hướng của người Tôi tá của Thiên Chúa, cảm thấy rằng ông có quyền áp đặt sự thay đổi này và yêu cầu hành động phục tùng và hạ mình này từ Gioan La San. Ông muốn các Sư huynh chấp nhận chiếc áo choàng và tu phục giáo sĩ lâu đời. ... Không nghi ngờ gì nữa, Baudrand, người chỉ mong muốn những gì tốt nhất, người yêu mến Gioan La San và thực sự quan tâm đến công việc của ngài, sẽ hiểu lý do của ông và chấp nhận chúng. Một lần nữa, Người Tôi tá của Thiên Chúa lại cầm bút, nêu đầy đủ và rõ ràng những lý do đã thúc đẩy ngài trao cho các Sư huynh chiếc tu phục đặc biệt của họ (CL 7, tr. 299).

Mặc dù có nhiều vấn đề và khác biệt về quan điểm, Baudrand vẫn là người giải tội và là linh hướng cho Gioan La San trong suốt giai đoạn khó khăn đó. Nói về khoảnh khắc đó trong cuộc đời của Đấng Lập Dòng,

Maillefer nói rằng “Gioan La San biết Cha Baudrand là người đức hạnh như thế nào và ngài rất tôn trọng ông ấy; và “biết ông ấy hơn bất kỳ ai vì ông ấy là người giải tội cho ngài” (CL 6, tr. 89).

Bị liệt và thấp khớp, Baudrand phải nghỉ hưu chỉ sau bảy năm làm cha chính xứ. Ông qua đời một cách rất kỳ lạ vào năm 1699. Được đưa vào căn phòng của một nhà máy rượu nơi nho đang lên men với hy vọng rằng không khí hơi nước sẽ làm dịu cơn thấp khớp của mình, ông đã bị ngạt khói và chết ngạt khi đang cố gắng thoát ra khỏi cánh cửa.

Jean-Jacques Bäüyn (1641-1696)

Sinh tại Basel ở Thụy Sĩ, Jean-Jacques Bäüyn được nuôi dưỡng và giáo dục theo đạo Tin lành. Khi ông còn nhỏ, anh của ông đã đến Paris, cải đạo sang Công giáo, vào chủng viện Saint Sulpice và được thụ phong linh mục Công giáo. Quá đau khổ vì sự cải đạo này, người cha đã gửi Jean-Jacques trẻ tuổi đến Paris để cố gắng thuyết phục anh của mình từ bỏ Công giáo. Thay vào đó, chính Jean-Jacques đã được một linh mục Dòng Oratory (do thánh Philipphê Nêri lập) cải đạo. Năm 1663, ông cũng vào Saint Sulpice và năm 1676, sau nhiều do dự, ông đã được chấp nhận vào Hội.

Sự cải đạo của ông là triệt để và hoàn toàn. Vì vậy, khi ông thừa kế một khoản tiền lớn sau cái chết của cha mình, ông đã tặng toàn bộ số tiền đó cho người nghèo. Ông bắt đầu quan tâm đến hoạt động truyền giáo của

Giáo hội và trở nên nổi tiếng vì lòng nhiệt thành của mình đối với việc cải đạo những người Tin lành.

Baüyn không phải là một sinh viên đặc biệt xuất sắc. Ông xếp hạng 79 trong số 93 ứng viên cho bằng cử nhân thần học vào năm 1676. Ông không bao giờ tiếp tục hoàn thành các yêu cầu tối thiểu để lấy bằng tiến sĩ. Ngược lại, ông có những đặc ân thiêng liêng và danh tiếng về sự thánh thiện tuyệt vời. Các tài liệu trong văn khố của Hội Xuân Bích nói lên “tình yêu lớn lao của ông dành cho Thiên Chúa” và “tình yêu vô hạn của ông dành cho người thân cận”; ông đã thực hành “sự hành xác khắc khổ” và được ghi nhận vì “sự khiêm nhường sâu sắc” của mình.

Đồng thời, các nguồn tư liệu cũng nhấn mạnh rằng Baüyn không phải là một người u sầu. Các ghi chép cho thấy các chủng sinh trẻ tuổi “rất thích được ở bên cạnh ông”, và rằng “để giúp họ vui lên, ông luôn có sẵn những câu chuyện thú vị để kể cho họ nghe, những câu chuyện mà đồng thời cũng hàm chứa một bài học hữu ích” (CL 41.2, tr. 362).

Năm 1672, Baüyn được Cha Tronson bổ nhiệm phụ trách chương trình giáo lý cho trẻ em tại giáo xứ Saint Sulpice. Ông đã tổ chức mọi thứ rất tốt đến nỗi chỉ trong một thời gian ngắn, chương trình đã đi vào nền tảng vững chắc và hoạt động trơn tru. Chương trình rất được các bé trai và bé gái lớn tuổi trong giáo xứ ưa chuộng, những người thích các bài học giáo lý hơn là các bài giảng vào Chúa Nhật tại nhà thờ giáo xứ. Chương trình đã trở thành một truyền thống lâu đời vào thời điểm Gioan La San tiếp quản trường giáo xứ vào năm 1688.

Theo thời gian, Bäüyn tham gia vào Cộng đoàn các Giáo sĩ Nghèo do Antoine Brenier thành lập vào năm 1687. Mặc dù Bäüyn cũng là bề trên của tiểu chủng viện, ông vẫn sẵn lòng đóng góp cho phúc lợi tinh thần và vật chất của khoảng 15 chủng sinh nghèo, những người mà nếu không có sự giúp đỡ của ông thì sự nghèo đói sẽ khiến họ không thể học lên chức linh mục. Khi Brenier được chuyển đến Angers vào năm 1695, Cha Bäüyn đã tiếp quản toàn bộ việc chỉ đạo Cộng đoàn các Giáo sĩ Nghèo.

Trong cùng thời gian này, từ năm 1691 đến năm 1695, khi Gioan La San đang củng cố Hội dòng non trẻ của mình tại Vaugirard, thì Bäüyn đã phục vụ với tư cách là linh hướng của ngài. Hai người thường xuyên liên lạc với nhau như Blain kể lại:

Bäüyn, linh hướng nổi tiếng, người có đức tính cao cả đã làm rạn vỡ chủng viện Saint Sulpice, cũng thỉnh thoảng đến thăm “Bethlehem” của Vaugirard và trò chuyện với vị Bề trên của chúng; nhưng trước khi đến thăm, ông luôn cẩn thận hỏi thăm xem ngài có đang cầu nguyện hay đang tham gia một số hoạt động đòi hỏi sự có mặt của ngài hay không. Nếu đúng như vậy, ông không cho phép bất kỳ ai thông báo cho Gioan La San về sự xuất hiện của mình và chỉ hỏi thăm sức khỏe của ngài. ... Nếu được bảo rằng Gioan La San có thể dễ dàng bỏ dở việc mình đang làm, thì ông sẽ đi vào vườn và quỳ gối chờ đệ tử mình ở đó; vì chính ông là người mà Đấng Lập Dòng ngoan đạo đã chọn làm cha linh hướng thay cho Tronson. Vì cộng đoàn của các Sư huynh tại Vaugirard không xa ngôi nhà ở nông thôn thuộc chủng viện Saint Sulpice, tọa lạc tại

khu vực lân cận, nên Gioan La San đôi khi đến đó để tham khảo ý kiến của Bäüyn, bề trên của cơ sở này, thay thế Brenier, người lúc đó đang cư trú tại Angers (CL 7, tr. 330).

Blain mô tả một câu chuyện vào mùa hè năm 1695 khi hai linh mục tập hợp cộng đoàn của họ lại với nhau:

Một lần, trong cùng những ngày lễ đó, các giáo sĩ của tiểu chủng viện Saint Sulpice và các Sư huynh đã thấy hai bề trên của họ lần lượt cử hành các bí tích thánh thiêng. Sự kiện này diễn ra vào ngày lễ của Thánh Lambert, vị thánh bốn mạng của giáo xứ Vaugirard. Minh Thánh Chúa đã được đặt ra. Bäüyn đã đưa cộng đoàn của mình đến đó để tham dự Thánh lễ, và Gioan La San cũng đã làm như vậy với nhóm của mình. ... Bäüyn đã cử hành Thánh lễ trước và trao Minh Thánh cho các chủng sinh của mình. ... Gioan La San đã cử hành Thánh lễ theo lượt của mình và trao Minh Thánh cho những người theo mình. ... Khi nhìn thấy hai vị linh mục thánh thiện này, người ta có thể nghĩ rằng mình đã nhìn thấy hai thiên thần (CL 8, tr. 104).

Ngay sau sự việc này, sức khỏe của Cha Bäüyn đã suy yếu và ông đã qua đời vào ngày 19 tháng 3 năm 1696. Trong một lá thư được viết vài ngày sau đó và gửi cho một trong những linh mục dưới sự chỉ đạo của mình, Cha Tronson đã viết như sau: “Cha không nên quên những gì chúng ta nợ Cha Bäüyn đáng kính đã khuất của chúng ta. Một trong những điều cuối cùng ông nói là ông có thể chết trong thanh thân vì ông luôn sống trong sự vâng lời. Đó là mong muốn của tôi dành cho Cha, rằng một ngày nào đó Cha sẽ chết như ông đã

chết sau khi đã sống như ông đã sống” (CL 41.2, tr. 364tt.).

François Leschassier (1641-1725)

Sinh ra tại Paris trong gia đình có cha mẹ được xếp vào hàng quý tộc “của áo choàng”, ông vào chủng viện Saint Sulpice năm 1660. Ông gia nhập Hội Xuân Bích năm năm sau đó và nhận bằng tiến sĩ thần học năm 1668, xếp hạng 7 trong số 78 ứng viên. Trong nhiều năm, ông đã đảm nhiệm nhiều chức năng khác nhau cho Hội Xuân Bích, bao gồm quản lý tài chính, làm cố vấn cho Bề trên Tổng quyền và làm vị linh hướng cho cộng đoàn các linh mục.

Vào năm 1700, Leschassier được bầu để kế nhiệm Cha Tronson làm Bề trên Tổng quyền của Hội Xuân Bích. Thách đố lớn nhất mà ông gặp phải trong nhiệm kỳ tổng quyền của mình là duy trì tính chính thống giáo lý nghiêm ngặt của các tổ chức Xuân Bích trước khuynh hướng Jansen của Đức Hồng y Noailles, Tổng Giám mục Paris. Leschassier qua đời năm 1725 ở tuổi 84.

Không có bằng chứng nào cho thấy Gioan La San có bất kỳ liên hệ đáng kể nào với Leschassier trong thời gian ngài ở chủng viện. Ngay cả sau đó, khi Gioan La San phải đối phó với Cha De La Chétardie, người kế nhiệm Baudrand làm cha chính xứ của giáo xứ và là “kẻ thù bí mật” của Gioan La San, như Blain gọi ông, thì có vẻ như Leschassier trong vai trò Bề trên đã không tham gia vào những tranh chấp này.

Chỉ sau khi Gioan La San qua đời, Huynh Jean, Phụ quyền của Huynh Barthélemy và Timothée, mới viết thư cho Leschassier yêu cầu cung cấp bất kỳ thông tin nào mà ông có thể cung cấp về cuộc đời và tính cách của Đấng Sáng Lập Dòng các Sư huynh.

Leschassier đã trả lời một cách tử tế. Ông đã cung cấp từ hồ sơ chủng viện (bằng tiếng Latinh) ngày nhập học (18 tháng 10 năm 1670) và ngày rời đi (19 tháng 4 năm 1672). Sau đó, bằng tiếng Pháp và do chính tay ông viết thêm những điều sau:

Trước hết, ngài là người tuân thủ trung thành các quy tắc và tuân thủ chính xác các bài tập của cộng đoàn. Ngài dường như rất nhanh chóng tách biệt khỏi thế gian, thậm chí còn hơn cả khi ngài mới đến. Cuộc trò chuyện của ngài luôn dễ chịu và thẳng thắn. Với tôi, có vẻ như ngài không bao giờ làm mất lòng bất kỳ ai và ngài cũng không làm bất cứ điều gì để tự trách mình.

Khi ngài trở lại Paris, tôi nhận thấy ngài đã tiến bộ rất nhiều trong mọi nhân đức. Tất cả những ai từng biết ngài đều thấy bằng chứng về điều này trong mọi hành vi của ngài, trên hết là sự kiên nhẫn mà ngài chịu đựng những cuộc tấn công nhắm vào con người ngài và những thất bại mà ngài phải chịu đựng (CL 41.2, tr. 269).

Lời chứng này của vị Bề trên Tổng quyền Hội Xuân Bích thứ tư là dấu hiệu cho thấy sự kính trọng cao mà Gioan La San được dành cho chủng viện. Blain trích dẫn lời các Sư huynh để chứng minh rằng Đấng Sáng Lập Dòng của họ cũng coi trọng chủng viện như vậy:

“Có thể nói rằng khi nói đến uy tín của Chứng viện Saint Sulpice”, thì những người con tinh thần của Gioan La San, những người thường xuyên nghe ngài bày tỏ những suy nghĩ thâm sâu nhất của mình về chủ đề này và lắng nghe lời khen ngợi mà ngài dành cho tổ chức vĩ đại này, “rằng ở đó ngài đã có được sinh khí của Thiên Chúa, rằng từ Saint Sulpice, ngài đã học được những đức tính mà trong suốt cuộc đời ngài đã tỏa sáng rực rỡ như vậy. Ngài luôn yêu thích ngôi trường đào tạo dành cho những người làm việc phúc âm hóa đó và không bao giờ nói về nó ngoại trừ những lời bày tỏ lòng kính trọng và tôn trọng nồng nhiệt nhất” (CL 7, tr. 17).

Không có cách nào tốt hơn để kết thúc nghiên cứu này về những năm tháng mà Gioan La San đã trải qua với tư cách là một chủng sinh tại Saint Sulpice tại Paris hơn là bằng hai lời chứng vừa trích dẫn: một là về chủng viện dành cho chủng sinh, hai là về chủng sinh dành cho chủng viện.

5 Linh Mục

Khi Gioan La San vào chủng viện Saint Sulpice năm 1670, ngài đã thực hiện một số bước chuẩn bị để trở thành linh mục mà ngày nay chỉ được phép trong khuôn khổ của một chủng viện. Ngài đã được cạo tóc khi chưa đầy 11 tuổi, được tấn phong làm kinh sĩ tại nhà thờ chính tòa Reims khi mới 16 tuổi, và một năm sau vào năm 1668, ngài đã nhận được bốn chức thánh nhỏ là gác cổng, đọc sách, trừ tà và giúp lễ. Hoàn cảnh và ý nghĩa của những sự kiện này đã được mô tả trong một chương trước.

Trong 18 tháng là chủng sinh tại Paris và học thần học tại Sorbonne, Gioan La San không thực hiện thêm bất kỳ bước chuẩn bị nào để trở thành linh mục ngoại trừ việc theo các khóa học và hưởng lợi từ chương trình đào tạo được cung cấp tại chủng viện. Cả Blain và Maillefer, những người viết tiểu sử ban đầu của ngài, đều chỉ ra rằng ngài đang cân nhắc việc thụ phong phụ phó tế khi ngài biết tin mẹ mình qua đời vào tháng 7 năm 1671.

Các Quyết định về Ôn gọi

Chưa đầy chín tháng sau, trong kỳ tĩnh tâm Tuần Thánh tại chủng viện, ngài biết được rằng cha mình đã

qua đời vào ngày 9 tháng 4 sau một thời gian ngắn lâm bệnh. Chắc hẳn đó là một trải nghiệm đau thương đối với chàng trai trẻ Gioan La San khi mọi kế hoạch của mình hoàn toàn bị phá vỡ, khi khả năng tiếp tục theo đuổi chức linh mục bị đặt vào vòng nghi ngờ.

Việc ngài rời khỏi chủng viện Paris là điều tốt đẹp. Maillefer mô tả điều đó bằng những lời sau:

Sau đó, cậu quyết định rời Paris, sau khi chỉ ở Saint Sulpice trong 18 tháng, để trở về Reims. Sự hiện diện của cậu là cần thiết ở nhà trong hoàn cảnh này. Cậu chỉ mới 21 tuổi khi đảm nhiệm việc quản lý biệt thự gia đình và việc giáo dục những người em mồ côi của mình, chưa kể đến việc chăm sóc công việc của gia đình. Trong mọi ý nghĩ này, ngài đều theo ý Chúa, Đấng sắp đặt mọi sự, và chính ngài đã phục tùng điều đó (CL 6, tr. 21).

Lời kể ngắn gọn này đã bỏ qua những trách nhiệm phức tạp đột nhiên được giao cho vị kinh sĩ trẻ. Trước hết, ngài được nêu tên trong di chúc của người cha là người thi hành di chúc và do đó phải đảm bảo việc phân chia công bằng tài sản thừa kế của gia đình. Bây giờ, ngài phải thu thập và quản lý doanh thu từ các khoản đầu tư và tài sản sở hữu của gia đình. Mặc dù về mặt pháp lý, ngài vẫn là trẻ vị thành niên – độ tuổi trưởng thành vào thời điểm đó là 25 – nhưng ngài đã đảm nhận quyền giám hộ hợp pháp đối với bốn em trai và hai em gái của mình. Ngài không chỉ phải lo cho việc học hành của họ mà còn phải lo cho những nhu cầu thiết yếu của cuộc sống hằng ngày và những thú vui nhỏ mà gia đình đã quen.

Người ta có thể dễ dàng cho rằng trong hoàn cảnh đó, Gioan La San đã phải vật lộn với một cuộc khủng hoảng ơn gọi. Ngay cả về mặt tôn giáo, ngài cũng có thể có xu hướng coi những sự kiện này là dấu hiệu cho thấy Thiên Chúa đang dẫn dắt ngài theo một con đường khác. Các nhà viết tiểu sử đương thời của ngài cũng như các tác giả gần đây hơn có xu hướng nhấn mạnh điểm này. Tuy nhiên, bằng chứng tài liệu dường như chỉ ra rằng ngài đã không trì hoãn việc thực hiện các biện pháp để giữ cho khả năng trở thành linh mục là một lựa chọn khả thi.

Không còn nghi ngờ gì nữa, với suy nghĩ này, ngài đã quyết định ngay lập tức tiếp tục các khóa học thần học mà ngài đã bắt đầu vào mùa thu năm trước. Bằng cách đó, ngài sẽ ít nhất hoàn thành năm học, năm thứ ba về thần học. Vì không thể quay lại Sorbonne, ngài đã đăng ký một lần nữa vào khoa thần học tại Reims. Khóa học đang diễn ra khi đó do Cha Daniel Egan giảng dạy.

Thụ phong Phụ Phó tế (Thầy Năm - Subdeacon)

Hoàn thành các yêu cầu cơ bản trong ba năm học thần học là một chuyện; thì việc thụ phong phụ phó tế lại là một chuyện khác. Điều này luôn được coi là một bước tiến lớn và mang tính quyết định hướng tới chức linh mục, một điểm không thể quay lại. Chức phụ phó tế khi đó cũng như ngày nay vẫn vậy, bao gồm nghĩa vụ đọc thân, vâng lời giám mục và đọc Kinh Nhật tụng hằng ngày. Gioan La San sẽ không đưa ra quyết định

như vậy một cách dễ dàng, cũng không tự mình đưa ra quyết định. Blain kể với chúng ta:

Cuối cùng, ngài đã quen với việc thực hành của Hội Xuân Bích là không làm bất cứ điều gì nếu không được phép và thánh hóa những hành động nhỏ nhất bằng cách thực hiện chúng thông qua sự vâng lời; do đó, ngài cẩn thận không tiến hành một vấn đề có tầm quan trọng tối cao như vậy theo sáng kiến của riêng mình. Trần đầy những niềm tin này, nhưng không còn là chủng sinh nữa, ngài đã tìm kiếm một người thẩm nhuần tinh thần của chủng viện Saint Sulpice để trở thành vị linh hướng của mình. Ngài đã tìm thấy một người như vậy nơi Nicolas Roland, một kinh sĩ giống như ngài và là một nhà thần học của kinh sĩ đoàn nhà thờ chính tòa (CL 7, tr. 128).

Maillefer kể với chúng ta kết quả của cuộc tham vấn:

Gioan La San, được hướng dẫn bởi vị linh hướng này, đã quyết định vượt qua sự do dự của chính mình. Ngài được khuyên nên nhận các chức thánh càng sớm càng tốt. Vì chức thánh không được trao tại Reims, nên ngài đã rời đi vào tháng 6 năm 1672 đến Laon, nhưng vì lễ truyền chức không được tổ chức ở đó nên ngài đã đến Noyen, và từ đó đến Cambrai, nơi ngài đã nhận bốn chức thánh nhỏ và chức phụ phó tế vào lễ Hiện Xuống (CL 6, tr. 23).

Về vấn đề này, cả Blain và Maillefer đều sai lầm về việc nhận các chức thánh nhỏ. Như chúng ta đã thấy trong một chương trước, Gioan La San đã nhận các chức thánh nhỏ từ tay Giám mục Soissons tại tòa tổng giám mục Reims vào ngày lễ Thánh Patrick năm 1668.

Một tài liệu chứng thực sự kiện này đã được đệ trình lên Bộ Nghi lễ vào năm 1835 như một phần của quá trình phong thánh. Hơn nữa, trong hồ sơ nhân sự của Saint Sulpice, Gioan La San được liệt kê là một chủng sinh với các chức danh là kinh sĩ và lễ sinh (CL 41.2, tr. 268).

Các lời kể của Blain và Maillefer được hỗ trợ bằng một loạt các tài liệu do Huynh Léon Aroz công bố trong *Cahiers lasalliens* (CL 41.2). Từ các nguồn này, rõ ràng là sau khi nhận được “thư ủy nhiệm” từ cả vị tổng đại diện của Tổng Giáo phận Reims lẫn từ vị niên trưởng của các kinh sĩ nhà thờ chính tòa, Gioan La San đã trình diện để thụ phong với Tổng Giám mục Cambrai, Ladislas Jonnart. Buổi lễ diễn ra tại Cambrai trong nhà nguyện của tòa tổng giám mục vào thứ Bảy của tuần chay ba ngày sau Lễ Hiện Xuống, vọng Chúa Nhật Chúa Ba Ngôi, ngày 11 tháng 6 năm 1672.

Do tầm quan trọng về mặt giáo luật và biểu tượng của chức phụ phó tế, ngày tháng của các tài liệu này đáng được chú ý. Các lá thư ủy nhiệm, dọn đường cho việc thụ phong bên ngoài giáo phận quê hương, đã được ban hành tại Reims vào ngày 24 tháng 5 và ngày 27 tháng 5 năm 1672, chỉ hơn một tháng sau khi Gioan La San trở về Reims sau cái chết của cha mình. Việc thụ phong phụ phó tế diễn ra sau đó hai tuần.

Điều này đặt ra câu hỏi về việc Gioan La San cảm thấy do dự đến mức nào, nếu có, khi thực hiện bước đi quyết định hướng tới chức linh mục như vậy. Một phần lý do khiến việc di chuyển nhanh như vậy có thể là do áp lực về thời gian. Nếu ngài trì hoãn, có lẽ ngài sẽ phải đợi cả năm trước khi được thụ phong, theo thông

lệ chỉ được lên lịch mỗi năm một lần trong tuần bát nhật Lễ Hiện Xuống. Roland có thể đã khuyên ngài không nên để cả năm trôi qua mà không cam kết chắc chắn với ơn gọi linh mục của mình, bất chấp những lời bàn tán về những nhiệm vụ nặng nề và gây mất tập trung do trách nhiệm của ngài đối với gia đình.

Liên quan đến vấn đề này, có thể lưu ý rằng Huynh Bernard, người đầu tiên trong số những người viết tiểu sử của Gioan La San, đã ghi sai sự thật. Nói về chủng viện Saint Sulpice, Huynh nói: “Chính tại ngôi nhà của Chúa đó, ngài đã hiến mình để phục vụ Chúa bằng cách nhận chức phụ phó tế”. Sau đó, Bernard bắt đầu chương tiếp theo của mình: “Người phụ phó tế nhiệt thành của chúng ta đã trở về Reims, nhưng ngay sau đó lại rời đi Cambrai ... vì tòa giám mục chính tòa Reims vẫn còn trống. Ở đó, ngài đã nhận chức phó tế” (CL 4, tr. 12).

Có ba lỗi ở đây. Gioan La San được thụ phong phụ phó tế không phải ở Saint Sulpice mà ở Cambrai. Tòa giám mục Reims không bỏ trống vào thời điểm đó, vì Charles-Maurice Le Tellier đã trở thành Tổng Giám mục vào năm 1671. Gioan La San nhận chức phụ phó tế chứ không phải chức phó tế tại Cambrai.

Trong khi Gioan La San đang chuẩn bị cho việc thụ phong phụ phó tế, ngài cũng bận rộn tiếp quản việc quản lý gia đình de La Salle và chăm sóc hai em gái và bốn em trai của mình. Em gái út của ngài, Rose-Marie, trước đó vào năm 1672 đã được các nữ tu dòng Thánh Augustinô chấp nhận làm ứng sinh tại đan viện Saint-Etienne-les-Dames tại Reims. Khi đó cô mới 16 tuổi. Sau đó, vào ngày 24 tháng 6, chỉ hai tuần sau khi

Gioan La San được thụ phong phụ phó tế, thì cô em gái Marie, đã đến sống với bà ngoại Perrette Lespagnol, góa phụ của Jean Moët de Brouillet, người đã mất năm 1670. Cô đã đem theo mình người em trai út của họ, Jean-Rémy, lúc đó chưa đầy hai tuổi.

Điều này khiến Gioan La San chỉ còn lại ba người em trai để chăm sóc trong biệt thự trên đường Sainte-Marguerite: Jacques-Joseph, 13 tuổi; Jean-Louis, 8 tuổi; và Pierre, 6 tuổi. Nhưng Gioan La San vẫn là người giám hộ hợp pháp chịu trách nhiệm cho ba người em sống xa nhà. Trong khi đó, cho đến tháng 8 năm 1672, ngài vẫn tiếp tục theo học các khóa thần học của Daniel Egan tại Đại học Reims để hoàn thành năm học đã bị gián đoạn do cái chết của cha mình.

Tiếp tục học Thần học

Sự gián đoạn kéo dài duy nhất trong việc học thần học của Gioan La San xảy ra vào năm học 1672-1673. Mặc dù ngài không quay lại trường đại học vào năm đó, nhưng có một số manh mối cho thấy ngài đang chuẩn bị tiếp tục việc học của mình rất sớm. Vào tháng 12 năm 1672, ngài đã yêu cầu những bạn học cũ của mình tại Sorbonne cấp các chứng chỉ, được đề cập trong chương trước, để chứng minh rằng ngài đã thường xuyên tham dự các khóa học thần học tại Sorbonne từ tháng 10 năm 1671 đến tháng 4 năm 1672. Sau đó, vào tháng 7 năm 1673, ngài đã nhận được từ Daniel Egan một chứng chỉ ghi nhận sự thật rằng ngài đã hoàn thành

phần còn lại của các khóa học tại Reims từ tháng 4 đến tháng 10 năm 1672.

Có lẽ tại thời điểm này, cần cung cấp một phác thảo hoặc tổng quan về toàn bộ quá trình học thần học của Gioan La San. Điều này có thể giúp người đọc dễ dàng theo dõi mối liên hệ giữa những gì tiếp theo và những gì đã diễn ra trước đó. Ngoài ra, xét đến sự xâm nhập thường xuyên của các vấn đề phi học thuật vào cuộc sống của Gioan La San trong giai đoạn này, nếu không thì thật khó để hiểu được làm thế nào nền giáo dục thần học của ngài có thể thống nhất hoặc nhất quán. Sự tái thiết tốt nhất có thể dựa trên bằng chứng tài liệu như sau:

- 1669-1670: Thần học năm thứ nhất tại Reims
- 1670-1671: Thần học năm thứ hai tại Sorbonne
- 1671-1672: Thần học năm thứ ba tại Sorbonne (bị gián đoạn vào tháng 4 năm 1672)
- 1672 (tháng 4-tháng 8): Hoàn thành thần học năm thứ ba tại Reims
- 1672-1673: Bị gián đoạn
- 1673-1674: Triết học nâng cao năm thứ nhất tại Reims
- 1674-1675: Triết học nâng cao năm thứ hai tại Reims
- 1675 (tháng 8): Cử nhân Thần học Thánh (Bachelor of Sacred Theology – STB)
- 1676: Chương trình năm thứ nhất cho cấp bằng cử nhân tại Reims
- 1677: Chương trình năm thứ hai cho cấp bằng cử nhân tại Reims

1678 (tháng 1): Cử nhân Thần học Thánh (Licentiate in Sacred Theology – STL)

1680 (?): Tiến sĩ Thần học Thánh (Doctor of Sacred Theology – STD)

Một phác thảo song song có thể giúp theo dõi Gioan La San trong các bước chính thức mà ngài đã thực hiện để trở thành linh mục:

Ngày 11 tháng 3 năm 1661: Cạo tóc tại Reims (GLS 10 tuổi)

Ngày 7 tháng 1 năm 1667: Kinh sĩ nhà thờ chính tòa Reims (GLS 16 tuổi)

Ngày 17 tháng 3 năm 1668: Các chức thánh nhỏ tại Reims (GLS 17 tuổi)

Ngày 11 tháng 6 năm 1672: Thụ phong phụ phó tế tại Cambrai (GLS 21 tuổi)

Ngày 21 tháng 3 năm 1676: Thụ phong phó tế tại Paris (GLS 25 tuổi)

Ngày 9 tháng 4 năm 1678: Thụ phong linh mục tại Reims (GLS 27 tuổi)

Cử nhân Thần học (Bachelor of Sacred Theology – STB)

Được trang bị các tài liệu cần thiết, Gioan La San đã sẵn sàng vào tháng 10 năm 1673 để tiếp tục việc học của mình với mục đích hoàn thành các yêu cầu để lấy bằng Cử nhân Thần học STB. Điều khiến các học giả ngày nay thấy khá lạ là yêu cầu phải học hai năm triết học nâng cao sau ba năm thần học. Điều này dường

như chỉ ra bản chất cơ bản của các khóa học trong hai năm đầu tiên của triết học và ba năm của thần học. Rõ ràng, việc bổ sung thêm kiến thức nền tảng về triết học nâng cao hơn được coi là sự chuẩn bị cần thiết cho chương trình học thần học nâng cao bắt buộc đối với bằng cấp tiếp theo, tức là bằng cử nhân STL.

Không có tài liệu nào được tìm thấy cung cấp thông tin chính xác về nội dung của các khóa học triết học nâng cao mà Gioan La San đã theo học từ tháng 10 năm 1673 đến tháng 8 năm 1675. Tất cả các hồ sơ về các khóa học như vậy tại các tổ chức tương tự đều cho thấy tài liệu khóa học phụ thuộc rất nhiều vào Aristotle. Quả vậy, không rõ là có bao nhiêu thời gian dành cho việc hướng dẫn chính thức và bao nhiêu thời gian dành cho việc học tập có định hướng cá nhân. Ở mọi giai đoạn của chương trình, đều có thời gian đáng kể dành cho các bài tập tranh luận học thuật và tranh luận chính thức.

Vào tháng 8 năm 1675, Gioan La San đã sẵn sàng trình diện để tham dự kỳ thi lấy bằng cử nhân Thần học STB. Theo quy chế, ba giám khảo được chỉ định để xác minh tư cách của ngài dựa trên địa vị giáo sĩ, chứng nhận rằng ngài đã hoàn thành ba năm thần học và hai năm triết học nâng cao, và thư giới thiệu từ các giáo sư của ngài.

Kỳ thi cuối kỳ, được gọi là *Tentative*, là kỳ thi công khai và vấn đáp. Kỳ thi có thể kéo dài tới bốn giờ. Kỳ thi bắt đầu bằng phần trình bày của ứng viên về một số luận án trong lĩnh vực thần học giáo điều lấy từ *Book of Sentences* của Peter Lombard. Sau đó, cả giáo sư lẫn các sinh viên thần học cao cấp hơn sẽ đưa ra phản biện

đối với luận án. Ứng viên sẽ được đánh giá dựa trên sự thành thạo về tài liệu, khả năng kết nối luận án với các khía cạnh liên quan của lĩnh vực thần học và khả năng phản hồi các phản biện bằng các kỹ năng biện chứng phù hợp với lý luận triết học và thần học.

Vào cuối kỳ thi, tất cả những người đã tham gia sẽ bỏ phiếu kín bằng văn bản. Ứng viên trúng tuyển, như trường hợp của Gioan La San, sau đó sẽ được trao bằng Cử nhân Thần học STB. Tính đến tháng 8 năm 1675, Gioan La San có thể thêm danh hiệu này vào danh hiệu kinh sĩ và phụ phó tế khi được yêu cầu chính thức xác định danh tính của mình.

Gioan La San có thể đã chấm dứt việc học thần học của mình tại thời điểm này vì ngài đã hoàn thành nhiều hơn yêu cầu để được thụ phong linh mục. Tuy nhiên, ngài quyết định tiếp tục mà không bị gián đoạn để đáp ứng các yêu cầu của bằng cử nhân STL. Tất nhiên, việc sở hữu các bằng cấp học thuật về thần học có rất nhiều uy tín và chúng chắc chắn nâng cao triển vọng thăng tiến lên các cấp bậc cao trong giáo hội. thật có lý khi nghĩ rằng vào thời điểm này Gioan La San không hoàn toàn loại trừ khả năng đó.

Vì chương trình của bằng cử nhân STL là khóa học kéo dài hai năm được tính theo năm dương lịch, nên Gioan La San sẽ phải tự nộp đơn xin nhập học trước ngày 1 tháng 1 năm 1676. Để được chấp nhận, ngài phải trải qua một kỳ thi vấn đáp khác do ba giáo sư thực hiện để chứng minh năng lực của mình trong các lĩnh vực thần học lịch sử, thần học suy đoán, lịch sử giáo hội và Kinh thánh.

Một lần nữa, không có nhiều thông tin về nội dung chính xác của chương trình học trong khoảng thời gian hai năm này. Mỗi ứng viên phải chuẩn bị ba luận án: một về thần học giáo lý, một về thần học luân lý và một về một chủ đề thần học gây tranh cãi. Những luận án này không phải là các dự án nghiên cứu theo nghĩa hiện đại của từ này, cũng không được viết ra hoặc xuất bản. Trọng tâm là nắm vững chủ đề một cách kỹ lưỡng để chuẩn bị cho một cuộc bảo vệ miệng chuyên sâu. Thật thú vị khi biết Gioan La San đã chọn bảo vệ những chủ đề nào. Thật không may, không có gì trong các tài liệu còn sót lại để cung cấp ngay cả một manh mối.

Và nếu có thì rõ ràng là không có nhiều khóa học liên quan đến chương trình cấp bằng STL. Các ứng viên tự chuẩn bị phần lớn bằng cách tự học dưới sự giám sát của các giáo sư. Ngoài ra, họ được yêu cầu tham gia vào các cuộc tranh luận thần học công khai thường xuyên; các ứng viên cấp bằng được yêu cầu cụ thể là đưa ra những thách đố bằng miệng đối với các luận án của các ứng viên cấp bằng cử nhân STB.

Lời Đề nghị của một Giáo xứ

Xét đến sự nhấn mạnh vào việc học tập cá nhân, có thể hiểu được tại sao Gioan La San có thể tìm được thời gian trong năm đầu tiên của mình trong chương trình bằng cử nhân để dành cho những vấn đề khác liên quan đến sự nghiệp tương lai của mình trong chức linh mục. Ngài vừa mới được trường đại học chấp nhận làm ứng

viên bằng cử nhân thì vào tháng 1 năm 1676, ngài đã tham gia vào một kế hoạch kỳ lạ có thể ảnh hưởng đến toàn bộ cuộc đời linh mục của mình.

Có vẻ như Cha André Clocquet, cựu giáo sư triết học tại Bons-Enfants, cũng là tiến sĩ thần học và là cha chính xứ của nhà thờ Saint Pierre-le-Vieil tại Reims, đã quyết định rằng đã đến lúc đọc kinh cầu nguyện, học tập và sống cô độc, điều mà ông đã mong đợi từ lâu. Ông đang cố gắng tìm một người kế nhiệm mình làm cha chính xứ, một người có phẩm chất như ông, một người xứng đáng với vị trí này. Nhân tiện cũng xin nói thêm rằng, chức vụ này mang lại một khoản bổng lộc khá hậu hĩnh mà không đi kèm bất kỳ nghĩa vụ nào khác, thậm chí không bắt buộc phải cư trú tại chỗ, ngoại trừ việc phải đảm bảo rằng Thánh lễ được cử hành hai lần một tuần tại giáo xứ.

Việc tìm kiếm người kế nhiệm nhanh chóng tập trung vào Gioan La San. Kể từ khi cha ngài qua đời, vị kinh sĩ trẻ này đã nhiều năm đặt mình dưới sự linh hướng của Cha Nicolas Roland, một kinh sĩ đồng nghiệp và là nhà thần học chính thức của giáo đoàn nhà thờ chính tòa. Roland, chỉ hơn Gioan La San tám tuổi một chút, chưa bao giờ hài lòng chỉ hoàn thành nghĩa vụ của mình với tư cách là một kinh sĩ trong các nghi lễ chính thức của nhà thờ chính tòa. Lòng nhiệt thành tông đồ của ông cần phải có thêm nhiều hoạt động từ thiện khác nhau, đáng chú ý trong số đó là việc chỉ đạo một Cộng đoàn các Nữ tu dành riêng cho việc giáo dục các bé gái nghèo.

Khi Roland biết về kế hoạch nghỉ hưu của Cha Clocquet, ông cảm thấy rằng đây là cơ hội do Chúa ban

để hướng dẫn người học trò trẻ tuổi của mình đến với một chức thánh tông đồ nhiều hơn. Thực tế là Gioan La San chỉ là một phụ phó tế vào thời điểm đó không phải là một trở ngại và cũng không phải là điều bất thường khi một giáo sĩ chưa được thụ phong linh mục được xem xét cho chức vụ quản xứ. Người ta hoàn toàn có thể sắp xếp để mời một vị khác đảm nhiệm các nghi thức bí tích tối thiểu, cho đến khi Gioan La San được thụ phong linh mục.

Tuy nhiên, việc từ bỏ vị trí kinh sĩ để đòi lấy chức vụ quản xứ lại là một vấn đề hoàn toàn khác. Blain giải thích:

Người ta đều biết rằng mọi người nói chung đều coi trọng chức kinh sĩ tại Reims và hầu hết các thành phố tỉnh lỵ. Đạt được chức kinh sĩ là mục tiêu của tất cả những người có gia đình định sẵn họ sẽ phục vụ Giáo hội và cũng là mong muốn của gia đình họ. Hầu hết thời gian, tham vọng của họ dừng lại ở đó. Chức kinh sĩ sẽ đáp ứng được hy vọng cao nhất của họ về một vị trí đã được thiết lập. ... Bằng cách đề xuất rằng Gioan La San nên rời khỏi chức kinh sĩ của mình để trở thành một vị quản xứ, Cha Roland đã gợi ý với ngài rằng hãy xuống một hoặc hai bậc trong thế giới giáo sĩ và đảm nhận một vị trí thấp hơn để trao vị trí cao hơn cho một người khác (CL 7, tr. 135).

Có một bên thứ ba trong vụ việc. Nicolas Roland có một người bạn, Cha Rémy Favreau, người có danh hiệu và doanh thu gắn liền với nhà nguyện Saints Pierre et Paul trong nhà thờ chính tòa Reims. Việc kế nhiệm chức kinh sĩ do Gioan La San nắm giữ sẽ là một sự thăng tiến quyết định đối với ông. Favreau rõ ràng

cũng nóng lòng muốn trở thành kinh sĩ của Reims như Clocquet muốn lui về ẩn dật, và cũng sẵn sàng như Gioan La San muốn tuân theo lời khuyên của vị linh hướng của mình một cách mù quáng.

Theo đó, vào ngày 20 tháng 1 năm 1676, những người đứng đầu đã họp tại Châlons-sur-Marne để tránh áp lực hoặc sự công khai không đáng có. Một hợp đồng ba bên đã được lập ra theo đó Gioan La San sẽ từ bỏ chức kinh sĩ của mình để trở thành vị quản xứ của nhà thờ Saint Pierre-le-Vieil, Favreau sẽ thay thế ngài làm kinh sĩ trong giáo đoàn nhà thờ chính tòa, và Clocquet sẽ có được danh hiệu nhà nguyện của Saints Pierre et Paul trong nhà thờ chính tòa Reims. Tài liệu đã được tất cả các bên ký, được công chứng bởi luật sư Guillaume Rogier, và được gửi đến Rôma để phê chuẩn.

Khi tin tức về kế hoạch bị rò rỉ đến gia đình Gioan La San, phản ứng là tiêu cực và dữ dội. Gioan La San, luôn lo lắng để nhận ra ý muốn của Thiên Chúa trong những cuộc khủng hoảng như vậy, thấy cần phải thực hiện một chuyến đi đến Paris để tham khảo ý kiến của Tổng Giám mục của mình, Charles-Maurice Le Tellier, người, với tư cách là thành viên của triều đình hoàng gia, đã dành phần lớn thời gian của mình ở thủ đô.

Gioan La San chắc chắn mong đợi rằng Tổng Giám mục sẽ chấp thuận, đặc biệt là vì ngài đang làm theo lời khuyên của vị linh hướng của mình và hành động từ những động cơ cao cả nhất trong sự sẵn sàng từ bỏ chức kinh sĩ của mình. Hơn nữa, hợp đồng đã được ký kết và chuyển đến Rôma. Tuy nhiên, Le Tellier lại có quan điểm hoàn toàn khác. Có lẽ chịu ảnh hưởng từ gia

đình Gioan La San, ông đã ra lệnh cho vị phụ phó tế trẻ tuổi nhiệt thành từ bỏ dự án và thậm chí không được nghĩ về nó nữa.

Blain bình luận về phản ứng của Gioan La San:

Quyết định này của vị Tổng Giám mục được Gioan La San chấp nhận như một mệnh lệnh từ chính Chúa, và ngài đã tuân theo tiếng nói của Tổng Giám mục của mình với cùng sự ngoan ngoãn đã khiến ngài tuân theo tiếng nói của vị linh hướng của mình. Ngài đã muốn trở thành một vị quản xứ chỉ vì ngài nghĩ rằng Thiên Chúa đang yêu cầu ngài thông qua Kinh sĩ Roland để thực hiện sự thay đổi. Ngay khi Tổng Giám mục Le Tellier bảo ngài hãy quên chuyện đó đi, thì ngài không còn muốn trở thành một vị quản xứ nữa. Sau đó, ngài tuyên bố nhiều lần rằng ngài dường như nghe thấy một giọng nói bên trong nói cùng giọng với Tổng Giám mục, giọng nói đó nói với ngài rằng ngài không được gọi để trở thành một vị quản xứ (CL 7, tr. 136).

Thật thú vị khi suy đoán về kết quả có thể xảy ra nếu đức Tổng Giám mục trả lời khác.

Trong khi đó, bản thân Cha Clocquet dường như đã suy nghĩ lại. Ông đã bị dẫn dắt để tin rằng chức tuyên úy tại nhà thờ chính tòa chỉ là một chức vụ đơn giản giống như chức vụ của mình, không có nghĩa vụ phải cư trú hoặc thừa tác vụ bí tích thường xuyên. Khi biết rằng quyền sở hữu nhà nguyện đi kèm với nghĩa vụ cư trú cũng như một số giờ tham dự nhất định mỗi ngày, thì ông mất hứng thú. Đây chính là gánh nặng mà ông đang cố gắng thoát khỏi. Luật sư Rogier lại được triệu

tập. Vào ngày 3 tháng 3 năm 1676, thông báo chấm dứt hợp đồng đã được gửi đến vị tổng đại diện của Reims, đến Gioan La San thông qua em trai Jacques-Joseph của ngài, và đến Rémy Favreau (CL 41.2, tr. 374).

Tổng Giám mục của Reims, người đã thực sự chấm dứt vụ việc kỳ lạ này là Charles-Maurice Le Tellier. Cha của ông đã đảm nhiệm một số chức vụ quan trọng tại triều đình Pháp, bao gồm thư ký, thủ tướng và người giữ ấn của hoàng gia. Anh trai Michel của ông, là Hầu tước Louvois và Bộ trưởng Chiến tranh dưới thời Vua Louis XIV. Khi bước vào sự nghiệp giáo sĩ, bản thân Charles-Maurice đã được ban tặng nhiều chức tước giàu có, bao gồm một số đan viện giàu có. Ngoài ra, ông còn lấy được bằng tiến sĩ thần học tại Sorbonne năm 1666 khi mới 24 tuổi.

Hai năm sau, năm 1668, Le Tellier được bổ nhiệm làm Giám mục phó Langres và chỉ vài tháng sau đó được bổ nhiệm làm Giám mục phó với quyền kế vị Tổng Giám mục Reims. Lễ tấn phong giám mục của ông diễn ra tại nhà nguyện Sorbonne trước sự chứng kiến của nữ hoàng Pháp. Khi Đức Hồng y Barberini, Tổng Giám mục Reims, đột ngột qua đời tại Ý vào tháng 8 năm 1671, Le Tellier đã đến Reims để chính thức tiếp quản giáo phận.

Những người cùng thời với ông mô tả Le Tellier là một người có nhiều phẩm chất tốt nhưng cũng có một số khuyết điểm nổi bật. Ông được biết đến với phong thái kiêu ngạo, sự khăng khăng về các đặc quyền của mình, cả thực tế và tưởng tượng, sự vô cảm của ông đối với cảm xúc của người khác và sự căm ghét và phản cảm của ông đối với những người chống đối ông.

Ông cũng là một người bảo vệ kiên quyết các quyền của Pháp giáo (Gallican). Tuy nhiên, đồng thời, ông cũng rất nhiệt thành với các tiêu chuẩn cao trong nghiên cứu thần học và kỷ luật giáo sĩ; ông trung thành trong việc thực hiện các cuộc viếng thăm theo giáo luật và hoàn thành các nhiệm vụ mục vụ của mình; ông đã xuất bản một loạt các sổ tay phụng vụ cũng như giáo lý để sử dụng trong giáo phận của mình.

Le Tellier có ảnh hưởng tại triều đình hoàng gia tại Paris, nơi ông thích dành phần lớn thời gian của mình. Ông đóng vai trò quan trọng trong việc soạn thảo phản hồi cho Tuyên bố của Giáo hoàng gửi đến hàng Giáo sĩ Pháp năm 1682. Ông cũng đóng vai trò có ảnh hưởng trong lịch sử sau này của Gioan La San, giúp ngài có được giấy phép từ nhà vua cho Dòng Nữ tu Chúa Hải đồng. Một ngày nào đó, ông cũng phản đối, mặc dù không thành công, quyết định từ chức kinh sĩ của Gioan La San vào năm 1683 để cùng chung số phận với những thầy giáo đã quyết định tự gọi mình là Anh Em Trường Kitô Giáo.

Các Chức thánh và Bằng cấp Cao cấp

Thụ phong Phó tế (Thầy Sáu - Deacon)

Vào năm 1676, có một sự phát triển khác có thể liên quan đến sự sụp đổ của kế hoạch trước đó là Gioan La San từ chức giáo sĩ để trở thành vị quản xứ của Nhà thờ

Saint Pierre-le-Vieil. Vào thứ Bảy, ngày 21 tháng 3 năm 1676, đêm trước Chúa Nhật Khổ Nạn, chưa đầy ba tuần sau khi nhận được thông báo chấm dứt hợp đồng được công chứng bởi Rogier, Gioan La San đã được thụ phong phó tế. Buổi lễ diễn ra tại Paris, trong nhà nguyện của Tổng Giám mục ở đó, và được chủ trì bởi một tu sĩ dòng Capuchin, Giám mục François de Batailler, thay mặt cho Tổng Giám mục Paris, François de Harlay de Champvallon.

Trước khi được chấp nhận thụ phong, Gioan La San phải xin các lá thư ủy nhiệm tương tự như các lá thư cho phép ngài tìm kiếm chức phụ phó tế bên ngoài giáo phận quê hương của mình. Một lá thư do chính Charles-Maurice Le Tellier ban hành, người tình cờ có mặt tại Paris vào thời điểm đó. Lá thư đề ngày 9 tháng 3 năm 1676. Lá thư còn lại, từ vị niên trưởng và các kinh sĩ của kinh sĩ đoàn nhà thờ chính tòa tại Reims, đề ngày 13 tháng 3 (CL 41.2, tr. 383tt.).

Ngày tháng trên các tài liệu này đặt ra một số câu hỏi thú vị. Ví dụ, tại sao Gioan La San lại trì hoãn bốn năm sau khi được thụ phong phụ phó tế trước khi nhận chức thánh tiếp theo trong chuỗi các chức thánh? Có thể là ngài quá bận rộn với các bổn phận gia đình và việc học, đặc biệt là khi xét đến thời gian cần thiết để chuẩn bị cho kỳ thi cử nhận STB năm 1675. Hơn nữa, tại sao ngài lại đến Paris để được thụ phong phó tế? Có phải vì ngài đã ở tại Paris để tham khảo ý kiến của đức Tổng Giám mục về chức quản xứ tại Nhà thờ Saint Pierre-le-Vieil đã được trao cho ngài không? Việc Le Tellier phản đối hợp đồng được lập tại Châlons có liên quan gì đến quyết định đảm nhận chức phó tế ngay tại Paris

không? Có phải Le Tellier đã gợi ý rằng Gioan La San thực hiện bước này ngay tại đó không? Vì không có thêm bằng chứng nào nữa nên câu trả lời cho những câu hỏi này chỉ có thể là suy đoán.

Cuối cùng, sau tất cả những tranh cãi và bối rối này, và dần thân sâu sắc hơn bao giờ hết với ơn gọi linh mục của mình khi được thụ phong phó tế, Gioan La San đã có thể tiếp tục một thói quen bình thường hơn. Blain nói với chúng ta một cách đơn giản: “Khi trở về nhà, Gioan La San một lần nữa dần thân vào nhiệm vụ của mình với tư cách là một kinh sĩ và chuẩn bị cho bản thân thông qua việc học tập liên tục, tĩnh tâm và cầu nguyện để thực hiện trọn vẹn ơn gọi mà Thiên Chúa đã ban cho mình” (CL 7, tr. 136).

Maillefer nói: “Nếu sự thất bại này đã kìm hãm lòng nhiệt thành của ngài, thì nó cũng không làm xáo trộn thói quen của ngài. Ngài tiếp tục hoàn thành nhiệm vụ của mình với tư cách là một kinh sĩ, trung thành với các chức vụ và kiên trì học tập để lấy bằng cử nhân STL mà ngài đã bắt đầu vào năm trước” (CL 6, tr. 25). Điều đó không hoàn toàn chính xác: chương trình chính thức cho bằng cử nhân STL sẽ bắt đầu vào tháng 1 trước đó, chứ không phải năm trước.

Bằng Cử nhân Thần học (Licentiate in Sacred Theology – STL)

Một bằng chứng nữa cho thấy Gioan La San muốn tiếp tục việc học thần học một cách nghiêm túc là vào ngày 2 tháng 6 năm 1676, ngài đã chính thức từ bỏ quyền

giám hộ các em trai của mình cho Nicolas Lespagnol, anh em họ của bà ngoại Perrette Lespagnol, vợ góa của ông ngoại Jean Moët de Brouillet.

Rõ ràng là trong một thời gian dài, Gioan La San đã cố gắng xoay xở quá nhiều trách nhiệm: với tư cách là kinh sĩ, ngài phải thường xuyên có mặt trong các phận vụ trong nhà thờ chính tòa; với tư cách là ứng viên lấy bằng cử nhân, ngài phải thường xuyên đến trường đại học; với tư cách là ứng viên cho chức linh mục, ngài phải phát triển đời sống thiêng liêng dưới sự linh hướng của Nicolas Roland; với tư cách là người thi hành di chúc của cha mình, ngài phải quản lý tài chính của gia đình; với tư cách là người giám hộ và gia sư của các em trai, ngài phải lo cho việc học hành của chúng. Vào ngày 30 tháng 4 năm 1676, Gioan La San đã đến tuổi trưởng thành về mặt pháp lý và điều này có thể là một yếu tố góp phần vào quyết định từ bỏ một số trách nhiệm được thừa hưởng từ cha mình.

Để có thể chuyển giao trách nhiệm đối với các em trai của mình cho người ông bà con 65 tuổi, Gioan La San được viên chấp hành của Tổng Giáo phận Reims yêu cầu phải báo cáo về quyền giám hộ của mình trong bốn năm trước đó. Ngài đã làm điều này rất chi tiết trong một tài liệu dài có niên đại ngày 2 tháng 10 năm 1676. Việc phát hiện ra tài liệu này trong văn khố thành phố Reims vào năm 1964 bởi Huynh Léon Aroz là một trong những khám phá quan trọng nhất trong giới học giả Lasan đương đại. Nó đã được xuất bản với phần giới thiệu và bình luận trong Tập 28 đến 31 của bộ *Cahiers lasalliens*.

Đây không phải là bối cảnh để mô tả chi tiết phong phú có trong tài liệu. Chỉ cần nói rằng nó đưa ra bằng chứng về sự chăm sóc tỉ mỉ và sự nhạy bén về mặt hành chính mà Gioan La San đã dành cho trách nhiệm này.

Đề bảo vệ doanh thu của gia đình, ngài đã rất nghiêm khắc trong việc giải quyết với các con nợ. Khi một cộng đoàn nữ tu nợ tiền thuê nhà, ngài đã đưa họ ra tòa; đồng thời ngài cũng rất hào phóng và chu đáo trong việc đáp ứng nhu cầu của các em trai và em gái mình. Thời gian và năng lực mà Gioan La San dành cho việc duy trì các tài khoản với độ chính xác như vậy khiến cho việc ngài có thể, cùng lúc tiến lên trong ơn gọi làm linh mục của mình trở nên đáng chú ý hơn.

Theo nhiều cách, năm 1676 là một năm bận rộn đối với Gioan La San. Bằng cách nào đó, giữa tất cả những sự kiện này, ngài phải tìm thời gian để dành cho các yêu cầu của chương trình cấp bằng năm thứ nhất. Trong số đó có việc bảo vệ một trong những luận án bắt buộc, hoặc là *Patricienne* hoặc *Grande ordinaire*.

Luận án được bảo vệ trong lĩnh vực thần học suy đoán được gọi là *Patricienne* vì kỳ thi diễn ra trước sự chứng kiến của cha bề trên của Saint Patrick's Collège, trung tâm của khoa thần học tại Đại học Reims. Còn *Grande ordinaire* liên quan đến việc bảo vệ luận án trong lĩnh vực thần học luân lý. Một trong hai luận án phải được bảo vệ trong năm đầu tiên của chương trình cấp bằng. Không rõ Gioan La San đã chọn bảo vệ luận án nào vào năm 1676.

Vào năm thứ hai của chương trình cấp bằng, năm 1677 trong trường hợp của Gioan La San, có hai kỳ thi

vấn đáp. Kỳ thi đầu tiên tập trung vào luận án nào trong hai luận án chưa được bảo vệ vào năm trước. Kỳ thi thứ hai được gọi là *Mineure ordinaire* hoặc *Aulique* vì được tổ chức tại hội trường lớn (*aula magna*) của tòa tổng giám mục. Kỳ thi này yêu cầu ứng viên phải bảo vệ luận án về một số chủ đề thần học được coi là gây tranh cãi. Sẽ rất thú vị khi biết Gioan La San đã chọn bảo vệ những chủ đề nào trong các kỳ thi này, nhưng thật không may, không có hồ sơ hay tài liệu tham khảo nào còn sót lại.

Tất cả những gì chúng ta biết chắc chắn là Gioan La San đã hoàn thành thành công các bài kiểm tra này và tất cả các bài kiểm tra khác theo quy định của luật lệ đối với bằng cử nhân thần học STL. Do đó, vào tháng 1 năm 1678, ngài đã sẵn sàng cho các nghi lễ cuối cùng dẫn đến việc trao bằng. Chủ yếu trong số các nghi lễ này là “paranymph”, như người ta vẫn gọi. Sự việc diễn ra vào ngày 26 tháng 1 năm 1678. Một tờ quảng cáo bằng tiếng Latinh về paranymph đặc biệt này đã được phát hiện trong một quầy hàng sách trên bờ sông Seine vào năm 1908 (CL 41.2, tr. 407tt.).

Văn bản viết:

C U M D E O
CONFLUITE PRIMATES REMI
PARANYMPHUM

ÆQUIS ANIMIS (UT VESTRI MORIS EST) AUSCULTATURI.

QUANTO JURE
VIRI EGREGIE CORDATI

F. ac M. ANDREAS PICOTTE

D. ac M. JOANNES BAPT. DELASALLE.

D. ac M. JOAN. BAPT. DE-Y de SERAUCOURT.

D. ac M. NICOLAUS BERNARD.

F. ac M. SIMON AME'

IN STUDIA THEOLOGICA

POTISSIMUM INCUBUERINT,

ORATIONE TRIPERTITA DEMONSTRABIT

PAULUS PICOT REMUS

ARTIUM DOCTOR, SACRÆ THEOLOGIÆ BACCALAUREUS ET PHILOSOPHIÆ PROFESSOR.

*In Aula Patriciana Collegij Vniuersitatis Remensis. Die 26.
Januarij an. Domini 1678. horâ de meridie primâ.*

The announcement of the paranympth for licentiate in sacred theology

Buổi lễ sẽ được tổ chức tại khán phòng của Saint Patrick's Collège thuộc Đại học Reims vào ngày 26 tháng 1 năm 1678 lúc một giờ chiều.

Từ *paranymph* theo nghĩa đen có nghĩa là phù dâu hoặc phù rể trong đám cưới. Trong cách sử dụng học thuật tại Reims, từ này ám chỉ đến diễn giả của sự kiện, cũng như bài phát biểu của ông và những lời khen ngợi và thách đố mà ông sẽ dành cho các ứng viên. Đến lượt họ, họ được mong đợi sẽ đáp lại. Buổi lễ rất phổ biến và thường có đông người tham dự. Các kinh sĩ của kinh sĩ đoàn nhà thờ chính tòa, tòa án tỉnh, hội đồng thị trấn, các thành viên của các hiệp hội dân sự và học thuật, và tất cả những người quan trọng của thị trấn sẽ được mời đến dự.

Một ban giám khảo gồm một số tiến sĩ thần học sẽ được chỉ định để xếp hạng các ứng viên. Sau đó, các lá phiếu sẽ được mở ra trước sự chứng kiến của các ứng viên và các quan chức trường đại học. Xếp hạng tương ứng sẽ được công bố và bằng cấp được trao chính thức. Buổi lễ này thường diễn ra vào Thứ Hai trước Thứ Tư Lễ Tro.

Người ta rất coi trọng thứ hạng được trao cho những người mới được cấp bằng. Thứ hạng của một số bạn cùng lớp của Gioan La San tại Sorbonne, những người đã tiếp tục lấy bằng cử nhân tại đó đã được ghi chú trong một chương trước. Thật không may, không có hồ sơ nào còn sót lại liên quan đến thứ hạng tại Reims.

Huynh Yves Poutet suy đoán rằng Gioan La San không được vinh danh ở thứ hạng đầu tiên, bởi lẽ ngài được biết đến “thiên về chiều sâu nội dung vững chắc hơn là sự xuất chúng rực rỡ”. Poutet cho rằng danh hiệu thứ hạng đầu tiên đã thuộc về Jean-Baptiste de Y de Séraucourt, đặc biệt là khi xét đến sự nghiệp sau này

của ông với tư cách là một giám mục lỗi lạc (OL 1, tr. 366). Huynh Léon Aroz bác bỏ điều này như là suy đoán vô căn cứ mà không có bằng chứng chắc chắn, có lẽ với hy vọng rằng một ngày nào đó một tài liệu có thể xuất hiện để tiết lộ một phán quyết có lợi hơn về công trạng tương ứng của Đấng Lập Dòng (CL 41.2, tr. 415).

Ba trong số những ứng viên đồng môn của Gioan La San trong paranymph đã tiếp tục lấy bằng tiến sĩ thần học và có sự nghiệp tôn giáo thành công tại Reims. De Y de Séraucourt cuối cùng đã trở thành tổng đại diện của tổng giáo phận. Nicolas Bernard trở thành một cha chính xứ, đầu tiên là tại Saint Martin và sau đó là tại Saint Pierre-le-Vieil, kế nhiệm Cha André Clocquet trong chức vụ đã từng được trao cho Gioan La San.

Simon Amé vẫn ở lại Tu viện Saint Denis tại Reims, nơi Gioan La San một ngày nào đó sẽ có cơ hội tham khảo ý kiến của ông về việc thành lập Dòng Nữ tu Chúa Hải Đồng. André Picotte không phải là người của Tổng Giáo phận Reims và không có thông tin gì về lịch sử sau này của ông.

Thụ phong Linh mục

Gioan La San bắt đầu mùa Chay năm 1678 với tư cách là kinh sĩ và phó tế với bằng cử nhân thần học STL. Vào ngày cuối cùng của Mùa Chay năm đó, Thứ Bảy Tuần Thánh, ngày 9 tháng 4 năm 1678, ngài được thụ phong linh mục. Buổi lễ diễn ra không phải tại nhà thờ chính tòa Reims như Blain và một số nhà viết tiểu sử

sau này nói, mà tại tòa tổng giám mục. Bản thân Charles-Maurice Le Tellier là giám mục truyền chức.

Cha Gioan La San mới được thụ phong đã cử hành Thánh lễ đầu tiên của mình vào ngày hôm sau, Chúa Nhật Phục sinh. Blain mô tả như sau:

Ngài đã cử hành Thánh lễ đầu tiên vào ngày sau lễ thụ phong, tại nhà thờ chính tòa, mà không hề có bất kỳ nghi thức phô trương đặc biệt nào. Ngài mong muốn được như vậy, với hy vọng giữ cho tâm hồn luôn ở trong trạng thái hoàn toàn hồi tâm, kết hiệp trọn vẹn với Thiên Chúa, dưới những ấn tượng còn tươi mới của ân sủng thụ phong, và hoàn toàn chú tâm vào những tác động của Chúa Thánh Thần. ... Vầng hào quang thánh thiện mà ngài toát lên trong dịp cử hành Thánh lễ đầu tiên ấy không phải là điều mà ngài đánh mất một cách chóng vánh. Ngài đã không bao giờ đánh mất điều đó (CL 7, tr. 131).

Theo truyền thống, Thánh lễ đầu tiên được tổ chức tại một nhà nguyện phụ của nhà thờ chính tòa dành riêng cho Đức Mẹ. Năm 1951, nhân dịp kỷ niệm 300 năm ngày sinh của Gioan La San, các Sư huynh đã dựng một bức tượng bằng đá cẩm thạch của Đấng Lập Dòng của họ tại đó để kỷ niệm sự kiện này.

Tiến sĩ Thần học (Doctor of Sacred Theology – STD)

Sau khi thụ phong linh mục, Gioan La San vẫn còn một bước cuối cùng để hoàn thành chương trình đào tạo thần học của mình. Ngài phải quyết định xem có nên

hoàn thành chương trình học thần học của mình bằng cách theo đuổi bằng tiến sĩ thần học STD hay không.

Tại các trường đại học ở Pháp vào thời bấy giờ, và điều này vẫn còn đúng ở một mức độ nào đó cho đến ngày nay tại các trường đào tạo giáo sĩ trên khắp thế giới, tấm bằng tiến sĩ thần học STD thiên về đại diện cho uy tín và khả năng chi trả các khoản học phí đắt đỏ, hơn là đòi hỏi những nghiên cứu chuyên sâu hay sự am hiểu tường tận hơn về lĩnh vực này. Chính tấm bằng cử nhân STL mới là thứ đòi hỏi sự chuẩn bị công phu hơn, sự nắm vững toàn diện hơn về khoa học thần học, cùng những kỳ thi vô cùng khắc khe.

Ví dụ, tại Sorbonne, học phí cho bằng tiến sĩ rất cao, cũng như uy tín của bằng cấp, đến nỗi các bậc thầy tâm linh tại Saint Sulpice thường khuyên các linh mục của mình từ bỏ bằng tiến sĩ như một chứng nhân truyền giáo cho sự khiêm nhường và nghèo khó.

Hơn nữa, người ta mong đợi rằng những người có ý định học lên tiến sĩ sẽ làm như vậy ngay lập tức. Cả tại Reims và Paris, ứng viên xếp hạng nhất trong kỳ thi cấp bằng cử nhân STL đều đủ điều kiện để tham gia kỳ thi tiến sĩ trong vòng sáu tuần. Những người khác có thể theo thứ tự trong những tuần tiếp theo ngay sau đó.

Trong vấn đề này, cũng như trong rất nhiều vấn đề khác liên quan đến quá trình đào tạo linh mục và học thuật của mình, Gioan La San đã không tuân theo mô hình thông thường. Ngài đã để ít nhất hai năm trôi qua trước khi trình diện để tham gia kỳ thi tiến sĩ. Một lần nữa, một số câu hỏi nảy sinh. Liệu ban đầu ngài có từ bỏ bằng tiến sĩ vì sự khiêm nhường rồi sau đó thay đổi ý định không? Vào thời điểm này, ngài có còn nghĩ đến

sự nghiệp tôn giáo danh giá như các mối quan hệ gia đình, cấp bậc giáo sĩ và bằng cấp học thuật của mình có thể khiến ngài mong đợi không?

Hay cái chết của vị linh hướng Nicolas Roland của ngài, và đặc biệt là việc ngài đảm nhận trách nhiệm của Roland đối với các Nữ tu Chúa Hải Đông, đã dẫn đến quyết định hoãn lại việc học thần học thêm? Hay những lần tiếp xúc ban đầu của ngài với Adrien Nyel và các thầy giáo có liên quan gì đến sự chậm trễ hoặc quyết định cuối cùng là tiếp tục học?

Tất cả những gì chúng ta biết chắc chắn là cuối cùng ngài đã lấy được bằng tiến sĩ. Ngay cả khi đó, ngày tháng vẫn còn chưa chắc chắn: Maillefer nói là năm 1680, Blain nói là năm 1681. Theo Blain:

Sự quan tâm đến các trường học mà Gioan La San đảm nhận như một công việc bổ sung, không thực sự là một phần trong nhiệm vụ của mình, vẫn để lại cho ngài tất cả thời gian cần thiết để có được trình độ hiểu biết cao và đức hạnh, điều sẽ trở nên rất cần thiết đối với ngài khi các trường học cuối cùng trở thành mối quan tâm duy nhất của ngài. Ngài đã đạt được bằng cử nhân trước đó một thời gian; giờ đây ngài đã vượt qua kỳ thi, giữ vững luận án của mình và đáp ứng mọi yêu cầu khác thường thấy ở khoa thần học Reims cũng như tại Paris; nhưng ngài vẫn chưa nhận được bằng tiến sĩ. Cuối cùng ngài đã nhận được bằng này vào năm 1681 ở tuổi 30 (CL 7, tr. 167).

Còn Maillefer nói theo cách này:

Trong khi những việc thành lập này [những trường đầu tiên] được xây dựng theo cách mà ngài có thể giám sát chúng mà không can thiệp quá nhiều, thì

thời gian cần thiết đã trôi qua sau khi được trao bằng cử nhân. Giờ đây, ngài đã hoàn thành tất cả các khóa học và kỳ thi thông thường tại Reims cũng như tại Paris ở khoa thần học, vì vậy vào năm 1680, sau hai năm học, ngài đã tự nộp đơn xin cấp bằng tiến sĩ (CL 6, tr. 24).

Huynh Léon Aroz nghiêng về mốc thời gian năm 1680, vì vào năm đó Gioan La San cảm thấy đủ tự do để tiếp tục giám hộ các em trai của mình. Ngoài ra, vào năm 1680, cam kết của Gioan La San với các trường học không quá toàn diện hoặc lâu dài đến mức loại trừ các lựa chọn khác cho sự nghiệp trọn đời mà bằng tiến sĩ sẽ là một lợi thế. Cuối cùng, đến năm 1680, đã hai năm trôi qua kể từ khi ngài nhận được bằng cử nhân; việc chậm trễ ba năm sẽ là điều vô cùng bất thường (CL 41.2, tr. 472).

Cả Blain lẫn Maillefer dường như đều cho rằng cần phải có một thời gian học tập kéo dài để chuẩn bị cho bằng tiến sĩ. Quy trình thông thường sau khi lấy bằng cử nhân, được mô tả ở trên, chỉ ra điều ngược lại. Tương tự như vậy, các điều lệ của trường đại học chỉ ra rằng các yêu cầu là tối thiểu: không có gì nhiều ngoài bằng cử nhân quan trọng, sẵn sàng trả học phí (không quá nặng tại Reims như tại Paris) và tham gia một kỳ thi vấn đáp công khai và kéo dài khác, bao gồm hầu hết các nội dung tương tự.

Các thủ tục bắt buộc cấu thành nên kỳ thi tiến sĩ diễn ra trong một ngày duy nhất (CL 41.2, tr. 468tt.). Quy trình bắt đầu bằng một loạt câu hỏi được đặt ra cho ứng viên bởi hai cử nhân thần học, những người vào thời

điểm đó cũng là ứng viên cho chức danh này. Bài thi này, được gọi là *Expectative*, kéo dài hai giờ.

Sau đó, vào cuối buổi chiều là bài thi *Vespéries*. Đối với bài thi này, ứng viên sẽ in thành sáu cột một loạt luận án bao gồm tất cả Thánh Kinh, lịch sử giáo hội và thần học luân lý. Hai trong số các giáo sư, bản thân là tiến sĩ thần học, sau đó sẽ đặt câu hỏi cho ứng viên trong nửa giờ về bất kỳ luận án nào trong danh sách đã in.

Giả định dường như là, sau khi đã đi đến bước này, ứng viên sẽ vượt qua. Trong mọi trường hợp, buổi lễ long trọng trao bằng cho ứng viên thành công thường diễn ra vào ngày sau *Vespéries*. Tất cả các giáo sư và sinh viên cao cấp đều tập trung tại *aula magna* của Saint Patrick's Collège, nơi sẽ được trang trí long lẫy cho sự kiện này với chi phí do ứng viên chi trả.

Vị trưởng khoa mở đầu buổi lễ bằng bài diễn văn ca ngợi việc học thần học mà ứng viên sẽ đáp lại. Sau đó, quý gói trong bộ lễ phục hàn lâm trước hiệu trưởng trường đại học, ứng viên, trong trường hợp này là Gioan La San, sẽ tuyên thệ sẽ bảo vệ đức tin Công giáo bao gồm Kinh Tin Kính của các Tông đồ, Mười Điều Răn, các sắc lệnh của các công đồng chung và bảy bí tích. Ngài sẽ tuyên thệ từ bỏ tà giáo và không cho phép học sinh tương lai của mình đọc những quyển sách có nội dung dâm ô hoặc mang tư tưởng tà giáo. Ngài cũng sẽ tuyên thệ bảo vệ các đặc quyền và điều lệ của Đại học Reims, và tôn kính Tổng Giám mục Reims và các viên chức của trường đại học.

Vị chương án của trường đại học vào thời điểm đó là Louis-Eléonor Tristan de Muizon, người được bổ

nhệm gây tranh cãi mười năm trước đó có thể là lý do khiến Gioan La San rời Reims để học tại Paris. Vai trò của ông là đội lên đầu Gioan La San chiếc mũ biretta bốn góc và tua rua màu đỏ của tiến sĩ thần học. Là hành động chính thức đầu tiên trong cương vị đó, Gioan La San đã chủ trì kỳ thi *Aulique*, hay *Mineure ordinaire* của một trong những ứng viên cho chức danh cử nhân.

Chính giữa bầu không khí ngập tràn vẻ tráng lệ của giới hàn lâm và giáo hội ấy, Gioan La San đã khép lại những năm tháng tu luyện để lãnh nhận thiên chức linh mục. Dù vẫn đang thi hành sứ vụ của một kinh sĩ kiêm linh mục, ngài chẳng phải chờ đợi lâu trước khi Chúa Quan Phòng mời gọi ngài vận dụng những tài năng, sự nhạy bén về thần học cũng như tầm nhìn thiêng liêng của mình vào một môi trường hoàn toàn khác biệt, khác xa với bất cứ điều gì mà những nghi lễ trang trọng tại Hội trường Saint Patrick từng khiến ngài mong đợi.

6

Vị Tân Linh mục

Bất kể niềm vui của con người và sự phấn khởi về mặt tinh thần xung quanh lễ thụ phong và Thánh lễ đầu tiên của ngài, hay lễ mừng Phục sinh năm 1678, thì Gioan La San đã sớm phải đối mặt với một mất mát đau thương. Chưa đầy ba tuần sau lễ thụ phong linh mục của Gioan La San vào ngày 9 tháng 4, thì ngày 27 tháng 4, cha linh hướng Nicolas Roland của ngài đã qua đời. Gioan La San được giao lại để hoàn thành công việc mà Roland đã bắt đầu vài năm trước đó trong nỗ lực tổ chức một cộng đoàn các Nữ tu tại Reims để giáo dục các bé gái nghèo.

Sứ vụ cho các Nữ tu Giảng dạy

Ảnh hưởng của Nicolas Roland

Có quan hệ họ hàng xa qua hôn nhân, Gioan La San và Roland xuất thân từ những nền tảng giáo dục có phần khác nhau. Roland, sinh vào tháng 12 năm 1642 và là người lớn hơn trong hai người tám tuổi, đã được đào tạo về khoa học nhân văn tại Collège Dông Tên tại Reims, đối thủ truyền kiếp của Collège des Bons-Enfants. Ông đã học triết học và thần học tại Paris, nhưng không biết chính xác là trường nào. Trong thời

gian đó, ông không sống trong chủng viện mà ở trọ tại nhà một người thợ mộc (CL 38, tr. 53tt.).

Khi trở về Reims, Roland được phong làm kinh sĩ của nhà thờ chính tòa vào năm 1665, khoảng một năm trước khi Gioan La San nhận được vinh dự tương tự. Hoàn cảnh này sẽ khiến hai người gần gũi nhau hơn. Tuy nhiên, rất có thể là mãi đến khi Gioan La San trở về từ Paris vào năm 1672, ngài mới nhận Roland làm cha linh hướng của mình. Dưới sự hướng dẫn của Roland, Gioan La San đã kiên trì, mặc dù không liên tục, theo đuổi ơn gọi linh mục của mình trong những năm tháng hỗn loạn, lên đến đỉnh điểm với lễ thụ phong linh mục của ngài vào năm 1678.

Quan trọng hơn nữa, Roland là người có ảnh hưởng lớn trong việc đưa chiều kích tông đồ vào đời sống thiêng liêng của người học trò trẻ tuổi của mình. Nỗ lực bất thành vào năm 1676 để Gioan La San trao đổi chức kinh sĩ của mình lấy chức quản xứ là bằng chứng sớm nhất về điều này. Đỉnh điểm mong muốn cuối cùng của Roland là trao lại cho Gioan La San cộng đoàn các Nữ tu Chúa Hải Đồng và số phận công việc tông đồ của họ.

Bản thân Roland đã quan tâm đến hoạt động tông đồ của các trường học miễn phí dành cho người nghèo ngay từ năm 1668. Vào năm đó, Charles Démie đã tái khẳng định lời phản đối của mình với các nhà lãnh đạo có ảnh hưởng của thành phố Lyons, yêu cầu ưu tiên cho việc giáo dục trẻ em của người nghèo (CL 38, tr. 63). Bị ấn tượng bởi sự cấp bách trong thông điệp của Démie, Roland đã đến Rouen, nơi ông liên lạc với Cha Barré, người mà các Nữ tu Providence của ông đã tích

cực tham gia vào các trường học dành cho trẻ em gái nghèo. Ở đó, ông gặp Bà Jeanne Dubois Maillefer, một người họ hàng xa của Gioan La San, người chia sẻ với Roland ước mơ thành lập những ngôi trường miễn phí tương tự cho các bé gái nghèo tại quê hương Reims của bà.

Khi trở về Reims, Roland thấy rằng chính quyền dân sự không hề hào hứng với một dự án như vậy: đã có quá nhiều tổ chức tôn giáo và từ thiện trong thành phố khiến nguồn lực hạn chế của thành phố không đủ để hỗ trợ. Không dễ dàng từ bỏ, Roland dành ngày càng nhiều thời gian và tiền bạc của mình để hỗ trợ trại trẻ mồ côi dành cho các bé gái nghèo đã được Bà Apolline Varlet thành lập vài năm trước đó.

Kế hoạch của Roland là dần dần biến trại trẻ mồ côi thành một trung tâm giáo dục cho các bé gái nghèo. Để thành công, ông nhận ra rằng mình cần một cộng đồng ổn định gồm những thầy giáo tận tụy và có tinh thần tông đồ, tương tự như những thầy giáo mà ông đã thấy ở Rouen hoặc thậm chí sớm hơn là tại Saint Nicolas du Chardonnet tại Paris.

Một bước tiến lớn trong việc thành lập một cộng đồng như vậy diễn ra vào năm 1670 khi hai người phụ nữ tận tụy là Françoise Duval và Anne Lecoœur đến Reims, với kinh nghiệm đáng kể trong việc điều hành các trường học cho trẻ em gái nghèo ở Rouen. Dự án bắt đầu phát triển mạnh mẽ. Mặc dù sức khỏe không tốt và đôi khi làm ảnh hưởng đến nhiệm vụ ca đoàn của mình với tư cách là kinh sĩ, Roland vẫn không ngừng nỗ lực để vượt qua sự phản đối đáng kể của các quan chức thành phố.

Roland không hoàn toàn thiếu vắng sự ủng hộ cho dự án của mình. Một nền tảng tài chính vững chắc cho cơ sở này đã được thiết lập nhờ những khoản quyên góp hào phóng từ Cha Rémy Favreau, vị linh mục nắm giữ tước hiệu và bổng lộc tại nhà nguyện Saints Pierre et Paul thuộc Nhà thờ chính tòa Reims; chính ngài là người lẽ ra đã kế nhiệm Gioan La San trong chức vụ kinh sĩ, nếu như thỏa thuận vào năm 1676 không bị đổ vỡ. Roland cũng thành công không kém trong việc giành được sự ủng hộ của Tổng Giám mục Le Tellier dành cho cộng đoàn mới này, cộng đoàn mà về sau được biết đến với tên gọi các Nữ tu Chúa Hải Đồng Giêsu.

Bước tiếp theo là xin các *lettres de cachet* từ tòa án hoàng gia. Những giấy tờ này là bắt buộc trước khi có thể soạn thảo bất kỳ đơn xin nào và lấy lời khai hỗ trợ làm cơ sở để cấp bằng pháp nhân sẽ mang lại sự chứng thực hợp pháp. Từ tháng 11 năm 1677 đến tháng 3 năm 1678, Roland đã ở tại Paris, cầu xin một cách tuyệt vọng với những người bạn có ảnh hưởng và những người họ hàng có địa vị cao giúp ông có được những tài liệu cần thiết. Nhưng những lời cầu xin của ông đều rơi vào các lỗ tai điếc.

Rất nản lòng, Roland trở về Reims vào ngày 6 tháng 4, thứ Tư Tuần Thánh năm 1678, và phát hiện ra rằng một trận dịch sốt tím đã bùng phát trong số các Nữ tu. Mặc dù bản thân ông cũng không khỏe và kiệt sức vì công việc tại Paris, ông đã dành toàn bộ sức lực của mình để chăm sóc mục vụ cho các Nữ tu bị bệnh. Và chắc chắn ông đã có mặt tại lễ thụ phong của Gioan La

San vào ngày 9 tháng 4 và tại Thánh lễ đầu tiên của ngài vào ngày hôm sau, Chúa Nhật Phục Sinh.

Người Thi hành Di chúc của Roland

Bản thân Roland lâm bệnh vào ngày 19 tháng 4. Gioan La San và Nicolas Rogier, một phó tế trẻ và là một kinh sĩ, đã đến thăm ông. Nhận ra rằng ông sắp chết, Roland đã yêu cầu họ làm người thi hành di chúc của ông. Họ đã đồng ý. Di chúc được lập vào ngày 23 tháng 4. Bốn ngày sau, Roland qua đời. Ông chỉ mới 35 tuổi (CL 38, tr. 93tt.).

Có lý do để tự hỏi tại sao Roland lại chọn Gioan La San làm người thi hành di chúc của mình. Gioan La San chưa đầy 30 tuổi, mới được thụ phong linh mục và tương đối thiếu kinh nghiệm. Số phận của cộng đoàn các Nữ tu và công việc tông đồ của họ rất bấp bênh vào thời điểm đó và là một trách nhiệm nặng nề đối với một người còn trẻ như vậy.

Có những người khác có trình độ cao hơn đáng kể: ví dụ như nhiều người thân của Roland. Có Cha Rémy Favreau, người đã cung cấp rất hào phóng cho việc hỗ trợ tài chính của cộng đoàn; hoặc Guillaume Rogier, con trai của công chứng viên hoàng gia, anh trai của Nicolas, tiến sĩ thần học, đồng nghiệp kinh sĩ của Reims và là bạn lâu năm và đồng hành của Roland.

Nhìn lại, tất nhiên, thật dễ dàng để thấy bàn tay của Chúa Quan Phòng trong việc Roland lựa chọn Gioan La San. Có lẽ một số bản năng hấp hối đã thúc đẩy Roland nắm bắt cơ hội cuối cùng này để thu hút lòng

niệt thành tông đồ của người học trò trẻ tuổi của mình vào công việc giáo dục cho người nghèo mà chính ông đã hy sinh tài sản, năng lượng và cuộc sống của mình.

Các Văn bản Pháp nhân cho Cộng đoàn các Nữ tu

Ngay sau khi Roland qua đời, Tổng Giám mục Le Tellier đã tự mình giải quyết vấn đề. Nicolas Rogier được bổ nhiệm kế nhiệm Roland làm nhà thuyết giáo thần học của kinh sĩ đoàn nhà thờ chính tòa. Vì Gioan La San chưa đủ tuổi theo quy định của giáo luật, nên Le Tellier đã bổ nhiệm Guillaume Rogier làm bề trên tôn giáo của các Nữ tu. Tuy nhiên, Gioan La San đã được xác nhận là người thi hành di chúc. Với tư cách này, ngài được giao nhiệm vụ chăm lo cho cộng đoàn các Nữ tu và “đề đàm phán với nhiều cơ quan khác nhau trong thành phố theo bất kỳ thỏa thuận chính thức nào cần thiết để cộng đoàn được thành lập hợp pháp” (OL 1, tr. 547).

Trước khi bất kỳ cuộc đàm phán nghiêm túc nào có thể bắt đầu, cần phải có được *các giấy chứng nhận* quan trọng mà Roland đã cố gắng vô ích để có được từ tòa án hoàng gia. Sau khi Le Tellier đích thân tham gia, các tài liệu đã đến từ Paris trong vòng vài ngày. Vào ngày 9 tháng 5 năm 1678, chúng đã được vị Tổng Giám mục chuyển đến hội đồng thành phố Reims.

Vào thời điểm này, công việc thực sự của Gioan La San và Rogier trẻ tuổi bắt đầu. Giống như những gì ngài đã làm khi giám hộ các em trai và em gái của mình, Gioan La San một lần nữa chứng tỏ mình là một

nhà quản lý hiệu quả, chú ý đến từng chi tiết và hiệu quả trong việc mang lại kết quả. Nhiệm vụ đầu tiên là lập cho hội đồng một báo cáo đầy đủ về tài sản, nợ phải trả, di sản và nghĩa vụ của cộng đoàn các Nữ tu. Khó khăn hơn nữa là soạn thảo các điều khoản hiến pháp trung thành với ý định của Nicolas Roland và đồng thời làm hài lòng các cấp chính quyền dân sự vốn đầy sự nghi kỵ.

Một số vấn đề chính cần giải quyết là: các Nữ tu của cộng đoàn vẫn giữ nguyên tư cách giáo dân mà không cần là các đan tu và không cần lời khấn trọng thể; số lượng của họ phải giới hạn từ 20 đến 30 người; và họ phải độc lập về tài chính và chỉ chịu trách nhiệm về tài chính với đức Tổng Giám mục. Quyền kiểm soát đối với những người được nhận vào trại trẻ mồ côi và các lớp học, giới hạn độ tuổi và việc định đoạt các tài sản thừa kế phải được chia sẻ với hội đồng thành phố. Cuối cùng, việc điều hành các lớp học miễn phí phải được giới hạn nghiêm ngặt đối với chính các Nữ tu mà không có sự hỗ trợ từ bên ngoài.

Việc chuẩn bị tất cả các dữ liệu và văn kiện cần thiết đã chiếm hết thời gian của Gioan La San và Rogier trong gần ba tháng. Chỉ đến tháng 8 năm 1678, chắc chắn là do sự ủng hộ của Tổng Giám mục, hội đồng thành phố và sau đó là hội đồng của tất cả các cha chính xứ và bề trên tôn giáo của Reims đã đồng ý. Trong một sắc lệnh chính thức, hội đồng đã bỏ phiếu thông báo cho tòa án hoàng gia tại Paris rằng “việc thành lập ngôi nhà và cộng đoàn các Nữ tu giáo dân nói trên dưới danh nghĩa Chúa Hải Đòng Giêsu nhằm mục

đích duy trì các trường miễn phí sẽ rất hữu ích và có lợi cho công chúng nói chung” (CL 38, tr. 98).

Sáu tháng sau, vào tháng 2 năm 1679, các văn bản bằng pháp nhân có chữ ký của Vua Louis XIV và con dấu hoàng gia đã đến, qua đó công nhận hợp pháp cộng đoàn Nữ tu và công việc tông đồ của họ. Như quyển *Mémoire* mô tả về lịch sử việc thành lập của Roland đã nêu: “Cộng đoàn nợ nguồn gốc của mình với Cha Roland, nợ sự tiến bộ của mình với những nỗ lực tận tâm của Cha Gioan La San, và sự ổn định của mình với Đức Tổng Giám mục Le Tellier” (CL 38, tr. 98). Cho đến ngày nay, chân dung của Roland và Gioan La San vẫn được treo cạnh nhau trong phòng khách của nhà Mẹ của các Nữ tu tại Reims như một minh chứng cho hai người mà họ tôn kính là những người đồng sáng lập.

Trong quyển tiểu sử của mình, cả Blain lẫn Maillefer đều đề cập sâu rộng đến những nỗ lực của Gioan La San thay mặt cho các Nữ tu và tầm quan trọng của ảnh hưởng của Le Tellier trong việc có được bằng pháp nhân. Tuy nhiên, đôi khi, họ tạo ra ấn tượng rằng rất ít việc đã được thực hiện cho đến khi Gioan La San tiếp quản các cuộc đàm phán. Ngược lại, bằng chứng tài liệu cho thấy rằng nhiều năm trước khi qua đời, chính Roland, chứ không phải Gioan La San, đã thuyết phục Le Tellier ủng hộ sự nghiệp của các Nữ tu. Vào thời điểm đó, Roland cũng đã thành công trong việc làm suy yếu đáng kể sự phản đối của hội đồng thành phố, đặc biệt là khi xét đến sự hỗ trợ tài chính mà ông nhận được từ Rémy Favreau.

Điều quan trọng hơn cả sự đóng góp được thừa nhận của Gioan La San cho các Nữ tu là tác động của sự tham gia của ngài vào các công việc của họ đối với ngài. Mong muốn hiểu và biến tầm nhìn tông đồ của Roland thành của riêng mình đã đưa ngài tiếp xúc với Cha Barré và công việc của ông với các trường học dành cho người nghèo ở Rouen. Vì Gioan La San phải chứng minh với chính quyền về tính cấp thiết của các trường học miễn phí dành cho người nghèo, nên bản thân ngài buộc phải cân nhắc những thách đố trong *Bản Phản biện* của Charles Démia.

Hơn nữa, các cuộc đàm phán về giấy phép đã đưa Gioan La San, người vừa mới được thụ phong linh mục, tiếp xúc gần hơn với vị Tổng Giám mục của mình cũng như với các nhà lãnh đạo dân sự, các cha chính xứ và bề trên tôn giáo của Reims. Chẳng bao lâu nữa, tất cả những kinh nghiệm sẽ liên quan đến một dự án của riêng ngài.

Việc Gioan La San tiếp xúc với các Nữ tu không kết thúc bằng việc cấp giấy phép. Ngài thường cử hành Thánh lễ cho họ và đáp ứng các nhu cầu tâm linh của họ thay cho Cha Guillaume Rogier, tuyên úy danh nghĩa và bề trên giáo hội, người có một giáo xứ riêng để chăm sóc. Mặc dù các Nữ tu tự kiểm soát tài chính của mình, Gioan La San vẫn tiếp tục làm cố vấn về vấn đề này và các vấn đề thế tục khác vốn là trách nhiệm của ngài trong thời gian ngài làm người thi hành di chúc của Roland (CL 38, tr. 103).

Do đó, vào tháng 3 năm 1679, Chúa Quan Phòng đã tạo cơ hội cho Nữ tu Bề trên Françoise Duval, giới thiệu Gioan La San với Adrien Nyel, người vừa mới

đến từ Rouen. Cuộc gặp gỡ đó trong phòng khách của tu viện của các Nữ tu đã tiên định sẽ thay đổi toàn bộ cuộc đời của Gioan La San.

Sứ vụ Linh mục

Mặc dù các nhiệm vụ liên quan đến vai trò là người thi hành di chúc của Roland chiếm một lượng lớn năng lực tông đồ của Gioan La San, nhưng cũng cần lưu ý rằng ngài khá dễ dàng rơi vào nếp sống của sứ vụ linh mục, giống như bất kỳ vị linh mục mới được thụ phong nào ngày nay.

Sứ vụ ban các Bí tích

Trọng tâm của sứ vụ này sẽ là việc cử hành Thánh Thể hằng ngày. Việc Gioan La San trung thành với thực hành này được khẳng định khá rõ ràng trong các tiểu sử ban đầu. Maillefer nói:

Ngài đánh giá cao việc dâng lễ hy sinh thánh thiện đến mức ngài coi việc dâng lễ là một mục tiêu để cử hành Thánh lễ mỗi ngày trong cuộc đời mình. Ngài không bao giờ bỏ qua việc này, ngoại trừ khi buộc phải làm như vậy vì bệnh tật (CL 6, tr. 25).

Còn Blain hùng hồn nói về lòng sùng kính mà Gioan La San dành cho chức vụ thiêng liêng này:

Không khí thánh thiện mà ngài thể hiện trong dịp cử hành Thánh lễ đầu tiên của mình không phải là thứ mà ngài nhanh chóng mất đi. Ngài không bao giờ đánh mất nó. ... Mọi người thường đến dự Thánh lễ của ngài để được soi sáng và cảm động để chia sẻ lòng đạo đức của ngài. ... Họ đợi ngài khi ngài rời khỏi bàn thờ để hưởng lợi từ những ân sủng mà ngài đã nhận được trong Thánh lễ (CL 7, tr. 131).

Bên cạnh những mô tả về cách thức ngài chủ trì Thánh lễ, còn có những tài liệu giúp chúng ta hình dung rõ hơn một số sứ vụ khác mà Gioan La San đã thực hiện trong một hoặc hai năm đầu sau khi thụ phong vào năm 1678.

Tài liệu đầu tiên trong số những tài liệu này cho phép Gioan La San rao giảng và giải tội tại Tổng Giáo phận Reims. Tài liệu đề ngày 29 tháng 6 (có lẽ là năm 1678) và được đích thân đức Tổng Giám mục Charles-Maurice le Tellier ký. Những “quyền hạn” này, như chúng được gọi, có hiệu lực cho đến ngày 18 tháng 10 năm 1680, sau đó chúng sẽ được gia hạn (CL 41.2, tr. 461tt.).

Kinh sĩ của Tuần lễ

Một tài liệu khác từ năm 1678 đề cập đến một trong những đặc quyền mà Gioan La San được hưởng khi đến lượt ngài đảm nhiệm chức vụ Kinh sĩ Tuần lễ từ ngày 7 tháng 8 đến ngày 14 tháng 8 năm đó (CL 41.2, tr. 428tt.). Có một số chức vụ mang lại thu nhập, được gọi là các “bổng lộc”, mà hội đồng kinh sĩ nhà thờ có

quyền kiểm soát. Nếu có vị trí bỏ trống, thì chính vị Kinh sĩ Tuần lễ có quyền đề xuất một ứng cử viên để hưởng bổng lộc đó. Sau đó, cuộc bổ nhiệm sẽ phải được đức Tổng Giám mục chấp thuận.

Trong tài liệu đề ngày 8 tháng 8 năm 1678, Gioan La San, lúc đó đang giữ chức Kinh sĩ Tuần lễ, đã đề xuất Nicolas Jouet để lấp vào chức kinh sĩ hưởng bổng lộc còn trống gắn liền với nhà thờ Vaux-en-Champagne. Tài liệu chỉ ra rằng đức Tổng Giám mục đã xác nhận cuộc bổ nhiệm.

Các nhiệm vụ mà Gioan La San phải hoàn thành với tư cách là Kinh sĩ Tuần lễ được biết đến từ các nguồn khác. Các nhiệm vụ này chủ yếu là cử hành phụng vụ và nghi lễ. Được công bố long trọng vào thứ Sáu trước đó, vị kinh sĩ được chỉ định sau đó được yêu cầu phải cạo tóc trên đỉnh đầu và cạo râu.

Gioan La San bắt đầu nhiệm kỳ của mình với tư cách là Kinh sĩ Tuần lễ bằng cách chủ trì buổi cầu nguyện chiều Chúa Nhật long trọng tại nhà thờ chính tòa. Trong tuần, ngài chủ trì nhiều nghi lễ phụng vụ khác nhau, đặc biệt chú trọng đến các hành vi sùng kính theo di chúc và di sản của một số ân nhân của tổng giáo phận và nhà thờ chính tòa. Vào thứ Năm, ngài đã cử hành Thánh lễ tạ ơn để tôn vinh Bí tích Thánh Thể. Vào thứ Bảy, Thánh lễ được cử hành tại bàn thờ Đức Mẹ, chính là bàn thờ mà Gioan La San đã cử hành Thánh lễ đầu tiên của mình.

Vào Chúa Nhật sau đó, Gioan La San chủ trì buổi lễ sáng tại nhà thờ chính tòa và làm phép nước thánh. Vào tháng 8 năm 1678, Chúa Nhật đặc biệt này rơi vào đêm vọng lễ Đức Mẹ Hồn Xác Lên Trời. Do đó, nếu tuân

thủ theo phong tục thông thường, có khả năng là Gioan La San đã rước Mình Thánh Chúa một cách long trọng qua các con phố đến các nhà thờ lân cận và trở lại nhà thờ chính tòa. Sau đó, ngài cử hành Thánh lễ tại bàn thờ cao của nhà thờ chính tòa và như vậy là chấm dứt chức vụ của mình với tư cách là Kinh sĩ Tuần lễ.

Thật là một sự trùng hợp đáng mừng là tuần lễ tháng 8 năm 1678, trong thời gian đó Gioan La San giữ chức vụ Kinh sĩ Tuần lễ, cũng là tuần mà chính quyền địa phương họp để đưa ra phán quyết về việc thành lập hội đồng Nữ tu của Nicolas Roland. Vào thứ Năm, ngày 11 tháng 8, Gioan La San đã đọc di chúc của Roland tại hội đồng thành phố và cố gắng hết sức để diễn giải ý định của ông. Vào thứ Sáu, ngày 12 tháng 8, ngài phải thực hiện nhiệm vụ khó khăn là thuyết phục các cha chính xứ và bề trên tôn giáo của Reims ủng hộ đơn xin chấp thuận của các Nữ tu (CL 38, tr. 96). Đây hẳn là một tuần bận rộn đối với Cha Gioan La San.

Tiếp nhận Người Cải đạo

Một bản văn thứ ba cùng năm cho phép Cha Gioan La San tiếp nhận một phụ nữ Tin lành trở lại Giáo hội Công giáo (CL 41.2, tr. 439). Người phụ nữ đó là Suzanne Périeux đến từ Elmoru thuộc giáo phận Châlons-sur-Marne. Người ta biết rất ít về bà. Bà có một người chị tên là Marie, người cũng đã trở về với Giáo hội vào dịp bà kết hôn với một người Công giáo.

Các giáo phận Reims và Châlons-sur-Marne nằm ở đông bắc nước Pháp, gần biên giới Đức. Một phân lãnh

thổ đã từng thuộc về Đức vào nhiều thời điểm khác nhau và có rất đông người Tin lành sinh sống. Cả Tổng Giám mục Le Tellier của Reims và Giám mục Vialart de Herse của Châlons đều đưa ra chính sách cố gắng thuyết phục những người Tin lành trong lãnh thổ của họ theo đạo Công giáo. Do đó, những cuộc cải đạo kiểu này không phải là bất thường.

Tài liệu cụ thể này liên quan đến Gioan La San đề ngày 22 tháng 12 năm 1678. Về cơ bản, đây là một mẫu đơn in có tên và ngày tháng được điền vào chỗ trống. Nó trao cho Gioan La San quyền “giải thoát khỏi những tội lỗi và trường hợp được dành riêng cho giám mục, bao gồm cả tội dị giáo”. Nó được ký bởi “De Y,” tức là Jean-Baptiste de Y de Séraucourt, hiện là tổng đại diện, người đã từng là ứng viên với Gioan La San tại paranymph vào đầu năm.

Giống như nhiều tài liệu khác, tài liệu này đặt ra nhiều câu hỏi hơn là trả lời. Động cơ nào khiến Suzanne cải đạo? Có phải bà ấy đến Gioan La San để được hướng dẫn và chỉ bảo đặc biệt không? Tại sao bà ấy đến Reims để được tiếp nhận vào Giáo hội thay vì ở giáo phận Châlons quê hương của bà ấy? Có phải vì Gioan La San đã nổi tiếng trong việc giải quyết các trường hợp khó khăn trong bí tích hòa giải? Thật hấp dẫn khi suy đoán về các khả năng có thể xảy ra.

Vụ bê bối trong Hội đồng Nhà thờ Chính tòa

Có một sự cố khác liên quan đến Gioan La San khi còn là một linh mục trẻ mà giờ đây có thể được làm rõ và

xác định niên đại một cách chính xác dựa trên các tài liệu mới được công bố gần đây. Blain ám chỉ đến sự việc này một cách gián tiếp và kể câu chuyện theo phong cách đạo đức điển hình của mình:

Có một lần, vị cha chính xứ trẻ của Chúa đã chứng minh lòng nhiệt thành của mình bằng cách khiển trách một giáo sĩ đã nêu gương xấu; điều này dẫn đến việc ngài bị chỉ trích và có rất nhiều lời bàn tán từ những kẻ nhàn rỗi coi việc vụ không là công việc thường ngày của họ và không bao giờ có xu hướng đưa ra phán quyết ủng hộ lòng đạo đức thực sự. Gioan La San đã cố gắng bằng mọi cách có thể và theo cách nhẹ nhàng nhất để khiến người đàn ông này nhận ra những gì ông đang làm. Khi thấy rằng những lời khuyên bảo từ thiện của mình không có kết quả, cuối cùng ngài đã rút vũ khí của lòng nhiệt thành và cho kẻ phạm tội thấy rằng lòng bác ái có thể nghiêm khắc; nhưng ngài đã làm điều này một cách bí mật trong một cuộc trò chuyện cá nhân, như Chúa Giêsu Kitô đã truyền lệnh, vì sợ làm cay đắng kẻ có tội và làm người khác bị xúc phạm.

Lời khiển trách bí mật này đã chứng minh là vô ích như những lời khuyên bảo trước đó, Gioan La San phán đoán rằng đã đến lúc đưa vấn đề ra công khai để loại bỏ nguyên nhân gây ra tai tiếng cho người khác nếu ngài không thể cảm hóa được kẻ gây tai tiếng. Ngài đã không thành công trong nỗ lực sau, nhưng ngài đã thành công trong nỗ lực trước; ngài đã khiển trách người không thể sửa chữa được trước công chúng và với rất nhiều năng lượng khiến người này rời khỏi Reims, vì ông ta thích thay đổi nơi cư trú hơn là thay đổi cách sống của mình (CL 7, tr. 134).

Trong trường hợp này, “vị giáo sĩ” là một kinh sĩ đồng nghiệp của nhà thờ chính tòa, tên là Cesar Thuret. Vào ngày 16 tháng 8 năm 1678, Gioan La San đã cáo buộc ông ta trong kinh sĩ đoàn nhà thờ chính tòa về việc sống chung với một người hầu gái. Do bị tố cáo, hội đồng đã chỉ định hai linh mục của giáo phận để điều tra vấn đề này. Gioan La San không hài lòng, vì ông không tin tưởng vào sự công bằng của hai điều tra viên đã được chỉ định. Sau đó, vào ngày 23 tháng 8, hội đồng đã chỉ định Robert Le Large, niên trưởng của hội đồng, và Charles Bernier, một trong những kinh sĩ, để phụ trách cuộc điều tra.

Những sự kiện này được nêu chi tiết trong một tài liệu do Thuret ký, trong đó ông khẳng định mình vô tội và phản đối các thủ tục được thiết lập sau khi “Cha Gioan La San, một kinh sĩ của nhà thờ nói trên” lên án ông (CL 41.2, tr. 446tt.).

Rõ ràng là lời lên án một kinh sĩ kỳ cựu này của vị linh mục trẻ không được các giới tôn giáo đón nhận nồng nhiệt. Blain đã chỉ ra rằng hành động của Gioan La San không được nhiều người ủng hộ. Maillefer cũng có một phán đoán tương tự:

Ngài khó có thể sa vào thói xao lãng bốn phận, điều thường xảy ra nơi những giáo sĩ có lối sống quá thiên về thế tục. Sự nhiệt tâm của ngài trong việc chấn chỉnh những người như thế dường như là thái quá trong mắt những kẻ nặng lòng thế sự, những kẻ chỉ phán xét mọi việc dựa trên chính những dự vọng của mình, nhưng ngài lại biết cách phớt lờ những phán xét của người đời khi chúng không phù hợp với ý Chúa (CL 6, tr. 27).

Dù có được nhiều người ủng hộ hay không, cuộc điều tra vẫn diễn ra kỹ lưỡng và kéo dài trong nhiều tháng. Nó được mô tả chi tiết trong tài liệu đề ngày 3 tháng 6 năm 1680, trong đó có bản án chính thức được đưa ra về vụ án. Vị kinh sĩ phạm tội đã bị kết tội dựa trên lời khai của một số nhân chứng, trong đó có chính cô gái, người đã ra làm chứng chống lại ông ta.

Thuret đã bị kết án phải tĩnh tâm trong một năm tại một chủng viện mà hội đồng sẽ chỉ định. Trong thời gian này, ông sẽ phải ăn chay vào mỗi thứ Sáu và phải quỳ gối đọc bảy thánh vịnh sám hối mỗi ngày. Ông bị buộc không được rời khỏi chủng viện dưới bất kỳ lý do gì. Ngoài ra, mọi đặc quyền của ông với tư cách là một kinh sĩ đều bị đình chỉ và ông bị cấm thực hiện bất kỳ chức năng linh mục nào của mình trong sáu tháng. Ông đã được cảnh báo rằng nếu ông không sửa đổi cuộc sống của mình, thì những hình phạt nghiêm khắc hơn sẽ theo sau.

Thuret từ chối chấp nhận bản án và kháng cáo lên Rôma. Vatican đã chuyển vụ án cho tòa án tôn giáo tại Paris. Vào ngày 12 tháng 5 năm 1681, tòa án đó đã chính thức bác bỏ đơn kháng cáo. Thuret có thực hiện việc sám hối theo quy định hay không, hoặc ở địa điểm nào, thì không được biết. Ông đã từ chức kinh sĩ Reims vào tháng Tám năm sau và chấp nhận quyền sở hữu nhà nguyện Saint Gervais ở Guise. Như Blain đã nhận xét trong đoạn trích dẫn ở trên, “thay vì thay đổi cách sống, ông quyết định thay đổi nơi cư trú” (CL 7, tr. 134).

Cha Gioan La San tại Nhà

Một khía cạnh khác trong nếp sống hằng ngày của Gioan La San trong những năm đầu làm linh mục nên được đề cập ở đây. Các nhà viết tiểu sử dường như gợi ý rằng ngài đã dần dần biến nơi ở của gia đình mình thành một trung tâm nơi một số linh mục đồng nghiệp của ngài có thể tụ họp trong thời gian dài hơn hoặc ngắn hơn để thảo luận về các vấn đề chung, cùng nhau cầu nguyện và chia sẻ kinh nghiệm chung của cộng đoàn.

Blain trích dẫn lời của Gioan La San với Adrien Nyel vào lần gặp đầu tiên của họ: “Hãy đến và ở với tôi. Nhà của tôi là nơi ở mà các linh mục giáo xứ từ nông thôn và các linh mục khác, bạn bè của tôi, thường ở lại” (CL 7, tr. 162). Trong một phần trước đó của tác phẩm, Blain đưa ra ý tưởng về gia đình de La Salle như thế nào với Gioan La San đứng đầu:

Khi còn trẻ, Gioan La San luôn thích sống theo quy tắc; sự giữ luật, một đức tính được trân trọng, chi phối mọi hành vi của ngài. Ngài đã thấy thái độ này được thể hiện ở Saint Sulpice và ngay từ đầu đã được hưởng lợi từ cách hành động này. ... Ngài thích mọi việc phải được thực hiện đúng thời điểm: từ việc thức dậy, cầu nguyện bộc phát và nguyện gẫm, ăn uống, đọc sách thiêng liêng, cho đến các bài linh thao khác và các hoạt động khác nhau trong ngày.

Việc đọc kinh thần vụ của ngài là yếu tố trung tâm và là yếu tố điều chỉnh chính của tất cả những việc còn lại. Khi ngồi vào bàn ăn, ngài có những quyển sách hay để đọc. Điều kỳ diệu là vị kinh sĩ trẻ này, thông

qua tấm gương và cách cư xử hấp dẫn của mình, đã thành công trong việc thuyết phục ba cậu em trai sống cùng mình theo đuổi lối sống giống với một chủng viện hơn là một gia đình khá giả (CL 7, tr. 142).

Với cái nhìn thoáng qua về nếp sống hằng ngày của Gioan La San khi còn là một kinh sĩ và linh mục trẻ, thật là phù hợp để kết thúc cuộc khảo sát này về các lực lượng giáo dục đã định hình nên cuộc đời ngài. Lễ thói gia đình trên đường Sainte-Marguerite theo một nghĩa nào đó phản ánh những năm tháng đèn sách; theo một nghĩa khác, nó tạo tiền đề cho việc thành lập các cộng đoàn tông đồ của các thầy giáo tận hiến, những cộng đoàn này sẽ trở thành thành tựu vĩ đại nhất của ngài. Thế giới mà ngài lớn lên sắp xung đột với thế giới của người nghèo, nơi ngài sẽ sống phân đời còn lại. Thách thức để cải đạo, để sống Phúc âm một cách triệt để, đang ở ngay phía trước.

Lời cuối cùng nên dành cho chính Gioan La San. Ngài đã viết: “Thiên Chúa, Đấng hướng dẫn mọi sự bằng sự khôn ngoan và thanh thản và không ép buộc khuynh hướng của con người, đã muốn giao phó tôi hoàn toàn cho sự phát triển của các trường học. Người đã làm điều này theo một cách không thể nhận thấy và trong một thời gian dài, để từ dần thân này đến dần thân khác theo một cách mà tôi đã không lường trước được ngay từ đầu” (CL 7, tr. 169).

Tác giả

Huynh Luke Salm, FSC, Tiến sĩ Thần học, hiện là



Giao sư ngành Nghiên cứu Tôn giáo tại Manhattan College (Thành phố New York) và là cựu Chủ tịch của Hiệp hội Thần học Công giáo Hoa Kỳ. Là đại biểu được bầu tham dự các Tổng Công hội lần thứ 39, 40 và 41 của Dòng Anh Em Trường Kitô Giáo, thông qua các hoạt động viết lách và diễn thuyết, Huynh Luke hiện đang nỗ lực phổ biến đến đông đảo công chúng những nghiên cứu học thuật mới nhất về cuộc đời của Thánh Gioan La San cũng như lịch sử sơ khai của Dòng các Sư huynh. Huynh từng đảm nhiệm vai trò biên dịch và biên tập cuốn *Beginnings: De La Salle and His Brothers* (1980); đồng thời cùng với Huynh Leo Burkhard, FSC, đồng tác giả cuốn *Encounters: De La Salle at Parmenie* (1983). Với tư cách là một học giả kiêm tác giả, Huynh Luke cũng đã chấp bút viết tiểu sử về Thánh Sư huynh Miguel, Thánh Sư huynh Bénilde, Chân phước Sư huynh Arnold, Sư huynh Scubilion, và gần đây nhất là về chính Thánh Gioan La San.

San Jose ngày 30 tháng 4 năm 2026
Kỷ niệm 375 năm ngày sinh của Thánh Gioan La San